

Xuân Canh Tý



du Xuân - màu dầu - Lê Nguyễn

Lê Nguyễn 1-20

Cung Chúc Tân Xuân Canh Tý



Ghi số 12 đến tay quý độc giả thông lệ hằng năm vào dịp Tết Nguyên Đán, ghi chép, trình bày, tóm lược các sự kiện xảy ra đăng trên web Góc Nhỏ trong năm 2019, một cuốn sổ tay của Góc Nhỏ. Năm nay Góc Nhỏ bước qua năm thứ 13, một chặng đường thật dài. Nhìn lại năm qua:

Minh Thần vẫn là cây bút dịch thuật chủ lực. Số lượng bài dịch nhiều nhất so với các năm qua.

Đặc biệt năm 2019 có 2 bài chứng nghiệm rất hay của Sunyati Ngọc Thu.

Hoàng Nam dần ít đi trong năm qua, tuy nhiên với 9 năm dài góp mặt trên góc nhỏ kể từ năm 2011 tới nay, số lượng bài nhạc của Hoàng Nam cũng không phải là nhỏ. Để tạ ơn sự công tác của Hoàng Nam Góc Nhỏ cũng đã tu chỉnh lại cách trình bày tổng quát các bản nhạc của Hoàng Nam trước kia cho được đồng nhất. Trình bày chi tiết như nền hình bản nhạc, tựa đề các bản nhạc thì do chính Hoàng Nam thực hiện.

Hình ảnh nghệ thuật dưới ống kính nhà nghề của Hiếu Tường vẫn còn tiếp tục đều đặn, hy vọng Hiếu Tường vẫn tiếp tục sáng tác để cống hiến cho chúng ta các hình ảnh đầy nghệ thuật.

Hình ảnh sinh hoạt, thông tin Subud Việt Nam vẫn qua Hồng Hạnh.

Góc nhỏ trân trọng tri ân sự đóng góp của quý huynh đệ.

Trước thềm năm mới kính chúc quý độc giả, quý thân hữu, quý huynh đệ một năm mới An Khang Thịnh Vượng trong ân lành của Thiêng Liêng Toàn Năng.

góc ảnh

Vài hình ảnh tượng trưng trong năm qua trên web Góc nhỏ. Độc giả muốn xem đầy đủ hơn hãy vào góc ảnh.



Tháng 2/2019 - Saigon - Tân niên Subud Việt Nam













13/3/2019 - Sinh nhật 91 tuổi của Ibu Rahayu





13/3/2019 - Sinh nhật 91 tuổi của Ibu Rahayu





13/3/2019 - Sinh nhật 91 tuổi của Ibu Rahayu



4/6/2019 - Sungkum Ibu Rahayu tai Wisma



22/6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Wisma





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Saigon



Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Việt Nam





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Việt Nam



Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Việt Nam





Tháng 6/2019 - Sinh nhật Bapak tại Việt Nam



Tháng 11/2019 - Họp mặt tại Nam Cali





Lúc nửa sống nửa chết

Minh Thần dịch

Luqman Williams- Subud Voice April 2017

Sự kiện là ngoài những dụng cụ mình cần để hoàn thành những nhiệm vụ của mình, tất cả những gì con người có là bốn phận mình.

Nhớ lại một buổi tối nọ trong năm 1997 lúc tập latihan nhóm, tôi (âm thầm) chợt nghe thấy một tiếng nói: "Người còn được 2 tuần nữa." Tuy không mấy tin điều đó và cũng không đề cập nó với bà xã tôi là Mariam, tôi chuẩn bị sắp xếp mọi việc của mình để bảo không bị những gánh nặng vô ích bởi sự qua đời của tôi.

Một tuần sau đó hay khoảng đó, lại có tiếng nói đó: "Đó là Thứ Tư tới đây." Nên Thứ Tư đó tôi thanh toán những tài khoản của mình, ký kết những văn kiện này nọ, mà vẫn không còn muốn cho Marian lo lắng về chuyện đó, và cũng không làm gì nhiều khiến mình lo lắng.

Tuy vui lòng quy phục ý Thượng Đế nhưng tôi lo buồn vì mình phải bỏ lại vợ con mình; tôi chỉ có thể tin tưởng và mong cho Thượng Đế sẽ chăm sóc họ.

Nói tóm lại, tôi trải qua điều gì như sự chết, nhưng giữa đêm, lúc Thứ Tư qua Thứ Năm, tôi nhận thấy thực ra mình đã không chết. Lúc buổi sáng, cuộc sống hằng ngày của tôi trở lại như thường, nhưng qua vài ngày tiếp theo đó tôi nhận thấy nếu nghĩ tới một kẻ nào đó đã chết, thì tôi biết được tình trạng họ và những gì khiến họ bị như vậy.

Tôi cũng ý thức được là cái thế giới 'bên kia' hoàn toàn không xa cách cái thế giới này, nhưng bao bọc nó về mọi phương diện; đó là điều người ta gọi là thực tại, cái thực tại làm cho vạn vật hợp lại và tách rời nhau, là tác nhân, hành vi, sự biểu lộ của ý Thượng Đế, Đấng Duy Nhất. Tuy nhiên, ngày tháng trôi qua, tôi hiểu được rằng cái trạng thái đó của ý thức không thể duy trì được với một cường độ như vậy, và đó hình như cũng là điều Thượng Đế hình dung. May thay, chúng ta cũng được phép trở nên bình thường.

Một vài tuần sau đó, bởi chiếc xe của chúng tôi phải đem đi sửa, anh Jim Williams cho chúng tôi đi chung xe anh để đi tập latihan. Nhân lúc trò chuyện, tôi đề cập tới những điềm báo trước mà mình tiếp nhận được trong những latihan nhóm, và những biến cố dẫn tới Thứ Tư là ngày tôi nghĩ mình sẽ chết. Điều khiến tôi mất hứng là Mariam đã khóc, nhưng anh Jim lại có sự nhận xét của một kẻ dày dặn kinh nghiệm: "Hình như anh đang được chuẩn bị cho một nhiệm vụ gì đó." Chẳng bao lâu sau đó, theo cái quá trình thông thường, tôi trở thành nghị viên tâm linh của Subud Anh. Hiển nhiên, mặc dù những khuyết điểm của tôi, cái chứng nghiệm đó cần phải có khiến cho tối thiểu tôi biết được Bapak đòi hỏi gì ở mình tuy đã mất.

Hồi ức về Bapak

Minh Thần dịch

Subud Voice June 1995

Tôi là một hội viên mới...
(Melisa Riparetti Byers)

Lần đầu tôi gặp Bapak là lúc tôi mới được khai mở. Tôi thích latihan nhưng không thích nghĩ tới Bapak, bởi tôi không biết ông thực sự là gì.

Tôi bước vào một phòng tập rộng lớn và đông đảo thì chợt trông thấy Bapak đi vòng đến phía mình. Tôi kinh ngạc trông thấy một ánh sáng rực rỡ phát ra từ cơ thể ông, chiếu ra khắp nơi chung quanh ông. Cái ánh sáng phong phú và đầy đủ đó có đầy trong cơ thể tôi với một năng lượng mà tôi không thể dùng ngôn từ để diễn tả. Tôi hoàn toàn chìm đắm trong một không khí thánh thiện xuất phát từ cơ thể của Bapak. Tôi cảm thấy điều đó với cơ thể mình, và nhìn thấy với con mắt mình. Khi Bapak đi ngang qua, tôi cảm thấy cái ánh sáng mất đi khiến phải khóc rất nhiều.

Tôi chưa từng cảm thấy một lần nữa điều gì như ánh sáng của Bapak...Tôi tự hỏi không biết thiên đàng có thứ ánh sáng nào như vậy không. Kể từ hôm đó, tôi không còn nghi ngờ gì nữa về tâm tính của Bapak. Với tôi đó là một ân huệ. Thượng Đế ban cho tôi chút ân huệ bởi lòng hoài nghi không bỏ đi được của tôi. Nó đã tan biến với ánh sáng đó.

Sau khi Bapak mất
(Sjahari Hollands)

Tôi nhớ lại một vài trải nghiệm lúc mình tới thăm Indonesia trong năm 1969. Hồi đó thì khác hẳn. Wisma Subud nằm một nơi tại đồng quê. Phòng tập latihan hiện nay hồi đó chưa có.

Phái nam thường cùng nhau thức đêm để canh gác. Một buổi tối nọ, tôi còn nhớ là Bapak gọi 3 hội viên ra đứng trước mình để tiếp nhận. Câu hỏi đầu tiên là "Bapak sẽ bên cạnh chúng ta sau khi qua đời?" Câu hỏi kế tiếp là "Bapak sẽ bên cạnh chúng ta để giúp chúng ta trong 100 năm?"...rồi "khoảng 500 năm?"...rồi "10 000 năm?" Sự tiếp nhận dần dần trở nên mãnh liệt và vui sướng hơn với mỗi câu hỏi. Bapak giải thích một khi đi khỏi cái thế gian này mình sẽ được tự do giúp đỡ chúng ta nhiều hơn những gì mình có thể làm trong khi còn nơi đây. Bapak xác nhận là mình sẽ mãi mãi bên cạnh chúng ta.

Tôi khó có thể đến gần Bapak. Mas Sudarto cho tôi hay là xét từ góc nhìn của tâm hồn thì thực ra rất khó có thể đến gần Bapak. Theo tôi đoán, điều này có nghĩa là mình phải trong trạng thái latihan để được như vậy, một trạng thái hầu như không thể đạt được bất cứ lúc nào.

Hiện nay trong latihan tôi đôi khi có thể cảm thấy gần cận Bapak. Một vài hội viên khác đã có những chứng nghiệm kì diệu về sự hiện diện của Bapak.

Một chuyện ngoài sức tưởng tượng tại Planegg (Ruth Gruson)

Tháng 6 năm 1957 anh John Bennett gọi tôi tới Coombe Springs, bởi theo bức thư viết cho tôi thì một vị cứu tinh vĩ đại nhất của nhân loại đã tới.

Mùa Giáng Sinh năm 1957 Bapak lần đầu tiên tới tư gia của tôi tại Planegg ở Đức, và đó là sự khởi đầu của một thời kì được ân phước.

Một hôm nọ, một điều ngoài sức tưởng tượng xảy ra khiến cho một người dày dặn kinh nghiệm như John Bennett hầu như đã phải choáng váng, và đó là một điều mà cho tới nay hầu như tôi chưa từng nói tới. Sau khi một vài người đầu tiên được khai mở, anh John hầu như sững sờ bước ra phòng tập. Tôi hỏi anh: "Chuyện gì vậy?"

"Bapak đứng phía trước chúng tôi. Chúa GiêXu đứng phía sau chúng tôi, Đức Muhammed và Moses mỗi người đứng bên cạnh.

"Trông chúa GiêXu ra sao?"

"Toàn thân là ánh sáng. Hầu như không thể nhìn vào!"

Mỗi tối Bapak và đoàn tùy tùng từ trên lầu đi xuống dưới nhà để sinh hoạt cùng chúng tôi trong nhiều giờ. Lúc đó chúng tôi nghiệm thấy, nghe thấy, trông thấy những gì hoàn toàn lạ thường. Bapak vừa cười vừa nói: "Tất cả những điều đó xảy ra vì không máy thu thanh hay máy quay phim."

Trong cuộc viếng thăm lần đầu là lúc có tuyết. Khi có những bông tuyết đầu tiên, Bapak và con gái chạy ra ngoài để bắt lấy một vài cái. Họ ngạc nhiên vì sự đẹp đẽ của những băng tuyết nhỏ bé đó.

(Khi được 87 tuổi, phụ thân của anh Ruth được khai mở. Sau đó, khi ông cụ đau ốm, Bapak đến ngồi bên cạnh giường ông để săn sóc ông cụ theo cách đặc biệt của mình và giúp ông vượt qua cơn khủng hoảng đó. Sau đó, ông được mạnh khoẻ hơn và hưởng thọ tới 94 tuổi, và luôn tập latihan trong suốt lúc đó).

Bapak đến nhà tôi một lần nữa để từ biệt. Nhưng trong lòng mình tôi cảm thấy nặng trĩu vì nhận thức được trách nhiệm của mình. Tôi đã đem Subud tới Đức, và bây giờ nó đã phát triển khiến không thể xem thường được. Tôi ngồi bên cạnh Bapak và nói chuyện với chị Margaret Wichmann về nỗi lo của mình. Bapak nhìn tôi – tôi không bao giờ quên được cặp mắt của Bapak thông cảm sự u sầu của tôi. Bapak không nói gì hết, nhưng khi ra về Bapak đứng lại một chút rồi nói với tôi: "Bapak sẽ không đi mất." Và đó là điều an ủi tôi rất nhiều – Bapak sẽ không đi mất – bởi kể từ đó trở đi tôi biết là Bapak luôn hiện diện, bất cứ lúc nào được cần tới.

Ba vụ bí mật của Fatima (Rosalind Braby)

Người đầu tiên nói với tôi về 3 vụ bí mật của Fatima là anh Lateef Ismail. Chúng tôi gặp nhau tại một buổi họp nọ ở Sao Paulo, Brazil trong năm 1981. Anh Lateef vừa đến từ Lisbon và đã được dẫn tới làng mạc nhỏ bé ở Fatima, nơi người nói cho anh hay về 3 vụ bí mật mà Đức Mẹ tiết lộ cho 3 cô bé nhà quê trong năm 1917. Hai cô đã qua đời và cô thứ ba hiện còn sống trong một tu viện ở Fatima, không hơn không kém là một tù nhân của các hồng y, hình như vậy.



Fatima, Bồ Đào Nha - Ảnh: Lê Nguyễn

Cô nói Bapak là một người phương Đông được Thượng Đế phái tới. Bí mật thứ nhất là nếu thế giới không cầu xin Thượng Đế cứu giúp mình, thì sẽ xảy ra Thế chiến Thứ hai. Bí mật thứ hai là sự xuất hiện của một người phương Đông ăn mặc theo lối Tây phương. Sứ mệnh của người đó là chỉ cho thiên hạ thấy con đường tới Thượng Đế để kết hợp tất cả các tôn giáo.

Bí mật thứ ba sẽ được Đức Giáo Hoàng tiết lộ cho thế giới trong năm 1960, nhưng tất nhiên điều đó đã chưa từng xảy ra.

Sau khi đã lưu lại tại Sao Paulo, chúng tôi đi theo Bapak tới Medellin. Sau một buổi latihan tại đó, tôi đang ngồi cùng chị Virginia krieg thì Muti, cô cháu gái của Bapak, đến ngồi chung. Cô nói:

"Mấy chị đã đọc một bài nọ trong tờ London's Guardian hay chưa?"

Cô kể cho chúng tôi là trong lúc Bapak và phái đoàn còn ở London thì đã có bài báo đó. Bài đó thuật lại việc một máy bay bị cưỡng đoạt bởi một tu sĩ là hội viên Subud. Kẻ đó mong thuyết phục được Đức Giáo Hoàng bí mật thứ ba của Fatima. Nhưng bởi lo sợ cho sự an toàn của hành khách bị liên lụy, vị tu sĩ đó đã chịu thua khiến cho nội vụ bị im đi.

Từ London Bapak tới Vienna, rồi tới Lisbon. Trên đường bay tới Lisbon, Muti nhận thấy mình ngồi gần một vị hồng y Công giáo. Họ cùng nhau trò chuyện, và Tuti biết được vị hồng y đó đến từ Fatima. Cô hỏi ông: "Tại sao Đức Giáo Hoàng không công bố bí mật Fatima thứ ba?"

Có vẻ hơi căng thẳng ông nói là chuyện đó rất khó nói, rồi nói lảng sang chuyện khác. Sau đó, ông chỉ Bapak hỏi Muti người đó là ai. Muti nói: "Ông tôi đấy." Cô sắp nói gì thêm nữa nhưng chợt đổi ý định.

Khi động cơ không chạy nữa...

Chúng tôi đi cùng một chuyến bay với Bapak từ Medellin tới New York. Anh Mark cùng chị Virginia Krieg và bản thân tôi là những hội viên Subud duy nhất, ngoài Bapak và gia đình.

Máy bay đáp xuống tại Barranquilla để tiếp nhiên liệu, và vừa mới cất cánh. Tôi có thể rõ rệt trông thấy Bapak tại một chỗ ngồi gần cửa kính. Chúng tôi đang ngồi trên máy bay khoảng 15 phút thì đột nhiên động cơ không chạy nữa và các ánh đèn đều tắt.

Tôi lập tức nghĩ: "Điều gì đang xảy ra vậy? Trời ơi, không được đâu, bapak đang trên máy bay." Tôi trông thấy Bapak nhìn ra ngoài cửa kính. Tôi tự hỏi không biết Bapak đang nhìn cái gì, vì chỉ có những đám mây.

Khi động cơ chạy trở lại và ánh đèn bật lên, điều này như là chẳng có gì đã xảy ra.

Chúng tôi đến New York, và sau đó tôi nói chuyện với anh Konrad Baerveldt, một người mình từng quen biết ở Nam Phi. Anh đến hỏi Bapak về cuộc phẫu thuật sắp tới của một người anh em ruột thịt. Khi anh vào gặp Bapak, Muti hỏi anh: "Ông có nghe nói gì về những gì xảy ra cho máy bay trong khi tới đây?"

Konrad nói là không, Muti nói tiếp: "Chúng tôi vừa rời khỏi Barranquilla thì đột nhiên ánh đèn đều tắt còn động cơ thì không chạy. Bapak tự nói với mình là dù bất cứ gì xảy ra, Bapak lấy làm đau buồn cho gia đình mình và gia đình Subud của mình đang cùng trên máy bay."

"Ngay lúc đó Bapak nói với tôi là mình nhìn ra cửa kính trông thấy một thiên thần đang nâng đỡ máy bay cho tới khi động cơ chạy trở lại."

Tôi hết sức kinh ngạc. Tôi nhớ đã đọc một đoạn trong một bài nói chuyện của Bapak trong đó có nói tới những thiên thần rất to lớn.

Hai chứng nghiệm

Minh Thần dịch

Hartley Ramsey Subud Voice January 2000

Vật dẹt màu của vàng

Trong A Memoir of Subud Varindra Vittachi có kể một chuyện trong đó Bapak cho hay sự giúp đỡ của Thượng Đế gần hơn điều chúng ta thường nghĩ, có lẽ chỉ cách vài phân – nhưng chúng ta phải tới đó để được trợ giúp.

Xúc động vì thực tại của những điều mình đọc, tôi hình như sống lại một chứng nghiệm tại Coombe Springs mà mình hầu như đã quên hẳn, lúc tất cả trở nên cuồng nhiệt, điên rồ, hứng thú và mọi người trên thế giới hầu như đều đứng xếp hàng trước cửa phòng của Bapak. Sau một latihan khai mở mạnh mẽ, tôi đứng như một pho tượng trong nhiều tuần, trong khi mọi người đều nhảy múa như những dervish [tu sĩ Hồi giáo], ca hát như những vị thánh và lăn té như những thẳng hề. Tôi cảm thấy mình bị bỏ rơi, là một kẻ ngoại cuộc, kẻ thứ 5 trong một điệu vũ chỉ gồm 4 người.

Trong một latihan nọ trong một 'túp lều' (dựng lên để đáp ứng số hội viên càng lúc càng gia tăng) tôi thấy mình bên bờ một dốc đứng nhìn những đồng bằng rộng lớn nơi một chân trời vô biên và trong sáng.

Tới một lúc nào đó tôi liếc nhìn lên trên thấy một vật dẹt to lớn màu vàng tại một nơi rất cao trên trời. Không do ý muốn tôi đưa hai cánh tay lên. Khi tôi làm như vậy, vật dẹt đó tiến tới phía mình. Tôi vươn mình lên thì nó tới gần hơn, trở nên nhỏ bé hơn, hình như để cho phạm vi của nó thích ứng với phạm vi của tôi. Khi kích thước của nó chỉ hơn vài phân, nó bay lượn tại một nơi trên những ngón tay tôi. Lúc đó tôi đã đứng trên đầu những ngón chân mình, mỗi thứ thật và dây thần kinh đều căng ra. Khi tôi vươn mình lên một lần nữa, nó đến gần hơn. Ngay lúc những ngón tay tôi cuối cùng nắm lấy được bờ cạnh của nó, tôi la hét trong cái latihan đầu tiên của mình.

Trong sự ngạc nhiên và sửng sốt mí mắt tôi rung rinh mở ra. Ngay phía trước tôi Bapak đang đứng, khuôn mặt Bapak chỉ cách độ vài phân. Điều này khiến tôi phải sửng sốt và la hét một lần nữa, và Bapak tiếp tục đi đây đó trong phòng.

Đúng thế – khi Bapak nói sự trợ giúp của Thượng Đế chỉ cách mình độ vài phân, thì đúng y như vậy. Kể từ lúc đó tôi luôn ca hát trong latihan.

Đúng là Chúa GiêXu

Khi Subud trở nên vững chắc nơi mình, chúng tôi được phép mỗi tuần tập thêm một latihan ở

nhà. Hồi đó có một chứng nghiệm có tác dụng tốt đẹp với tôi và chứng thực được điều Bapak nói lúc từ biệt.

Lúc đó là một buổi tối lạnh lẽo. Tôi tắt đèn trong phòng ngủ rồi tập latihan. Ban đầu có một lô những ý nghĩ và những gì tôi tự nói mình. Kế đó là những hình ảnh trong đó tôi thấy Chúa GiêXu hiện ra trong latihan, khiến tôi tự hỏi không biết như vậy là có thật hay không. Tôi đã tự dối mình? Trí tưởng tượng mình đã trở nên quá phong phú? Đặc biệt Chúa GiêXu lại là một tượng nhỏ làm rất đẹp bằng thạch cao tuyết hoa, chung quanh có những con chim màu trắng. Chắc chắn tất cả chỉ là tưởng tượng? Khi tôi càng nghi ngờ nhiều hơn, những nghi ngờ của mình chợt được kiểm chứng. Tôi bị khiến cho phải quỳ trên đầu gối, và từ thâm sâu đáy lòng phát ra một lời đáp với một sự nhấn mạnh khiến ngạc nhiên: "Đúng là Chúa GiêXu! Đúng là Chúa GiêXu!"

Tôi biến thành một hòn đá cứng nhắc, lạnh lẽo, trơ lì, bất động và vô sinh khí. Có gì đó bên ngoài tôi sáng suốt nhìn xem cái chứng nghiệm đó như đang nhìn một toàn cảnh. Chợt hiện ra miệng một con cóc kinh khiếp, từ cửa miệng có một cái chân yếu đuối đang đu đưa của con người. Y như một bức tranh của họa sĩ Hieronymous Bosch – không là vẽ, mà là có thật. Tôi sợ hãi giật lùi người lại. Khi làm như vậy, tôi được khiến cho hiểu được mình phải xuống địa ngục nhiều lần cho tới khi con cóc ghê tởm đó được chuộc tội.

Khi tiếp tục có latihan, tôi nhận thức được nơi mình đang quỳ trong căn phòng nhỏ bé của cõi trần này, là nơi có đầy ánh sáng rực rỡ màu trắng từ một cội nguồn nào đó bên ngoài. Tôi ngồi trên gót chân, mắt tuy nhắm chặt nhưng lại là mở to ra. Ánh sáng đó thật chói mắt, nhưng hình như dần dần mang lấy hình thù của một sự hiện diện hùng mạnh và vô hạn vượt ra ngoài nơi tôi để xuyên qua trần nhà và đi vào một nơi thật xa xôi trên bầu trời ban đêm.

Một lần nữa, khi đặt trán mình trên sàn nhà, tôi rõ rệt (nhưng không thể chịu đựng) nhận thức được mình đang cúi xuống bên chân Chúa GiêXu. Ngay trước mặt tôi, trong phạm vi có thể đụng vào, nhưng tôi không dám. Tôi được nâng lên cao, hai cánh tay dang ra. Và như vậy là xong.

Khi cuối cùng tôi có thể nói cho Bapak hay (khi Bapak tới Coombe Springs lần kế tiếp) về điều xảy ra trong trong cái latihan ở nhà, điều Bapak đáp làm cho đầu óc và tim can khốn đốn của tôi được yên nghỉ: "Bạn trông thấy Chúa GiêXu trong lúc bạn thành tâm hối cải."



Bapak bình thường, nhưng bình thường một cách phi thường

Minh Thần dịch

Raymond Lee June 1988

Một trong những điều khiến tôi ngạc nhiên nhất sau khi thành hôn với Muti, cháu gái của Bapak, là đời sống gia đình hoàn toàn bình thường của Bapak. Bapak chưa từng cho mình là 'thánh thiện' – người làm những điều này nọ như bất cứ ai khác, chính những gì xảy ra chung quanh người khiến người trở nên 'phi thường.' Đó là những điều chợt đến với Bapak mà cần phải có, bởi tình trạng của Bapak. Trong trạng thái 'toàn diện.' Chúng ta luôn nhắc nhở mình là phải cảm nhận được latihan, nhưng đối với Bapak thì luôn luôn có latihan, nên tất cả những gì mà người làm đều là latihan.

Anugraha, Widjojo, Kalimantan

Ta có thể thấy được sự phi thường của Bapak trong cách thiên hạ cư xử với người. Như lần cuối khi người tới Anugraha (trung tâm hội nghị của Subud ở Anh), khi thiên hạ tới gặp người từ khắp nơi trên thế giới. Họ đã khóc khi họ chào hỏi người. Nhưng Bapak chỉ tỏ vẻ hoàn toàn bình thường.

Trong lần đến thăm cuối cùng đó, Bapak lấy làm vui mừng vì Anugraha. Trong những lúc latihan, tôi còn nhớ là người đã nói rằng nếu thiên hạ hiểu được Anugraha thực sự tượng trưng cho điều gì, thì sẽ không có chuyện thiếu thốn tiền bạc.

Tôi còn nhớ tới một buổi nói chuyện cách đây lâu về kinh doanh, trong đó người nói căn bản sai trái của kinh doanh là tư lợi của chúng ta. Người nói điều đó trước khi mọi chuyện không được như ý, tuy hồi đó tôi chưa thể nhận thấy như vậy, nhưng Bapak thì đã thấy được.

Anh Lienhard Berger có nói: "Chỉ bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu được những gì đã xảy ra trong kinh doanh...chúng ta đã làm việc không đúng cách, đã đuổi theo những mộng tưởng là mọi việc sẽ xảy ra theo ý mình, và hậu quả là tất cả đã sụp đổ." Điều chúng ta thực sự cần phải làm là đặt mình trong một trạng thái luôn sẵn sàng của latihan, mà không mộng tưởng và tham lam.

Bapak đã thất vọng vì chúng ta đã không thể làm được như vậy. Người luôn sẵn sàng. Người có thể thấy được như thế nào mọi chuyện sẽ xảy ra. Như lúc khởi đầu của PTS Widjojo: khu đất của tòa nhà cho thuê mua văn phòng đó xây cất cách xa trung tâm Jakarta, nhưng lúc đó lại không có nhiều người muốn thuê mua. Nhưng khi tòa nhà đó xây cất xong, có rất nhiều người đến thuê mua. Giá thuê mua tăng lên kinh khủng. Năm 1983 Bapak tiếp nhận được là phải xây cất một khách sạn. Người rất phấn khởi và không lúc nào không nói tới chuyện đó.

Người muốn bán Widjojo để có tiền cho khách sạn. Nhưng mọi người đều nói: "Không được đâu Bapak, không thể làm chuyện đó được!" Nên Bapak cũng đành chịu. Hiện nay đã có một kẻ khác xây cất khách sạn, và đó lại là lúc người ta cần khách sạn, còn thị trường thuê mua văn phòng thì xuống dốc, và nếu không xảy ra một phép màu thì chúng tôi đã bịthiệt thòi nặng nề.

Với Kalimantan thì cũng y như vậy. Bapak thấy được những gì sẽ xảy ra, và người muốn lôi kéo Subud vào. Hiện nay người ta đang đổ xô đi tìm vàng tại Kalimantan, bởi có những thuyết mới về cách vàng hình thành trong vỏ Trái Đất, về cách kiếm vàng. Hiện nay có 60 công ty đang tìm kiếm vàng, và hàng trăm ngàn những kẻ đãi vàng bất hợp pháp tại những sông ngòi. Bapak đã thấy được tất cả những điều đó. Bapak luôn sẵn sàng, còn chúng ta thì sao?

Lúc Bapak tức giận

Tôi còn nhớ lại là chỉ thấy Bapak đã tức giận có hai lần. Lần thứ nhất là lúc có một người trong gia đình của Bapak bước vào phòng, Bapak liền nói: "TÍNH DẬY ĐI!" để làm cho vị đó bị một cú sốc.

Lần thứ hai là trong lúc có một buổi trắc nghiệm tại Cilindak. Tuy mỉm cười nhưng Bapak bực tức nói: "Các bạn đã không trả lại 1% của những gì mà Thượng Đế đã ban cho mình, vậy mà các bạn lại than trách."

Người liền trắc nghiệm: "Thái độ các bạn nên ra sao trước mặt Thượng Đế?"

Một vài vị nữ thì đứng, những vị khác thì quỳ. Giọng nói của Bapak trở nên kinh khiếp: "CÚI XUỐNG!" Đó là lúc thiên hạ không ý thức được, không tuân theo latihan. Còn nếu bị chỉ trích, tất cả những gì Bapak nói chỉ là: "Cứ như vậy đi, nếu các bạn muốn trách Bapak."

Thiên hạ thường ngạc nhiên về việc Bapak không thay đổi nhân sự khi có ai đó làm những gì sai trái trong kinh doanh, bởi chắc chắn Bapak đã biết trước. Tuy thế, Thượng Đế cũng cho phép ta làm những gì sai trái, bởi nhờ vậy chúng ta mới học hỏi được. Thượng Đế không đuổi chúng ta đi, mà luôn vui lòng giúp đỡ chúng ta.

Bapak sẽ chúc phúc cho bất cứ ai yêu cầu mình. Người hầu như không bao giờ nói "không được đâu." Đôi khi những điều người khuyên bảo thiên hạ có vẻ trái ngược nhau. Điều này chỉ là Bapak luôn sẵn sàng – sẵn sàng đáp ứng nhu cầu và tình trạng của mỗi người.

Sự tận tâm của Bapak

Sau khi Bapak qua đời, tôi chợt nhận thức mức cam kết đối với latihan của Bapak: làm hết sức mình. Tôi đại khái thấy được những điều Bapak đã trải qua trong suốt đời người, như thế nào người đã chỉ việc tuân hành trong sự quy thuận hoàn toàn. Ngay cả khi bị gia đình chống đối. Ngay cả khi người được khiến cho hiểu là phải bỏ công ăn việc làm của mình để hoàn toàn đặt mình vào sự định đoạt của Thượng Đế.

Trong những lúc ban đầu, tình trạng của Subud vẫn còn mập mờ. Có một nhóm nào đó được lập nên rồi lại biến mất. Nhưng Bapak vẫn luôn kiên trì. Mọi việc đều có nhịp độ và thời kì của nó, nên Bapak đã phải đợi chờ 30 năm trước khi Subud có thể bành trướng, tuy người đã tiếp nhận được từ lâu là điều đó sẽ xảy ra.

Trong gia đình của Bapak người ta không nói về sự tiếp nhận của mình, người ta đợi chờ thực

tại. Chúng ta hiểu được sự khôn ngoan của việc làm đó, bởi lúc còn trẻ Bapak đã tiếp nhận được mình là một nhân vật quan trọng sau này. Người nghĩ có lẽ mình sẽ thành một 'Bupati' – như một thị trưởng, chẳng hạn. Điều đó cho thấy óc tưởng tượng có thể xen vào để bóp méo thực tại của một sự tiếp nhận.

Bapak biết cuộc sống mình có giới hạn, nên người luôn lôi chúng ta đi theo, cho tới khi có lúc chúng ta cảm thấy bị kiệt sức – và đó thực sự là lúc bắt đầu có một sự rung động!

Trong những nói chuyện của mình Bapak đã cho chúng ta một tấm bản đồ, nhưng chúng ta chỉ có thể đi nếu chính mình lên đường. Tất nhiên trên đường đi chúng ta không luôn phân biệt được thế nào là hướng dẫn, và thế nào là sao lãng và cảm dỗ. Điều này như là lần đầu tiên mình tập đi xe đạp. Mình làm tất cả những gì làm cho một chiếc xe đạp chạy được, nhưng vẫn còn bị té xe. Mình chỉ thành công khi học được cách giữ thăng bằng. Thế thăng bằng là điều chúng ta phải học, trong kinh doanh cũng như trong tất cả những gì mình làm.

Chúng ta phải thử đi thử lại mà không được bỏ cuộc, chúng ta phải cam kết như Bapak đã làm.



Một buổi trò chuyện với Husein Rofé

Minh Thần dịch

Ilainard Lennard June 1994



Bapak & Rofé

Ngày 18 tháng 4 năm 1994 khoảng 70 hội viên Subud họp mặt cùng nhau ăn uống tại khách sạn Aurora Garden ở Windsor bên Anh. Anh Tony Bright Paul là người đề xướng buổi họp mặt đó mà mục đích là gặp Hussein, nhân vật lần đầu đem Subud tới phương Tây trong năm 1956.

Lúc đó Hussein đã hơn 70 nhưng trí tuệ sôi nổi và cặp mắt sáng ngời sâu sắc của ông thì vẫn còn trẻ trung. Trong thập niên 50 ông viết hai cuốn sách về subud – The Path of Subud và Reflections on Subud. Cho tới những lúc gần đây ông đã sinh sống ở Hong Kong, nơi ông dùng năng khiếu đặc biệt của mình là nói được 20 hay 30 và hiểu được khoảng 90 thứ tiếng, và lập nên một kinh doanh ấn tượng về thông dịch tên là POLYGLOT.

Trong suốt đời mình là một người đi tìm sư học đạo, Hussein đã tìm thấy Subud trong đầu thập niên 50. Được một người Hà Lan mời tới Indonesia, ông liền tới đó mà không có một vé khứ hồi. Trong vòng 6 tháng ông đã gặp

Bapak. Nhận thấy trong Subud mình có thể tìm thấy những gì mình đang đi tìm, ông xin lập tức được được khai mở và hầu như trở thành người Tây phương đầu tiên tiếp nhận được latihan. Thiên khiếu ngôn ngữ của ông khiến ông đặc biệt trở thành một người thích hợp cho sự truyền bá của Subud bên ngoài Indonesia. Chẳng bao lâu sau đó, ông du hành để khai mở cho thiên hạ tại bất cứ nơi nào mình tới. Năm 1955 ông tới Anh, nơi ông thành một công cụ cho sự xuất hiện của đợt sóng những người đầu tiên vào Subud.

Hai hay ba năm sau Husein có ý định cư thường trực tại Quebec hay miền Tây nước Pháp.

"Nhưng có người đề nghị tôi nên tới Anh, trong đó có điều khoản là được ở trong một căn nhà đầy đủ tiện nghi tại Brighton với một khu vườn. Tôi không cho ai biết là mình tới đó. Tôi cảm thấy là 'mình cứ việc thử xem sao – nếu Thượng Đế muốn mình gặp các hội viên Subud, thì họ sẽ tới gặp mình.' Ngay tức thì, hoàn toàn do tình cờ, có ai đó đi vào cửa nhà.

Husein nói mình chẳng có gì đặc biệt để nói tới, nên yêu cầu mọi người hỏi mình. Bởi đương nhiên ông không muốn coi những gì mình nói là có 'uy tín' nên người ta thấy những điều ông trả lời là đáng chú ý.

Tôi nghe nói lần đầu tiên có latihan, thiên hạ có những chứng nghiệm mãnh liệt hơn hiện nay... Hậu quả là Bapak đã 'giảm bớt' sức mạnh của latihan. Ông có ý kiến gì không?

Đương nhiên là tâm linh người Indo thường nhạy cảm hơn phần đông chúng ta. Tôi nghe nói tới một nhân vật nọ có một chứng nghiệm thấy mình đi vòng quanh thế giới. Y trông thấy một người bạn mình đang hành hương tại Mecca trong lúc đó, và sau này người bạn đó đã xác nhận chuyện đó... Nhưng nếu nói Bapak làm giảm sức của latihan, thì điều này thật khó tin; có lẽ đó chỉ là lời khuyên của Bapak về sự nên tập latihan bao nhiêu lần. Điều bạn nói khiến phải nghĩ là Bapak đã không chỉ phó thác cho Thượng Đế. Tuy nhiên, có lần tôi đã hỏi Bapak là người có thể hay không cài đặt vào thiên hạ những ý nghĩ mà họ không ngờ bị cài đặt. Bapak thừa nhận mình có thể làm chuyện đó.

Khi còn là một đứa bé, ông đã từng cảm thấy, trước khi tới Indonesia, mình là một 'nhân vật của định mệnh'?

Tôi cảm thấy mình phải đi tìm một đường lối tu hành. Nhưng tôi cũng ý thức được những khiếm khuyết của mình, khiến mình cần phải được nâng đỡ. Tôi mong là sẽ tìm thấy ở Ấn Độ, chứ không ở Indonesia.

Ông có nghĩ là trước Bapak đã có những người tiếp nhận được latihan?

Chuyện này thì rất khó nói. Cách chúng ta hiểu latihan, việc cơ thể chúng ta cử động không do ý chí mình, điều này hình như cũng có thể nhận thấy ở những đường lối tâm linh khác. Nhưng Bapak có nói là trước đây latihan đã chỉ được ban cho hai người: thiên sứ Muhammed và Al Jailani, họ đã truyền cho những người khác, nhưng không đủ tư cách giảng giải và bình phẩm như Bapak lần đầu tiên đã làm.

Tôi nhận thấy phần đông các bạn là những người Thiên Chúa giáo. Bapak không nói Đức Ki Tô đã có latihan, điều đó là không thích hợp với thời đại của Chúa GiêXu. Nhiều vị sứ giả khác đã theo những gì thích hợp với thời đại mình.

Tôi đã từng đọc đâu đó latihan là con đường của tất cả các vị thánh và thiên sứ. Ông nghĩ thế nào?

Nếu bàn luận quá nhiều về điều này, thì chúng ta sẽ thấy mình tranh cãi về chứng nghiệm của những Nhân vật Siêu đẳng, và đó là điều chúng ta chẳng hiểu biết gì được!

Làm sao có thể khởi phát một chân văn hóa của Subud khi tình trạng phân hóa rất nặng? Vai trò của chúng ta là một cây cầu bắt ngang qua những phân hóa đó?

Bapak nhấn mạnh văn hóa là cái bao gồm tất cả, nhưng người cũng thường nói: (Husein biểu diễn bằng cách lấy một chiếc thìa gỗ lên những vật khác nhau) có sự khác biệt giữa người gỗ và vật được gỗ. Chỉ phát ra âm thanh khi cả hai đã trở thành một. Điều này cho thấy mỗi người chúng ta có khả năng tiếp nhận khác nhau...nhưng bởi đều cùng xuất thân từ một Cội Nguồn duy nhất, nên tất cả chúng ta đều có một tiềm năng như nhau.

Tôi luôn đi tìm một nền văn hóa bao gồm toàn thể thế giới, cái không bị giới hạn bởi chủng tộc và quốc gia. Hình như cùng xuất thân từ một Cội Nguồn duy nhất, nên chúng ta phải có cái gì là của chung, một tiềm năng là của chung cho tất cả chúng ta. Bởi thiên hạ ít khi cảm thấy có cái gì duy nhất, nên người này sợ kẻ kia. Nếu chối bỏ văn hóa của những người khác, chúng ta cũng chối bỏ cái gì đó của chính mình. Nếu không cảm thấy mình đồng hóa được với những người khác, thì như vậy là chúng ta vẫn còn phải tăng tiến nhiều hơn...

Không có văn hóa nào mà không thể tìm thấy trong Subud. Nhưng tôi đã có lần hỏi Bapak về biểu tượng của Subud, và người cho hay đó là cách cho thấy chúng ta lớn lên từ cái nhỏ bé để thành cái lớn hơn. Nhưng có 7 tia, và dù bành trướng như thế nào, bạn luôn đi theo cái 'tia' của chính mình, mà không thay đổi hướng đi. Vậy nên, không ai có triển vọng đạt được tất cả các văn hóa, họ bành trướng và phát triển theo cái của mình.

Trong latihan chúng ta thường nói năng theo miệng lưỡi mình. Ông đã từng nghe thấy thiên hạ nói những ngôn ngữ hiểu được mà chính họ cũng không biết?

Có và không: kể cả trong chứng nghiệm của tôi cũng như của người khác. Những ngôn từ chúng ta dùng thì trước đó đã có trong những ngôn ngữ khác, những ngôn ngữ chúng ta hoàn toàn không quen thuộc.

Nhưng Bapak đã có lần bảo tôi làm một trắc nghiệm trong đó tôi nói tiếng Anh. Tôi đã không nói được gì! Hình như jiwa hiểu được cái ngôn ngữ tiếp nhận được, nhưng trí tuệ lại không nắm bắt được, bởi những ý nghĩa và kích thích thì hoàn toàn xa lạ đối với jiwa hay trí tuệ. Vậy nên, đây không là một đề tài để tranh luận.

Nhiều người thích nghiên cứu những sách về siêu hình học, nhưng điều đó sẽ không giúp họ về mặt tâm linh: họ đã dùng cái không nên dùng khi tìm cách hiểu biết tâm linh với trí óc mình.

Ông nghĩ thế nào về việc hiện nay có latihan, chứ không xưa kia? Đó là vì tình cảnh của thế giới?

Bapak nói rằng lối sống của con người đã thay đổi rất nhiều. Nếu có thể trông thấy con người

cách đây 100 000 năm, ta sẽ nhận thấy tất cả đều khác hẳn. Chỉ tính dực là con nguyên vẹn! Hiện nay áp lực của óc não mãnh liệt hơn xưa kia, nhưng Bapak có nói là dù con người có tiến xa tới đâu đi nữa, Thượng Đế luôn còn xa cách hơn nữa. Hiện nay, Bapak nói, lối phụng thờ và lễ nghi truyền thống trở nên quá khó khăn. Có lẽ vì vậy mà Thượng Đế muốn cho con người có một con đường dễ dàng hơn để tiến bộ nhiều hơn, điều gì có thể theo tập trong khi còn sống một cuộc đời bình thường.

Ông còn nhớ được những gì Bapak nói về tương lai?

Tôi còn nhớ là Bapak đã nói tới những cuộc chiến hạn định, nhưng sau đó thì sẽ có một Thời kì Vàng son với những cơ hội mới lạ. Nếu muốn đưa tới cho thế giới một thông điệp mới mẻ, Thượng Đế trước tiên bắt con người phải chịu gian khổ, bởi nếu không thì con người sẽ không hiểu được nhu cầu của mình để cầu xin Thượng Đế cứu giúp mình, cho mình dùng được những cơ may được ban tặng. Nhưng Bapak thực sự tin rằng nếu có quá nhiều người trên thế giới nhưng thức ăn lại không đủ, thì sẽ có một giải pháp hay những tai ương vân vân để tái lập tình trạng quân bình. Nhưng Bapak không muốn làm mọi người phải lo sợ một cách không cần thiết.

Tôi tin là Bapak đã có nói là có nhiều người được khai mở nhưng cũng có nhiều người bỏ cuộc, bởi họ không hiểu gì về latihan. Ông nghĩ thế nào?

Biểu tượng của Subud mang nghĩa là trên căn bản tuy chúng ta đều có những cơ thể của con người, nhưng chưa chắc là chúng ta đã có những linh hồn của con người. Nhiều linh hồn chưa đạt tới trình độ con người; chỉ có rất ít linh hồn đã đạt được một trình độ cao hơn, có lẽ vậy khi họ là hiện thân cho một chủ đích đặc biệt gì đó.

Tiềm năng của mỗi người đều khác nhau: chẳng hạn, những căn nhà lớn thì chứa được nhiều khách. Khi vào Subud, thiên hạ chịu sự quy định của hai điều: tiềm năng phát triển và điều có thể gọi là tính nhạy cảm, cái khả năng chịu sự quy định của óc não. Những ai thường suy tư nhiều có thể trở nên kém nhạy cảm hơn những ai sống với cảm xúc mình nhiều hơn, như các nghệ sĩ. Cả sự di truyền lẫn tình trạng bị quy định của mình có thể khiến họ mất nhiều thời gian hơn trước khi có thể tiếp nhận được tốt.

Có những người khác sẽ nói với các bạn là cuộc sống họ đã hoàn toàn đổi thay với cái latihan đầu tiên. Hiển nhiên, kẻ mất nhiều thời gian nhất mới ý thức được đã có những gì thay đổi, là kẻ cần phải kiên nhẫn nhất, và đó cũng là kẻ rất dễ chán nản nếu muốn hấp tấp.

Bapak cũng cho hay là trước khi ai đó vào Subud, bản chất mình như một vòng tròn mà trung tâm là trí óc, linh hồn là chu vi. Điều này thì ngược lại, khi chúng ta được khai mở. Nếu suốt đời mình chúng ta chỉ tập trung vào những tri giác của thể chất, với trí óc là trung tâm, thì một cuộc cách mạng dữ dội của nội tâm sẽ xảy ra, tuy chúng ta có thể không ý thức được.

Ta có thể chứng tỏ mình kiên nhẫn, hay coi xem mình là hạng người làm vườn nào. Mình muốn bây giờ đào bới lấy hạt giống, hay đợi chờ cho tới khi mọc thành cây cỏ? Mình có chăm sóc và tưới nước đều đặn?

Phần đông thiên hạ hiện nay là có linh hồn thuộc trình độ vật chất. Họ như vật chất vô tri vô giác, thứ vật chất không làm chủ được định mệnh của chính nó. Như một hòn đá, thứ hòn đá

không thể tự chuyển động. Một vài hội viên Subud giống như thế. Một vài người trong các bạn là phụ tá, chắc các bạn đã nhận thấy những kẻ đó sẽ được lợi nếu có ai giúp họ, nhưng họ không thể tự giúp mình khi tập một mình. Điều này cũng đúng một phần nào với những linh hồn trình độ thực vật.

Những ai trong chúng ta thuộc trình độ con người thì không có là bao. Nhưng nếu bắt đầu, ngay cả từ chỗ thấp nhất, chúng ta có cơ may lên tới một trình độ cao hơn. Chúng ta có thể nhiều lần cảm thấy như mình đã 'chết' rồi được tái sinh. Nhưng điều này thì không nằm trong quyền hạn của con người, nếu muốn từ trình độ thứ tư đạt tới thứ năm: đây là một điều nằm ngoài sự hiểu biết của mình.

Phái Sufi đã khẳng định vài chuyện khá phi thường. Những điều đó là thật? Ông có thể cho biết những điều đó có nghĩa gì?

Phái Sufi là khía cạnh thần bí của Hồi giáo, sẽ không có ý nghĩa gì nếu không liên quan tới tôn giáo đó. Tuy là một đường lối tu tập có thể đem tới những kết quả đáng kể, nhưng Bapak đã có lần bình luận là bởi những nhà tu hành Sufi thường tập trung vào tim can, nên vài người đã bị bệnh tim.

Có sự khác biệt căn bản này là trong Subud Vị Thầy của chúng ta nằm trong lòng mình. Phái Sufi thì tin rằng phải có một sự truyền thụ qua một 'dây chuyền gồm những con người.'

Ở Cilandak có một kẻ nọ có thể tạo ra lửa vân vân, nhưng pháp thuật của y đã biến mất sau khi y vào Subud...

Theo Bapak, rất nhiều những điều như vậy là thuộc lĩnh vực của tà thuật. Subud có một Pháp Thuật cao siêu làm vô hiệu hóa những sức mạnh đó. Điều đó thì tôi có thể tin được, bởi có lần người ta kêu tôi đến giúp một thanh niên Java trong trạng thái xuất thần nhưng không lấy lại được trạng thái bình thường. Tôi nói là mình sẽ đến ngồi gần y, rồi bắt đầu làm latihan. Sau một phút, y mở mắt ra! Y không còn nhớ được bất cứ những gì đã xảy ra. Điều này cho thấy được tác động của những sức mạnh đó.

Anh Ysband Rogge, một người theo thuyết thần trí, thường cảm thấy cơ thể mình tắm trong ánh sáng, nhưng sau khi được khai mở, anh than phiền là tất cả những điều đó đã biến mất. Bapak nói rằng đó là bởi vì ánh sáng đó đã đi vào nội tâm anh, trở thành cái gì là của anh.

Husein Rofe còn kể nhiều chuyện khác (*) khiến mở tầm mắt, nhưng tiếc là đã không được ghi chép lại. Ông qua đời cách đây vài năm.

(*) Nhân tiện cũng xin được đề cập tới một chuyện ít được nhắc tới trong những giai thoại của Subud trong cuốn Reflections on Subud của ông: Bapak tiên tri là mình có thể sống tới hơn trăm tuổi, nhưng sẽ chết lúc tuổi hơn 80 sau khi hoàn thành sứ mệnh mình.

Chết không là gì hết

Minh Thần dịch

Subud Voice january 2019

(Bài thơ này anh Alhazmi, một hội viên vừa quá cố, yêu cầu anh Henry Scott Holland, bạn thân anh, đọc lên trong lúc an táng)



Chết không là gì hết
Không có gì đáng kể.
Chỉ là việc đi vào
Lẫn vào một phòng khác.
Không có gì xảy ra
Vẫn còn y như xưa.
Tôi vẫn còn là tôi
Bạn vẫn còn là bạn.
Cuộc sống vẫn còn đó
Không có gì thay đổi.
Tất cả vẫn còn đó
Tôi với bạn ra sao
Thì vẫn còn là vậy.
Đừng gọi tôi cách khác
Đừng tỏ ra nghiêm trang
Đừng tỏ ra buồn đau.
Hãy cười như mọi khi
Như lúc cùng đùa vui.
Hãy cầu nguyện cho tôi
Vui vẻ nghĩ tới tôi .
Tên tôi luôn như trước
Gọi lên không khó khăn
Không bóng tôi trên đó.
Cuộc sống luôn như trước
Luôn như lúc ban đầu
Luôn là sự nối tiếp.
Chết đúng ra là gì?
Chỉ là sự ngẫu nhiên
Không có gì đáng kể.
Tại sao lại quên tôi

Chỉ vì không thấy tôi?
Tôi đang đợi chờ bạn
Trong một lúc tạm ngưng
Nơi nào đó rất gần.
Mọi chuyện vẫn như thường
Không có gì đã mất
Không ai đã bị hại.
Chỉ xảy ra ngăn ngại
Tất cả sẽ như xưa.
Nghĩ tới lúc ra đi
Chúng ta sẽ cùng cười
Khi cùng gặp lại nhau!

Husein Rofe trong 'Stairway to Subud'

Minh Thần dịch

Anthony Bright Paul



Husein Rofe đóng một vai trò then chốt trong lịch sử của Subud, đặc biệt vì ông là người Tây phương đầu tiên được Pak Subuh khai mở ở Djogjakarta. Ông cũng là người đầu tiên đem Subud ra ngoài Indonesia tới Nhật Bản, Hong Kong rồi Cyprus. Cuối cùng là tới Anh!

Husein Rofé ở Hong Kong trước năm 1960 - ảnh: Sharif Hale

Ngoài ra, chính Rofe là người đã khai mở cho John Bennett, cho tất cả những đệ tử của lối tu Gurdjieff và những ai đã được Ouspensky đích thân truyền dạy.

Tôi coi mình là rất may mắn đã được ngắm ngời trò chuyện cùng ông tại Coombe Springs, và còn may mắn hơn nữa là được liên lạc thư từ với ông trong năm 1958. May mắn cho tôi là ông đã viết thư rất nhiều, và những bức thư đó cho thấy được tính khí ông.

Có điều chắc chắn này là Rofe đã khai mở cho Bennett, nhưng hai người họ chưa từng ưa mến nhau. Điều đó có thể thấy được từ những gì Bennett thuật lại trong cuốn *Witness* về sự khai mở của chính mình. Tất nhiên, những ai đã từng gặp họ trong năm 1957 thì có thể rõ rệt thấy được sự khác biệt hoàn toàn của họ về phương diện tâm lí và thể chất. Bennett là một người cao lớn gần tới 2 mét. Ông có tính của một nhân vật chỉ huy. Ông ăn mặc lôi thôi không gọn. Có lần tôi thấy ông mang một áo vét dùng trong lúc ăn uống, và điều đó trông thật khôi hài, không đúng cách. Người ta không bao giờ có thể trò chuyện cùng ông. Vì luôn phải nhận thức được mình đang trong tình trạng tu hành.

Husein Rofe thì hoàn toàn không như vậy. Lần đầu tiên tôi gặp ông, ông ăn mặc gọn gàng theo kiểu những người vùng nhiệt đới, và tôi cũng nhận thấy là ông đeo một chiếc đồng hồ mắc tiền với một quai bằng vàng. Thân hình ông gầy thon, với những nét của người dân vùng Địa Trung Hải. Khi chú ý tới ai, ông mỉm cười khiến cảm thấy dễ chịu. Tính chất ông hoàn toàn khác với ông Bennett.

Bennett là một nhà khoa học lỗi lạc và một người thông thạo nhiều thứ tiếng. Tất nhiên ông nói tiếng Pháp trôi chảy khiến có thể giảng đạo bằng thứ tiếng đó. Ông nói được tiếng Italy, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, vì đã có lần cầm đầu sở mật vụ của Anh tại Constantinople. Ông cũng học tiếng Nga, quen biết ngay cả một vài người Tây Tạng, và theo tôi nghĩ thì ông cũng nói được tiếng Đức. Chúng tôi thường nói là ông có thể nói được 20 thứ tiếng; tôi nói 'chúng tôi' vì họ là những thanh niên ở Coombe Springs, nhưng tôi không biết điều đó có thật hay không. Với chúng tôi thành tích có lẽ khiến ngạc nhiên nhất của ông là học được tiếng Indo trong vòng 3 tháng để có thể thông dịch cho Pak Subuh, và đó cũng là điều cho tới nay khiến Husein còn cay cú.

Nếu ông có thể nói được 20 thứ tiếng, sự hiểu biết của ông thật đáng phục. Có lần ông đã nói với là sau khi thông thạo được 5 ngôn ngữ, những ngôn ngữ tiếp theo không có gì khó khăn. Nhưng Husein thì thuộc một hạng người khác hẳn. Từ trước tới nay ông vẫn là một thiên tài về ngôn ngữ. Theo tôi biết, ông có thể nói tới 90 thứ tiếng. Thực ra thì không hoàn toàn đúng, bởi chính ông đã cho tôi hay điều này: với khoảng 30 ngôn ngữ ông phải dùng từ điển! Ông chỉ thông thạo hơn 60 thứ tiếng. Tôi đã tới căn nhà của ông tại Sussex trong đó có một phòng 3 mặt là những tủ sách và mỗi cuốn sách là một cuốn từ điển. Bởi điều khiến một dịch vụ thông dịch với sự trợ giúp của hai người bạn là Yacin và Riza, ông luôn nhận được những fax từ khắp thế giới. Với bất cứ ngôn ngữ nào ông có thể có tới 20 cuốn từ điển khác nhau, để ứng phó với những từ ngữ thuộc lĩnh vực công nghệ, hóa học và mọi ngành kĩ thuật.

Năm 1993 tình cờ được tin ông có mặt ở Anh, tôi điện thoại xin ông cho gặp mặt. Hồi đó ông đã hoàn toàn quên tôi và việc đôi bên đã liên lạc thư từ với nhau khoảng 3 lần trong năm 1958. Phải khó khăn lắm tôi mới gặp được ông, bởi ông không thích những ai làm mất thì giờ mình bất cứ thế nào. Ông là một người luôn bận việc.

Nhưng khi yên tâm nhận thấy tôi vẫn còn quan tâm tới Subud, ông vui vẻ tiếp tôi, và hình như chúng tôi luôn không đủ thời gian để trò chuyện. Sau một thời gian, chúng tôi gặp nhau trong một kỳ nghỉ hè tại miền Nam nước Pháp. Bà xã tôi là Eleen cũng nhận thấy ông rất có duyên, luôn lo cho chúng tôi, luôn có những ý kiến mới mẻ về những cuốn sách mới, hay những nơi khác nhau đáng tới xem.

Có lần tại Eze, một thành phố nổi tiếng thời trung cổ nằm trên một đỉnh đồi, chúng tôi đi ngang

qua những nhóm người thuộc những quốc gia khác nhau. Husein thường dùng tiếng Hoa hay tiếng Nhật. Một lần khác, chúng tôi đi qua biên giới Italy là nơi ông mời Eleen và tôi ăn uống và biểu diễn tài nói tiếng Italy của ông. Về tiếng Italy của Bennett, ông nói là Bennett có lần đã dùng tiếng Italy không đến nỗi tệ trong một cuộc trò chuyện nó. Một lần khác trong lúc ở Algeria, ông bị một anh cảnh sát nói tiếng Ả Rập chặn mình lại, rồi khen Husein là người thông thạo thứ tiếng đó. "Ông nói tiếng Ả Rập rất hay." "Ông cũng vậy," Husein nhanh chóng đáp.

Một lần khác trong lúc tại miền Nam Tây Ban Nha, ông lén nghe được một cuộc trò chuyện của một nhóm người ngồi bên một chiếc bàn khác. Họ hỏi chuyện ông. "Ông nói được tiếng Catalan?" "Không," Husein đáp, "nhưng tôi nói được tiếng Pháp, tiếng Tây Ba Nha, tiếng Italy và Ả Rập, nên hiểu được tất cả những gì quý vị nói."

Có lần tôi đã hỏi là ông học ngôn ngữ như thế nào, theo thứ tự nào. Hiện nay nếu tôi nhớ không lầm, thì ông đã nói những điều dưới đây.

Bởi phụ thân ông sinh sống ở Ai Cập, nên ông đã làm quen được với 4 thứ tiếng là Ả Rập, Italy, Pháp và Anh. Ông học tại một trường công của Anh, và trong những giờ học tiếng Pháp ông giết thì giờ bằng cách học tiếng Hebrew. Kế đến ông học tiếng Đức và Hà Lan, tiếng Nga và đồng thời 3 thứ tiếng của Scandinavia. Sau đó thì tôi không còn nhớ gì được, chỉ có điều chắc chắn này là tôi biết ông có học tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Hoa (tôi không biết là loại nào) tiếng Nhật và đương nhiên là tiếng Indo. Ngoài ra còn tiếng Hy Lạp nữa.

Điều ngộ nghĩnh là Bennett đã viết về 'hai bộ mặt của Rofe.' Tất nhiên là có hai, có hai bộ mặt của Bennett cũng như hai bộ mặt của Bright Paul. Nếu có những người đi tìm đạo, đi tìm thực tại, điều này không có nghĩa là họ lập tức trở thành những con người toàn thiện. Tất nhiên là không! Cần gì phải tu tâm tích đức nếu đã được thanh lọc? Vậy nên, điều đáng tiếc là Husein cảm thấy mình bị Bennett đối xử không tốt, nhưng có lẽ như vậy là có nguyên nhân. Chuyện này không liên quan tới tôi. Tất cả những gì tôi biết: Husein là một nhân vật rất đáng phục.

Chúng ta nên đọc lại dưới đây đoạn ông viết trong cuốn The Path of Subud về cuộc gặp gỡ Pak Subuh và sự khai mở của mình tại Jakarta.

"Một vài đêm sau đó, giữa tháng giêng năm 1951, sau khi ăn uống xong, tôi đi xe đạp qua Djogjakarta đến nhà Pak Subuh để được khai mở. Một số người Java đã đến, họ yên lặng và bất động ngồi trong phòng khách, một vài người thì nhắm mắt lại. Tôi không trông thấy bất cứ người nữ nào trong dịp đó, và cũng không biết đó là do sự phân biệt nam nữ của Hồi giáo, hay do đặc điểm của đường lối thần bí này [Subud]. Sau này tôi hay biết được lối tu tập đó là cho cả nam và nữ, và vợ Pak Subuh là người phụ trách phái nữ.

"Pak Subuh bước vào phòng, kêu tôi đi theo ông, cùng với một đệ tử là kẻ được coi là có khả năng nhất. Người đệ tử đó, Sudarto, khoảng 32 tuổi, là người đã theo Pak Subuh lúc 18 tuổi.

"Chúng tôi đi vòng qua phía sau căn nhà để vào một ga-ra trải thảm, ngoài ra không có gì khác. Người ta yêu cầu tôi cởi đồng hồ ra và bất cứ những vật cứng nào khác của tôi.

"Người ta yêu cầu tôi ngồi khoanh chân trên mặt đất để tìm cách làm cho cơ thể và trí óc trở nên hoàn toàn yên lặng mà không suy nghĩ gì.

"Tôi nhắm mắt lại, và sau một vài giây ý thức được là Pak Subuh đang ngâm nga đoạn Fatihah, sura đầu tiên của kinh Quran, bằng tiếng Ả Rập.

"Tôi liền nhận thức được là có điều gì lạ lùng đang xảy ra. Đó như là đang có một dòng điện mãnh liệt lay chuyển cảng tay tôi. Chợt có một sức mạnh hoàn toàn không do ý chí làm tách biệt hai bàn tay, hai cánh tay từ từ dang ra trong thế nằm ngang. Hai cánh tay tôi giữ vững cái thế đó trong vài phút, rồi tự nhiên hạ xuống hai bên hông. Không lâu sau đó Pak Subuh gọi tôi để tôi mở mắt ra. Cuộc khai mở như thế là xong.

"Trong phòng khách tôi suy nghiệm về cái chứng nghiệm kỳ quái đó. Tôi cảm thấy điều đó thật quái lạ và không biết chuyện gì đã xảy ra cho mình, bởi từ trước tới nay chưa từng nhận thấy một điều như vậy. Nơi cánh tay tôi vẫn còn một cảm giác ngứa ran. Tôi đã không cử động theo ý chí mình, và chắc chắn là không có một sức mạnh nào của con người có thể làm như vậy. Cái cử động lạ lùng đó là gì? Khi vào phòng khách trở lại, Pak Subuh giải thích.

"Con người, ông nói, "tiếp xúc được với Thượng Đế khi tư tưởng, dục vọng và tưởng tượng của mình hoàn toàn trở nên yên lặng". Tôi đã trong cái trạng thái đó, bởi đã hoàn toàn không suy nghĩ gì hết trong vài phút. Điều đó khởi động quyền năng của Thượng Đế, khiến cho cái quyền năng đó sẽ dẫn dắt mỗi bước đi của tôi trên con đường tâm linh. Thông thường, những cử động của con người là kết quả của ý định, do con người, nhưng điều đã xảy ra [trong latihan] là ý Thượng Đế, chứ không do ý con người.

"Một vài ngày sau có hai người Java cao niên đến nhà tôi để cho tôi hay là họ lấy làm thích thú về sự xuất hiện của tôi. Hiển nhiên là từ năm 1936 Pak Subuh đã cho họ hay là sẽ có một người Tây phương đến đây, một người gốc Syria nói được nhiều thứ tiếng, và đó là sự báo hiệu cho việc Subud sẽ truyền bá khắp thế giới.

"Trong lần tập lần thứ hai, xảy ra trong hoàn cảnh như lần đầu, tôi có một chứng nghiệm khác hẳn. Không có những cử động của cánh tay, thay vì vậy thân tôi bắt đầu nhịp nhàng xoay tròn ngược chiều kim đồng hồ. Sau một vài phút, điều đó dừng lại và tiếp theo đó là những cử động tương tự theo chiều kim đồng hồ.

"Chẳng bao lâu sau đó nội dung lối tập đó biến thành một điệu múa: không theo lối Tây phương, mà là những điệu bộ chậm chạp, lối múa cổ truyền của Đông phương. Tôi nhận thấy đôi khi mình có thể lập lại và biểu diễn những chứng nghiệm đó, tuy đó là những gì chỉ xảy ra dưới sự chế ngự của một sự hứng khởi mà tôi không sai khiến được.

"Những buổi tập liên tiếp sau đó trở nên lí thú hơn, khi có sự tham gia của giọng nói và lời hát. Một đêm nọ tôi chợt ca hát không do ý muốn vài bài ca cổ xưa của Đông phương, những gì khiến nghĩ tới Ấn Độ, tiếp theo đó là những gì khác của Do Thái giáo, Hồi giáo, của Java, Trung Hoa và những gì nữa mà tôi không nhận diện được.

"Thỉnh thoảng lúc giọng nói mình được tập luyện, tôi bắt đầu thốt ra những âm tiết lặc lợng của một đứa bé. Hình như chúng ta phải lớn lên một lần nữa từ một đứa bé. Trong những lúc tập luyện đó, tôi phải học lại cách ăn nói; tôi chưa từng dùng thứ ngôn ngữ của chính mình."

Tôi khuyên bạn nên kiểm cuốn sách của Rofe để đọc toàn bộ. Tôi trích đoạn trên chỉ để cho thấy những gì Husein đã trải qua, điều bất cứ hội viên Subud nào cũng sẽ nhận biết được. Cách

tu tập của mỗi người là điều gì cá biệt. Trong trường hợp của tôi, điều xảy một lúc nào đó trước đây là giọng nói tôi được tập luyện, và điều ngạc nhiên là tôi đã nói được nhiều thứ tiếng, nhưng hầu như không bao giờ là tiếng Anh. Một hôm nọ lúc đến nhà ông, Husein yêu cầu tôi tập latihan cùng ông. Bởi ông là một người thông thạo nhiều thứ tiếng, tôi không thể không hỏi ông – có ai mà không tự phụ – sau khi tập xong là những gì tôi nói [trong latihan] có thể có một ý nghĩa đặc biệt hay thâm sâu gì không. Ông vô cùng chán ngán vì sự yêu cầu đó – ôi thôi, mọi người đều hỏi tôi chuyện đó! Ông còn nói là theo ông nghĩ thì có những ngôn ngữ rất cổ, và hình như là tôi đã nói về các vị thiên sứ bằng tiếng Nhật.

Hình như là trong năm 1995 tôi có thể sắp xếp mời một số người đến Aurora Hotel tại Windsor ăn uống và nghe Husein nói chuyện. Năm tháng trôi qua, các nhóm đã gia tăng và có nhiều hội viên Subud đã chưa từng gặp Husein, một vài người hầu như không biết gì về ông. Nhưng trong thập niên 90 cũng có nhiều người chưa từng gặp Bapak mà được khai mở. Tương tự, nhiều con cái của những cha mẹ là người Subud cũng đã được khai mở tuy chưa là chính thức.



Cuộc sống với Bapak và Ibu

Minh Thần dịch

Lusana Faliks Subud Voice December 1998

Tôi ghi tên mình làm quản gia trong lúc Bapak và Ibu tới New York trong những ngày tháng đầu tiên chuyển đi của họ. Những kí ức đầu tiên của tôi về Bapak là lúc gặp người ở phi trường. Tất nhiên tôi hồi hộp và đã nói: "Trời ơi Bapak, tôi đã đợi giây phút này trong 4 năm!" Người đưa cho tôi bắt một bàn tay thật ủ rũ và chỉ nhìn lên phía trên – người hầu như hoàn toàn không nhận thấy tôi.



Bapak and Ibu at Coombe.

Tôi trước hết nhận thức được tính nhạy cảm của Ibu, khi bà đã an cư trong căn nhà mà chúng tôi chuẩn bị cho bà. Bà yêu cầu tôi lấy cho bà một chiếc gối nhỏ, và nói với bàn tay đặt lên vai tôi: "Chị phải đói bụng lắm rồi! Chị đi ăn gì đi chứ..!" Chỉ lúc đó tôi mới thấy mình đói bụng như thế nào.

Mỗi ngày với Ibu là một trải nghiệm đặc biệt. Quan hệ của tôi với bà khiến phải ngạc nhiên, tuy bà cận thị còn tôi thì bị điếc (vậy tại sao lại chọn tôi?!)

Trước lúc Hội Nghị Briarcliffe tôi dọn dẹp khắp nhà, nhưng sau đó Ibu trách nghiệm: "Kể từ nay chị chỉ dọn dẹp cho phòng của Ibu và Bapak."

Một hôm nọ bà nói: "Chị đi ngủ trưa đi nào!" Bà nói với Bapak là cùng nhau đi ra ngoài để nhường giường lại cho tôi ngủ. Khi thức dậy, tôi cảm thấy khó chịu hơn trước đó: nhiệt độ

cơ thể là 35 độ C khiến tôi muốn đi tắm. Tôi vừa nghĩ tới điều đó thì Muftiah Weinstein bước vào nói: "Ibu nói là nên tắm gội!"

Nấu ăn là chuyện rất trọng đại với Ibu. Bà nói rằng chúng ta có thể làm cho gia đình mình hạnh phúc hay đau ốm, với trạng thái của mình trong lúc nấu ăn. Mỗi lần cắt thái rau cải, chúng tôi phải đem rửa trước cũng như sau đó – và chúng tôi cũng phải rửa con dao dùng để cắt thái. Như vậy thì rau cải ăn mới ngon.

Tôi nhớ có lần Aminah mời nếm thử thức ăn mà chị đang nấu. Tôi nói là mình không thể vì đã nhịn ăn thịt trong một năm.

"Ừa, chuyện này tôi phải nói với Bapak!" Aminah nói rồi sau đó cho biết thông điệp của Bapak:

"Bapak rất vui mừng là bạn có thể tuân theo sự tiếp nhận đó, nhưng bạn không thực sự là người ăn chay [chỉ ăn rau cải]: người thực sự ăn chay là người sinh ra với một cơ thể có khả năng biến đổi rau cải thành những thứ mình cần. Điều này là thường tình ở phương Đông, nhưng ở phương Tây ăn chay có thể gây hại. Thiên hạ có thể cảm thấy là mình tiến bộ, nhưng rồi họ phải đối phó với sức mạnh thú vật...không bao lâu nữa bạn sẽ biết được những gì có thể và không thể ăn."

Tôi chưa nói cho mẹ tôi hay về Subud. Bà thường điện thoại cho tôi, và trở nên căng thẳng khi không nói chuyện được với tôi. Có lần sau khi nói chuyện với bà, Ibu hỏi tôi điều gì đã xảy ra khiến tôi lo lắng. Tôi cho Ibu hay vấn đề của mình, và bà chỉ nói: "Nào, bây giờ chúng ta hãy làm một cái latihan."

Sau khi tập xong, tôi cảm thấy thanh thản và trống không.

"Bây giờ thì chị hãy đi gặp mẹ mình. NGAY BÂY GIỜ. Đừng chuẩn bị trước những gì mình sẽ nói: đó không là những gì chị phải nói. Nhưng nếu thấy miệng mình không thể nói thì đừng nói."

Tôi đi gặp mẹ và thấy chính mình đang nói: "Có gì đâu, con bận việc. Có những người khách từ Indonesia và những bạn bè Subud...!"

"Subud?" Bà hỏi: "Cái đó là gì?" Tôi lại thấy chính mình đang nói: "Cái đó như giáo phái Mason...!" Mẹ tôi không bao giờ đề cập tới chuyện đó nữa.

Khi tôi kể lại cho Ibu hay, bà hỏi tôi trong nhà có rượu Port hay không. Bà cũng yêu cầu tôi đem tới hai ly rượu, trên mỗi ly đặt một cái thìa, rồi chúng tôi cùng uống – để ăn mừng!

Tiếp theo ngày tôi đi cùng Bapak và đoàn tùy tùng tới San Francisco là ngày mẹ tôi qua đời. Sáng hôm đó khi tôi đến chào hỏi Ibu, bà nói: "Ai đang đi cùng với chị vậy?" Nhưng chẳng có ai đi với tôi. Ngay sau đó thì có điện thoại cho biết là mẹ tôi đã qua đời, và khó mà diễn tả được sự âu yếm bà dành cho tôi trong lúc đó. Bà ôm lấy đầu tôi, vừa đu đưa vừa ca hát. Bà nói: "Đừng khóc, hãy hát cùng tôi! Nếu hát thì không thể đồng thời khóc!" Sau này, Bapak nói tôi không cần phải đi dự đám tang, nhưng vì tục lệ tôi vẫn đi.

Sau khi chồng tôi mất, Ibu nói: "Chẳng bao lâu chồng chị sẽ bên cạnh trong lòng chị, và chị có thể giúp chồng mình về tâm linh."

Trên núi

Năm 1968 là lúc lần đầu tiên tôi tới Indonesia. Tôi hỏi Bapak là mình nên làm gì với cuộc đời mình sau khi chồng mình đã mất. Người hỏi là tôi có muốn đến Cilandak ở chung với họ hay không. Tôi nói là có.

Bapak đã mua một biệt thự nhỏ trên núi, và một ngày sau lúc tôi đến, Ibu cảm thấy không được khoẻ khoắn. Bapak, Ibu và tôi – cùng với hai người hầu – chúng tôi lên núi để ở tại biệt thự đó. Lúc đó lạnh nên những người hầu đốt một ngọn lửa ấm cúng. Bapak và Ibu ngồi trên một chiếc giường, tôi ngồi bên ngọn lửa. Quàng tay lên vai Ibu, Bapak vừa xoa bóp vừa ca hát cho Ibu. Thật khó tin được: 2 tháng trước đây tôi còn ở New York; bây giờ thì chỉ có 3 người chúng tôi, và tôi lại là một người bạn thân của Ibu. Thật quá sức tưởng tượng.

Chỉ có 2 phòng ngủ. Tôi chiếm một phòng; Bapak và Ibu phòng còn lại. Ngày hôm sau, tôi cảm thấy hết sức kì quái: tôi không còn cảm giác được gì! Tôi cố sức lấy lại những cảm giác của mình đêm trước đó, nhưng tôi chỉ cảm thấy 'sự chết.'

Vài tháng sau, Ibu kể cho tôi nghe như thế nào trước khi kết hôn bà đã trông thấy một đêm nọ khuôn mặt của Bapak, và khi gặp Bapak bà đã nhận thức được đó là người đàn ông mà mình thấy trong sự linh thị của mình. Sau khi họ thành vợ chồng, bà nói cho Bapak hay về sự linh thị đó, về việc như thế nào tất cả các cảm xúc của bà đã mất hết, như đã chết hết. Bapak giải thích đó là bởi vì lúc đó Bapak đã trải nghiệm bà trong nhiều cách khác nhau: cách là người vợ, cách là người mẹ, cách đối xử với những con cái của Bapak, thái độ đối với Thượng Đế. Ibu còn nói: "Đó cũng là điều chị cảm thấy lúc trên núi. Bapak cũng đã trải nghiệm chị!"

Lên núi trở thành một thói quen, cứ 2 tuần một lần hay khoảng đó, chỉ có Ibu và tôi. Đó là những lúc rất vui thú, nhưng có lần bà nói là sẽ không để cho tôi đi cùng, bởi có những kẻ ganh ghét. Tất nhiên tôi nói là mình hiểu được chuyện đó. Nhưng sáng hôm sau, Aminah gọi tôi dậy: "Mau lên, chúng ta lên núi trong một tuần. Trong 20 phút phải chuẩn bị xong tất cả!" Ibu chỉ cho hay sau khi chúng tôi tới đó: "Tôi đã không muốn cho chị đi chung, nhưng sau khi chị đi ngủ, linh hồn chị đến gặp tôi trông buồn thiu. Vậy nên, tôi phải cho chị đi theo!"

Tôi nhớ tới có lần khi chúng tôi xuống núi để đi về, đường xá trở nên khó đi và bắt đầu có mưa: mưa đổ xuống như một bức tường rắn chắc bằng nước. Mọi người đều câm lặng, còn Bapak thì nói: "Nếu Lusana bắt đầu hát thì hết mưa!" Tôi bắt đầu hát, Usman, Tuti và Ibu hát theo: không khí trở nên nhẹ nhõm và vui vẻ. Bapak nói: "Có thấy không? Bapak nói là sẽ hết mưa...!" Quả thực không còn mưa nữa.

Cilandak hồi đó là nơi còn thô sơ. Chỉ có một giếng nước, nhưng nước thì màu nâu và phải nấu trong một lúc lâu. Không có người hầu. Những đệm bằng len – dày độ vài phân – mỗi ngày phải được đem ra phơi.

Trong lúc Ramadhan

Dù tình trạng đó, tôi chưa từng thấy có nhiều người vui sướng đến như vậy tuy bị muỗi cắn, ruồi bu, tuy có đầy rác và nước uống không vệ sinh. Trong lúc Ramadhan tất cả chúng tôi đều

bị bệnh kết li, đều đau ốm và vân vân, nhưng dù thiếu những nhà vệ sinh, tất cả chúng tôi dù sao cũng thông qua được!

Tôi còn nhớ như thế nào tất cả chúng tôi đã thức khuya trong lúc Ramadhan, nhưng trước đó thì chúng tôi điện thoại cho nhau trong nhiều tiếng đồng hồ. Ibu nói: "Đây là lúc các bạn phải là chính mình, phải thanh tịnh!" Bà đã biết tất cả những gì đang xảy ra!

Bapak thường chơi nhạc gambang trên lầu; Margaret Wichmann, Maria và tôi thường ngồi trên các bậc thang để nghe nhạc, cho tới khi Bapak kêu chúng tôi lên tập latihan theo âm nhạc của gambang. Ibu thích như vậy và chúng tôi thường tập chung với nhau.

Ibu thường hay đau ốm và phải nằm một nơi. Thỉnh thoảng tôi tới thăm bà và lấy làm đau buồn về việc đó. Nhưng bà nói: "Chị không nên đau buồn khi Ibu đau ốm – đặc biệt khi Ibu đau ốm! Bởi khi nhận được một món quà được gói ghém kĩ lưỡng, chúng ta phải tạ ơn Thượng Đế. Không ai nên đau buồn khi đau ốm, đó là một đặc ân của Thượng Đế!"

Một hôm nọ khi tôi đang trò chuyện cùng Ibu, bà chợt nói: "Đây này, tôi phải ra đi. Bapak đang gọi tôi." Bà liền cho hay: "Bapak không gọi tôi như 'thế này' (lớn tiếng kêu) – nhưng từ 'trong lòng' và Ibu cũng đáp lại từ 'trong lòng'."

Không có tai nạn!

Một hôm nọ, Ibu nói với tôi: "Lusana, không có điều gọi là tai nạn – tôi muốn chị nhớ kỹ điều này."

Tôi nói: "Ibu, bà luôn nói với tôi điều đó – nhưng nếu có một hòn gạch rớt trên đầu thì tôi sẽ phải chết...?"

"Không – không có tai nạn."

"Vậy thì sự tự do ý chí của chúng ta là để làm gì?"

"Sự tự do ý chí của chị cũng như của một cây đàn vĩ cầm trong một cái hộp. Những hoàn cảnh của cuộc đời chị đã được sắp đặt trước. Chị không thay đổi được bất cứ gì. Nhưng cách phản ứng của chị – nhờ vậy chị có thể làm điều gì đó cho tình trạng mình. Chẳng hạn, một kẻ nào đó có tính háo thắng, luôn chiếm phần lợi về cho mình, như vậy là không đúng. Một kẻ khác thì có thể nhường nhịn – một kẻ khác nữa thì tự tin hơn – nhưng luôn có một cách phản ứng đúng cách, khiến cho sẽ không có những hoàn cảnh [khiến có tai nạn]. Trừ phi thiên hạ phản ứng một cách đích đáng, không thì sẽ không có gì thay đổi."

"Đừng suy nghĩ gì nhiều – nhất là về những người khác – khi chị suy nghĩ tới họ, tức khắc sẽ có một sự liên hệ với họ và ngược lại. Chỉ việc suy nghĩ tới Thượng Đế. Khi những người khác suy nghĩ tới chị, tinh thần họ sẽ trở nên cao quý hơn."

Ibu thật phức tạp! Ân nói ngay thẳng, nhưng cũng...Tôi không bao giờ biết được mình đã trông thấy một Ibu nào...Bà giống với một bình chứa trống rỗng, tất cả đều 'xuyên qua' bà. Đôi khi bà như là một người mẹ với tôi, những lúc khác lại là một người bạn để chia sẻ cho nhau những gì của mình; nhưng đôi khi bà trở nên thật kì bí đối với tôi: trong lúc đó tôi như một người mẹ và bà là đứa con, rồi bà hỏi những chuyện trọng đại về tâm linh: "Điều đó chị PHẢI biết!" (tôi thường nói là mình không biết gì). Nhưng bà khẳng khẳng cho là tôi biết, và theo tôi nghĩ thì tất cả chúng tôi đã biết được mọi chuyện, nhưng phần nhiều thì chúng ta không khiến cho

mình biết được.

Ibu thường khuyến khích tôi cầu nguyện chung với bà mà chỉ hỏi: "Đừng suy nghĩ gì, chỉ việc tịnh tâm..." Sau khi cầu nguyện xong, bà đẩy nhẹ tôi: "Chị đã nghĩ tới nhiều chuyện!" hay "Chị đã không nghĩ tới gì hết!" rồi ghì chặt lấy tôi.

Bapak

Có một biến cố rất có ý nghĩa đối với tôi. Đó là lúc tôi tình cờ gặp Bapak, lúc người đi qua một cánh cửa; trong lúc đó tôi thấy mình nhìn thẳng vào cặp mắt của Bapak – đúng ra là chỉ nhìn vào một con mắt. Lúc đó Bapak không mang kính, và những gì phát ra là một tình thương mãnh liệt tới nỗi khiến cơ thể tôi bị một cú sốc. Sau này, tôi suy tưởng về những gì mình đã cảm thấy để tìm cách hiểu được.

Bapak đã nói rằng tình thương của con người không đáng tin cậy. Đôi khi chúng ta thương, đôi khi không. Thứ tình thương đó không như tình thương xuất phát từ Thượng Đế, một tình thương khiến động lòng mà phải quỳ xuống. Tôi cũng còn nhớ là khi Bapak thường nói chuyện với những người nam trong những ngày tháng đầu tiên [của Subud] họ đôi khi lặn té trên mặt đất. Chỉ một thời gian sau đó Bapak mới nhận thức được tại sao điều đó đã xảy ra, nên người không còn nhìn thẳng vào mặt nữa, mà nhìn lướt qua đầu họ.

Cậu con trai tôi đã yêu một cô gái nọ, và nhân vụ đó cậu muốn cưới hỏi. Bapak bảo Istimah làm trắc nghiệm coi cặp trai gái đó có xứng hợp với nhau không.

Istimah làm cái trắc nghiệm thú vị đó – thật tuyệt vời! - như vậy thì họ phải xứng hợp với nhau.

Bapak bảo tôi trắc nghiệm coi xem: "Hôn nhân đó sẽ ra sao nếu là một hôn nhân chân thực?" Tôi tiếp nhận được là mình cảm thấy kinh khiếp! Tôi cảm thấy như đang khóc...

Istimah cũng rất hoang mang.: tại sao lại cảm thấy tuyệt vời khi trắc nghiệm? Bapak cũng đặt câu hỏi đó cho chị trắc nghiệm, và lần này thì chị cũng tiếp nhận được là hôn nhân đó sẽ không tốt.

Có lần trong chuyến đi thế giới của Bapak và Ibu khi trở về từ Peru, chúng tôi bị quân đội khám xét. Túi đồ của tôi bị khám xét, và một người lính dang tay ra muốn khám xét thân thể của Bapak. Nhưng khi nhìn, tôi chỉ thấy là y không thể đụng vào Bapak. Y cố sức đi cố sức lại, cho tới khi y đành phải chịu thua nói: "GO!"

Khi chúng tôi đem hai đứa con còn nhỏ của mình tới Indonesia, chúng phải chích ngừa nhiều lần, và điều đó đôi khi khiến chúng bị khó chịu. Khi chúng tôi đang chờ đợi lên máy bay, Simon chợt thức dậy khóc – nó cảm thấy khó chịu. Nhưng sau khi chúng tôi lên máy bay, Bapak đứng lên từ chỗ ngồi gần cửa sổ của mình, nghiêng qua phía Ibu rồi sờ vào đầu Simon. Nó lập tức buồn ngủ, và khi thức dậy nó vui vẻ như bình thường.

Ngày sinh nhật thứ 69 của Bapak có một buổi selematan, và có rất nhiều người đến dự. Trước đó thì phải nấu cơm, nhưng các người hầu đã nấu không đủ. Tôi ngồi nơi giữa bàn và nghĩ là chẳng bao lâu nữa sẽ có ai đó đem cơm tới cho mọi người lấy. Nhưng khi nhìn trong 20 phút và thấy mọi người đã lấy xong, tôi nghĩ là sẽ không còn đủ cho mình nữa, nhưng khi tới phiên

tôi đi lấy thì vẫn còn đủ cho mọi người !

Thiên hạ thường hỏi Bapak có nói về luân hồi hay không. Tôi còn nhớ là Ibu đã nói với tôi về một đứa cháu mà bà hết sức yêu chuộng, một đứa bé có một dấu chữ thập trên trán. Đứa bé đó đã chết, và bà không thể không thương tiếc, tuy biết là mình không nên làm như vậy. Một hôm nọ, bà có một chứng nghiệm thấy đứa bé đó tới gặp mình nói: "Không sao hết, con sẽ trở về, nhưng là một đứa bé gái." Thực vậy, sau đó Rochanawati, cô con gái bà, mang thai một đứa bé gái, và đứa bé đó có một dấu chữ thập trên trán!

Tôi cũng còn nhớ Ibu đã nói với tôi là khi làm trắc nghiệm về tôi trên núi, Bapak đã nói với bà là trong quãng đời này tôi đã không phạm phải nhiều tội lỗi.

Một tháng trước khi Ibu mất, chúng tôi tập latihan trong một phòng rộng lớn và lúc đó thì đã tối mù. Bà đến đứng vào người tôi nói: "Chị dẫn tôi về nhà, tôi thấy khó chịu!" Đó là cái latihan cuối cùng mà bà đã dự. Ban đầu, tôi không mấy lo lắng, nhưng khi mỗi ngày tới thăm bà, tôi thấy hiển nhiên là bà đang đau ốm nặng. Hai ngày sau khi tôi gặp bà, bà qua đời. Một ngày trước đó, chị Rohanna Mitchell nhớ lại như thế nào sức khoẻ của Ibu trở nên khá hơn, nhưng Ibu nói: "Ngày mai tôi sẽ chết!" Rohanna cũng nhớ lại là Bapak đã nói rằng Ibu có thể lựa chọn – và bà đã lựa chọn cái chết.

Chắc bạn sẽ thắc mắc là tất cả những chuyện đó đã dạy cho tôi được bài học gì – có tác động gì đối với tôi?

Cái thông điệp mà tôi nhận được của Ibu là khi không đang tập latihan, chúng ta luôn phải quy thuận. Chẳng hạn khi nấu ăn, chúng ta nên để cho Thượng Đế nấu ăn qua mình, và đó cũng là điều khi làm những chuyện khác. Chúng ta nên để cho Thượng Đế làm bất cứ gì trong óc não mình, trong tim can mình, với tất cả nghị lực của mình.

Tôi nhận thức được mỗi người chúng ta phải đạt được một tình trạng trong đó latihan trở nên tự nhiên tới nỗi đó là một lối sống, khiến chúng ta trở thành một công cụ cho Ý Thượng Đế. Điều đó không thể không thực hiện được. Trước hết, chúng ta phải học hỏi điều đó, nhưng sau nhiều năm đó là một bộ phận của chúng ta, khiến cho có thể 'để cho Thượng Đế làm món ăn này' hay chỉ việc 'phó thác bộ óc hay bàn tay này' vân vân. Đôi khi tôi thấy điều đó trở nên tự nhiên, những lúc khác tôi thức dậy mỗi sáng xin Thượng Đế cho mình được như vậy. Nhưng nếu ý thức được điều đó thì chúng ta sẽ đạt được. Chúng ta không cần phải hiểu biết; thực ra thì mình có thể cảm hoá được nhiều người. Có thể là trên một xe buýt mình ngồi bên cạnh một kẻ nào đó mà jiwa trong trạng thái cảm ứng, và nếu lúc đó có trạng thái đích đáng, mình có thể cảm hóa kẻ đó.

Khi Bapak đến Mexico

Minh Thần dịch

Lydia Duncan Subud Voice April 1996

Ban đêm lúc Bapak và đoàn tùy tùng tới phi trường, tôi chỉ trông thấy họ từ một nơi xa. Ngày hôm sau họ nghỉ ngơi, và đêm hôm đó Bapak có một buổi nói chuyện nhưng thiếu sự hiện diện những người nữ cùng đi với Bapak. Một buổi nói chuyện kì diệu về sự tạo lập của vũ trụ, về thiên thần và con người – tạo vật đặc biệt của Thượng Đế. Trong lúc nói chuyện có những làn sóng của một hương thơm mong manh nhưng tỏa khắp từ Bapak, điều nhiều người nhận thấy nhưng những người khác thì cho đó là mùi hương của thuốc lá Indonesia. Đối với tôi thì không còn nghi ngờ gì được nữa, mùi hương đó là cái gì kì diệu.

Tôi nhớ tới một đêm nọ ở Cilindak khi đi qua đi lại bên ngoài tư gia của Bapak, tôi chợt nhận thức được một mùi hương tuyệt diệu. Tôi hỏi Sudarto đó là mùi thơm ban đêm của thứ hoa nào, thì ông chăm chăm nhìn tôi nói: "Không là hoa. Mùi thơm tâm linh."

Ông bảo tôi đi tìm xem có thứ hoa nào không. Chẳng có gì hết. Mùi hương đó đã biến mất.

Một buổi sáng lúc sắp hết kỳ hạn cuộc viếng thăm của Bapak, tôi cùng một người bạn Subud đến nhà Bapak và nhận thấy Bapak đang nói chuyện với khoảng 15 người nữ. Sau này, tôi hay được là người đã đích thân ra gặp họ, để giải đáp những câu hỏi của nhóm phụ tá New York. [Bapak nói:] Không, chúng ta nên bắt đầu tự mình hiểu được những điều đó mà không cần phải trải nghiệm.

Bapak nói lại một lần nữa về cuộc sống trước đây và những đau khổ của mình, và khi chúng tôi đến, người đang nói về nỗi sợ cái chết của chúng ta, về sự tốt đẹp hơn cuộc sống này của cuộc sống sau cái chết, về việc hầu hết thời gian của Bapak là sống trên thiên đàng, và đối với mình cuộc sống này chỉ là một bóng mờ. Lại có những làn sóng của một mùi hương từ Bapak, và tôi thấy hình như người hoàn toàn nhận thấy ai đã tiếp nhận được. Trong phòng có một sức mạnh tâm linh càng lúc càng gia tăng. Phía trước tôi có một kẻ đang khóc: "Tất cả các thiên thần và tiên nữ trên trời đều khóc trước Bapak." Bapak bảo chị Aminah Martha Tarantino làm trải nghiệm: chị có tai tâm linh hay không, có mắt hay không. Chị chấp tay đưa lên đầu, Bapak nói: "Đúng vậy, mãi mãi." Người bảo Aminah trải nghiệm coi Martha có một linh hồn con người hay chưa, và điều này sẽ như thế nào, nếu Bapak hay quyền năng của Thượng Đế bỏ rơi chúng ta. Những trải nghiệm khiến phải kính sợ.

Kể đến, Bapak bảo tất cả chúng tôi hãy tiếp nhận rồi nói: "Hãy tiếp nhận quyền năng của Thượng đế trong hơi thở mình." Bapak nói là mình hầu như không hít thở được. Tiếp theo là "hãy phụng thờ Thượng Đế với ngực mình" và "hãy để cho quyền năng của Thượng Đế xông lên đầu, cho tới khi đầu mình cử động." Tôi thấy chỉ xông lên tới họng mình, hình như không thể tới đầu. Chợt có một sự đột phá, và tôi cảm thấy như mình được đưa lên một trình độ cao hơn.

Mọi người đều im lặng, Bapak nhìn đồng hồ nói: "Ở Indonesia...thiên hạ đã phải thức dậy, vì Bapak vừa mới vỗ vai họ." Nếu cảm thấy được vỗ vai như vậy, chúng ta biết được là Bapak đang bên cạnh mình.

Aminah phải đi đón Ibu, và kể từ lúc đó thì khó có thể dùng ngôn từ diễn tả những gì thực sự đã xảy ra. Trong phòng có một sức mạnh hầu như không thể chịu đựng được, nhiều người chúng tôi đã khóc, và mọi người đều quỳ trên đầu gối, Usman vừa khóc vừa thông dịch. Bapak bắt đầu ca hát, và tất cả chúng tôi đều bị cuốn theo trong lúc Bapak cầu nguyện: "Xin Chúa tha thứ cho những tội lỗi của chúng con." Sự sâu sắc của lời cầu nguyện đó bắt buộc tôi phải nằm dài trên mặt đất. Tiếp theo là "Thượng Đế, Thượng Đế, Thượng Đế..." với một giọng nói êm ái tới nỗi khiến trở thành một lời cầu nguyện với một niềm vui và sự tôn sùng làm cho một vài người phải nhảy nhót.

Tôi nhận thức được là Bapak đang ngồi trên một chiếc ghế từ đó tuôn ra quyền năng của Thượng Đế, và có cảm giác là một cánh cửa đã hé mở vào một thế giới khác, nơi từ đó rực rỡ ánh sáng. Những lời tiếp theo là "Bapak là người hướng đạo," rồi một cách chậm chạp: "Bapak là con đường phải theo." Tôi choáng váng nhận thức được Bapak thực sự là gì, và tại ngưỡng cửa của một nơi nào đó có những thực thể sống động khác. Tôi hoàn toàn sửng sốt và chỉ có thể nhớ lại là Ibu đang quỳ xuống. Bapak nhẹ nhàng nói "Xong rồi," rồi cười "Màn kịch đã hết." Người còn nói thêm: "Bapak đã cho các bạn ném thử thế nào là Thiên Đàng." Tôi nhớ lại là mình đã nói với Helena Regnier từ Israel: "Đây là một hiệp ước với Thượng Đế; nhân loại một lần nữa lại có một người hướng đạo." Sau này tôi hỏi Aminah là có điều gì như vậy xảy ra trước đó; chị nói là có, nhưng rất hiếm.

Chị Hosanna nhường nhà mình cho Bapak một cách thanh thản khiến phải phục. Trước khi ra đi, người gọi cô con gái chị đến gặp mình để cho cô biết trước là sẽ có những chuyện không lành xảy ra trong nhà sau khi mình ra đi, nhưng chẳng có gì đáng ngại.

Tôi liệt kê những gì xảy ra: một tấm kính dày của cửa sổ bị nứt mẻ toàn diện, một cánh cửa rộng không thể xoay chuyển, tấm kính một cửa sổ khác trở nên mờ mịt, phía trước một chiếc rương nặng nề bị bung ra, một vài chiếc đèn cho mượn không những bị vỡ mà còn bị tan tành và tấm gương trên tường trong phòng ngủ của Ibu và Bapak bị tan vỡ thành mảnh.

Mùa hè kì diệu của năm 1957

Minh Thần dịch

Hubert Ronimund von Bissing, Subud Voice June 1993

Mùa hè kì diệu của năm 1957 tại Coombe Springs bắt đầu với một tốc độ càng lúc càng gia tăng.

Muốn hiểu được tình trạng đó thì cần phải nói một vài điều về Coombe Springs trước biển cố Subud. Đó là khu đất hơn 28.000 thước vuông với một ngôi nhà rộng lớn tại một ngoại ô của London, nơi một cơ sở được John Bennett thiết lập để nghiên cứu đường lối tu tập theo pháp môn Gurdjieff. Những kẻ tu theo lối đó làm đủ loại công việc, một vài kẻ thường trực định cư tại đó, và còn có nhiều kẻ mỗi cuối tuần đến dự những khóa tu học đặc biệt. Một khóa học đặc biệt được tổ chức cho mùa hè.

Chính trong cái khung cảnh tổ chức chặt chẽ và kỉ cương đó, trong đó John Bennett là vị Chân Sư chỉ huy mọi người và mọi chuyện, là lúc Bapak đến và Subud được trình làng.

Ban đầu, Bennett hỏi Bapak là mình có nên lựa chọn những ai được khai mở hay không. Bapak nói là không ai bị loại trừ: "Thượng Đế không loại trừ bất cứ ai, chúng ta cũng vậy."

Đương nhiên, điều đó đã khiến cho nhiều người được khai mở mà hầu như không biết mình đang làm gì: hầu như không biết gì về thực chất của latihan, về đường lối quy thuận Ý Thượng Đế, và như vậy thì cũng đương nhiên có nhiều người vào và một vài người chán ngán bỏ đi. Tôi nhớ tới lúc mình hỏi một anh bạn trẻ tại sao anh đã được khai mở.

"Chuyện này thì..." anh nói, "ông B nói đó là cái gì tốt đẹp."

"Thế nên anh vào là vì vậy?" tôi dò hỏi.

"Đúng thế," anh nói, "tôi tin tưởng ông B."

Sau này, tôi hỏi John Bennett là theo ông nghĩ thì có nên như vậy không. Ông nói: "Tốt hơn là tin ở người nào đó thay vì chẳng tin gì hết."

Tôi trích dẫn điều đó để cho thấy sự chuẩn bị sơ sài hời hợt của lúc bắt đầu theo tập latihan. Nhưng nếu tôi đoán không lầm thì anh bạn trẻ mà tôi nói tới, hiện nay vẫn còn trong Subud.

Hình như Bapak đã gieo những hạt giống không bỏ mất cơ hội để nảy mầm.

Những bữa ăn của Bapak

Bapak ăn ở riêng biệt tại một nơi dành cho mình. Tất nhiên là phải làm những gì thích ứng. Chẳng hạn, chúng tôi nhận thấy người hầu như không ăn uống gì. Chúng tôi đã tế nhị dò hỏi Icksan về chuyện đó. Thì ra là Bapak rất nhạy cảm đối với cách nấu ăn. Nghĩa là...Tức là trạng thái của người nấu ăn thật quan trọng. Tức khắc, những buổi latihan đặc biệt được sắp xếp cho những người nấu ăn đáng thương hại đó. Sau này, chúng tôi nhận thấy thực ra đó không là 'trạng thái tâm linh' của người nấu ăn; chẳng hạn, có lần tôi đã gọi cho Bapak một món thịt nướng tại phi trường New York, nơi có một tay nấu bếp chuyên nghiệp nhưng trạng thái tâm linh của đương sự ra sao thì chúng tôi không dò hỏi: kết quả là chẳng có gì đáng ngại. Có lẽ điều tệ hại nhất là sự tôn sùng nồng nhiệt và lo nghĩ của người phục vụ. Dù sao thì chẳng bao lâu sau đó có những vị đặc biệt nấu ăn cho Bapak: Ismana, Irina Hoare, Maria Kibble, nếu tôi nhớ không lầm.

Bữa ăn tối của Bapak và Ibu là 19 giờ, và 19 giờ 30 là lúc tập latihan. Ban đầu, các phòng khách được dùng, nhưng chỉ khoảng 15 người có thể tập latihan trong mỗi phòng. Điều này tức là có những xuất tập liên tiếp đến hơn 3 hay 4 tiếng đồng hồ. Icksan và Ismanh tham dự những xuất latihan trong suốt mùa hè. Tôi và bà xã mình là Sophie có lẽ đang được huấn luyện để thành phụ tá, và cũng là những kẻ duy nhất ngoài họ ra tham dự tất cả những xuất đó. Hiển nhiên là phòng tập quá nhỏ bé, nên Bennett sắp xếp cho xây cất bên ngoài một cấu trúc tạm thời có thể cùng một lúc chứa 50 người.

Nhưng trong lúc mùa hè có nhiều người theo tập tới nỗi phải có thêm nhiều xuất latihan, dù có những phòng tập rộng hơn. Thiên hạ được yêu cầu chờ đợi bên ngoài, chân không mang giày, túi không đựng bất cứ gì, để lập tức vào tập sau khi nhóm trước đó đã tập xong. Các nhóm được đánh số theo thứ tự abc với những lúc tập được ấn định, và những kẻ có latihan mạnh bạo được xếp vào nhóm 'O', một nhóm khét tiếng, hay đúng ra khét tiếng vì sự hung bạo. Thường thường thì trong phòng tập chỉ có tối đa là 8 người thuộc loại đó.

Bapak nói: "Như các bạn thấy, 36 người có thể tập latihan trong nơi này, nhưng đối với những người đó [những kẻ có latihan mạnh bạo] thì có lẽ chỉ là 8 người. Sau một thời gian tập latihan, hơn 100 người có thể tập tại một nơi với nhiều phòng như vậy, nhưng như vậy thì không thể cử động được nhiều."

Những buổi họp kì diệu ban đêm

Khoảng giữa đêm Bapak và Ibu thường vào phòng khách của họ, và có một vài người đi cùng họ. Bapak thường giảng giải về những điều này nọ, và về những chứng nghiệm đầu tiên của chúng tôi. Đó là những buổi họp kì diệu kéo dài từ 2 tới 3 giờ sáng, và tới lúc đó thì Bapak nhìn Ibu nói: "Ibu đã mệt, chúng ta nên tạm ngưng cho đêm nay."

Điều đó xảy ra mỗi đêm, "trừ một ngày ra để nghỉ mệt," như điều Bapak nói. Người biết rõ hơn chúng tôi tất cả những điều đó là một gánh nặng đáng kể. Người nói với tôi: "Mùa hè này bạn sẽ xuống kí!" Tôi không béo phì nhưng cũng mất đi hơn 6 kí (Bapak tùm tùm cười về chuyện này). Tháng 8 Sophie bị bệnh zô-na [bệnh ngứa vì nhiễm trùng] trầm trọng. Thần kinh bị căng

thăng hay bị thanh lọc?

Trên lầu ban đêm lúc đã muộn Bapak tập cho chúng tôi những cách trặc nghiệm khác nhau. Người tiếp nhận được khá nhất là Maria Kibble. Về phần mình, tôi thường xua đuổi tất cả những gì là tưởng tượng và tự kỉ ám thị, nhưng hầu như chẳng nhận thấy gì. Nhưng có lần, một cách bất ngờ, tôi cảm thấy một sự đáp ứng nơi một khu vực hình như có thể xảy ra.

Một đêm nọ có một kẻ tự ý xông vào phòng khách, và mọi chuyện trở nên khác hẳn. Buổi họp kết thúc sớm, và sau này Icksan cho hay là Bapak chỉ có thể nói chuyện với những ai đang có mặt. Đêm hôm đó, người không thể nói chuyện như lúc trước. Bapak không bao giờ muốn loại trừ bất cứ ai, nhưng Ibu đòi phải có một danh sách trước cửa gồm những vị 'được mời tới', và đó luôn là những vị thường có mặt.

Sau 4 hay 5 giờ liền tiếp tập latihan và thêm 3 giờ hay hơn với Bapak kể cả trặc nghiệm, chúng tôi lái xe về London lúc khoảng 4 giờ sáng. Chúng tôi thường không có thì giờ ăn uống lúc tối, thường thường chúng tôi chỉ ăn một chén rau cải trước khi đi ngủ.

Những sinh hoạt ban ngày của chúng tôi bao gồm việc tới thăm Bapak tại Coombe Springs và tới gặp những người ở London. Bapak sắp xếp cho bất cứ ai muốn nghe nói tới Subud thì hoặc đến gặp Bennett ở Coombe, hoặc tới London gặp tôi, nếu khó khăn. Nên có rất nhiều đến tư gia chúng tôi tại Trevor Square.

Cho bạn thấy rõ được những gì mới mẻ đang xảy ra, tôi xin được nói về chuyện một anh bạn trẻ đến để nghe nói về Subud. Sau khi anh ra đi, Sophie mở toang tất cả những cánh cửa và cửa sổ trong nhà ra mà nói: "Cái mùi đó thật khó ngửi vô cùng! Như mùi thịt ngựa còn nóng!" Lúc đó tôi chẳng ngửi thấy gì, nhưng đối với bà xã tôi thì đó là một mùi cay hơn những mùi thông thường. Chúng tôi suy đoán không biết điều này có liên quan gì tới hay không việc Ibu thường cầm một khăn tay thơm trên mặt. Bà đã ngửi thấy như chúng tôi y như vậy?

Có một chuyện xảy ra chứng tỏ sự tử tế của Bapak và Ibu trong tất cả những sinh hoạt và áp lực. Mẹ tôi ở London, một bà cụ 80 tuổi. Khớp háng bà bị trục trặc nên đi đứng khó khăn. Bapak và Ibu đặc biệt tới thăm bà; Ibu khai mở cho bà trong phòng ở của chúng tôi. Họ thường hỏi thăm bà. Bapak nói rằng nếu có thể thì nên có nhiều thân nhân của bà tập latihan chung quanh bà trong lúc bà đang nằm, tập tối thiểu là 2 hay 3 lần mỗi tuần. Chấn chấn họ đã biết là bà sẽ không còn sống lâu nữa. Có vẻ xấu hổ, bà cụ tôi nói là mình chẳng cảm thấy gì hết, nhưng bà trở nên thanh thản và vui sướng trong những tháng đó, và đến tháng 8 thì bà yên bình qua đời trong giấc ngủ.

Lúc sinh nhật của Bapak, tôi có một 'melihat'...

Ngày 22 tháng 6 là sinh nhật của Bapak, tôi nhớ lại rất rõ ngày đó. Có một buổi liên hoan trên lầu, nơi phòng học của Bennett. Những vị được mời tới, theo tôi nghĩ, là những vị đã dự những buổi họp ban đêm với Bapak.

Cuộc ăn mừng sinh nhật đó hình như là điều đặc biệt có ý nghĩa. Đó là sinh nhật đầu tiên của Bapak ở Tây phương. Người đã ở London được một tháng, và đã có rất nhiều người vào Subud, nhiều người khác đang chờ đợi vào. Hình như không bao giờ hết triển vọng. Buổi tối hôm đó thật ấm cúng và vui vẻ. Chợt nhiên trong lúc đó tôi có một 'melihat', điều gì như là 'nhìn thấy

được' (đó không là linh thị, không là giấc mơ, nhưng cũng không chẳng là gì hết). Trong đó tôi thấy mọi người đã bỏ rơi Bapak. Chỉ còn lại mình tôi. Tôi sửng sốt vô cùng, tôi không hiểu gì hết. Tôi không nói với bất cứ ai về điều đó. Tôi cũng không dám hỏi Bapak. Thực ra thì tôi chưa từng nói cho người hay, trừ trong bức thư cuối cùng mà tôi viết cho người, lúc sinh nhật của người 31 năm sau đó. Nhưng người đã không nhận được bức thư đó, vì đó là ngày người qua đời. Điều tôi 'nhìn thấy' đã thành sự thật.

Trừ Maria Kibble và những người Indo ra, mọi người trong bữa ăn mừng đó đã bỏ rơi Bapak trong vòng một vài năm. Tôi vẫn còn là kẻ đi theo người. Điều tôi không nhìn thấy trong cái 'melihat' là có hàng ngàn người thuộc nhiều quốc gia sẽ đi theo Bapak trong tương lai...



40 ngày sau khi Bapak qua đời: một selematan tại Anugraha

Minh Thần dịch

Subud Voice July 1987

Hãy thương yêu nhau như Bapak đã thương yêu chúng ta

"Chúng ta từ biệt một người cha thương yêu chúng ta còn hơn người cha ruột thịt của mình. Người đã chứng tỏ cho chúng ta thấy trong suốt đời mình và trong mọi hành vi của mình sự yêu thương những người chung quanh mình có nghĩa là gì. Tôi cầu nguyện cho tất cả chúng ta có thể bày tỏ cái tình thương của người này đối với người kia trong cuộc sống mình, để trao trả lại đôi chút những gì người đã ban cho chúng ta."

Những lời nói đó của Sharif Horthy trong lễ an táng Bapak tại Indonesia là điều khai mạc cho cái selematan 40 ngày tại Anugraha ngày mừng một tháng 8, với sự tham dự của khoảng 100 người. Anh Sharif còn đề cập tới Bapak là "một cửa sổ qua đó Ân Huệ của Thượng Đế đi vào thế giới, một thế giới thiếu thốn cái Ân Huệ đó, cái Ân Huệ đem lại sự sống cho chúng ta là những kẻ đã chết."

Tiếp theo những lời nói của Sharif là việc Hilda Haw đọc một đoạn trong chương đầu của Susila Budhi Dharma, điều nói về sự cần phải thành tâm quy thuận, nếu con người muốn đến gần quyền năng của Thượng Đế. Luthfti O'Meagher đọc một đoạn trong chương cuối, đoạn về cái chân văn hóa 'phát triển và thay đổi tùy theo thời đại trong đó mình sinh ra.'
Robert Duveen chủ tế lễ cầu kinh theo Do Thái giáo, trong đó lời cầu đầu tiên là 'Lạy Chúa, ai có thể sống trong căn lều của Chúa?'

Melinda Caink nói về những ngày tháng đầu tiên của Subud ở Tây phương: lần đầu tiên Bapak tới thì ra sao, lúc sự hiện diện của Bapak hầu như trở thành quá sức chịu đựng đối với một vài hội viên, và người ta mong mình sẽ không bị yêu cầu phải chăm lo cho Bapak! Nhưng sau đó thì mọi việc đã thay đổi, mọi người đều muốn giúp đỡ, đều khát khao được gần cận Bapak vì những lợi lộc có thể có. Và sau đó nữa người ta nhận thức được chuyện đó không cần thiết nữa.

Chủ tế lễ cầu kinh theo Thiên Chúa giáo, Gideon Cox nói tới việc ra sao anh đã suy từ về tính hữu hạn của cuộc sống: 'Năm nay tôi được 50. Tôi chợt nhớ tới điều này là Bapak đã chỉ bắt đầu công việc của mình lúc 50!'

Một trong những cầu kinh mà anh Gideon lựa chọn, được dựa trên một chủ đề của Phật giáo, bởi không thể tìm thấy ai đại diện cho Phật giáo.

Marcus Gawen, con trai của hai hội viên Subud đầu tiên ở Anh là Raymund và Laura Gawen, mô tả anh đã cảm thấy như thế nào ở Cilandak lúc Bapak mất. Điều không thể ngờ đó được loan tin qua điện thoại lúc 5 giờ sáng: 'Bapak đã qua đời.' Cú sốc đó tạo nên một khoảng trống trong lòng anh. Thật cảm động lúc thức đêm bên cạnh mộ Bapak với một bóng đèn duy nhất và hàng ngàn bông hoa, lúc thầy tế Hồi giáo tụng niệm kinh Koran. "Tôi cảm thấy lúc đó được bao bọc trong cánh tay của Bapak...và bây giờ thì thấy hoàn toàn nhẹ nhõm, thậm chí còn vui sướng. Hình như được giải thoát. Hiện nay thì tôi có trách nhiệm: bất cứ đi tới đâu mình sẽ đem theo một chút những gì của Subud, để tiếp tục làm những gì Bapak đã làm. Tôi mong là tất cả quý vị cũng cảm thấy như vậy."

Chủ đề tình thương mà Bapak đã biểu lộ, được nhắc tới trong những gì người nói, đặc biệt lúc anh Leonard Lassale yêu cầu người ta cầu nguyện cho mình có thể yêu thương nhau như Bapak đã yêu thương chúng ta.

Leonard nói rằng Bapak đã bảo anh nên chia sẻ những chứng nghiệm của mình, và anh cảm thấy đây đúng là lúc chia sẻ. Nhưng anh cũng nhấn mạnh những gì mình nói không nên được coi là một sự tuyên dương cho Bapak, mà chỉ là sự thuật lại những gì chính anh đã chứng nghiệm.

Đó là lúc Bapak tới Leicester dự Hội Nghị. Bapak có một buổi nói chuyện, và 'tôi đang yên lặng ngồi nghe thì chợt nhận thấy như thế nào người rất trẻ trung và đẹp tướng, trông khác hẳn. Trong tâm mình tôi hỏi Thượng Đế 'con đang trông thấy ai đây?' Câu trả lời là 'Adam.' Một lúc sau đó tại nơi Bapak ngồi, tôi trông thấy một ông cụ gầy ốm nhưng cứng chắc, cao hơn mức trung bình, râu đen dài và tóc đen dày. Khi hỏi, tôi được cho hay đó là 'Abraham.' Bapak lại biến tướng một lần nữa. Lần này, tôi biết đó là Moses. Kế đến là GiêXu rồi thành Muhammed.

"Điều thuốc kretek Bapak đang hút chợt nổ, Bapak bật cười rồi thành chính mình trở lại. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao người có thể nói về tất cả các vị Thiên Sứ – đó là bởi vì tất cả những vị đó đều trong tâm người."

"Một lần khác, có 12 người chúng tôi tại Alexandra Palace. Bapak tụ tập chúng tôi thành một vòng tròn, còn mình thì đứng giữa. Người nói: 'Các bạn đều nói về GiêXu, ông là ai. Bây giờ thì các bạn hãy nhìn Bapak.' Bộ dạng của Bapak biến đổi, trở thành như của GiêXu, động tác trông thanh nhã hơn, như của một người nữ. Tất cả chúng tôi đều trông thấy như vậy. Một vài người đã khóc. Bapak đến đụng vào mỗi người chúng tôi với bàn tay, như GiêXu đã làm. Bapak lại biến tướng một lần nữa, và chúng tôi biết là mình đang trông thấy Muhammed."

Kế đến là việc anh Moulvi Abdullah cầu kinh theo Hồi giáo, và mọi người đều tham dự cái Zhikir dưới sự chủ tế của anh Rashid Craig. Trong sự im lặng tiếp theo đó là giọng nói được thấu thanh của Bapak...

Chị Melina Coulter nói:

"Bapak chưa từng đến dự Hội nghị Thế giới thứ 8. Hội nghị Thế giới thứ 7 là cái cuối cùng. Tôi thấy như vậy là tượng trưng cho 7 giai đoạn của con người trong biểu tượng của Subud. Tôi rất tiếc nhớ Bapak."

Anh Philip Gladwell kể lại:

"Trong những giờ đầu tiên của ngày 23 tháng 6, trước lúc biết Bapak qua đời, tôi đã có một vài giấc mơ. Suốt đêm tôi cảm thấy một tình thương tràn trề. Một tình thương vượt trên tất cả những gì có trên trần gian này. Tôi cảm thấy mình được 'an ủi' và che chở. Tuy kí ức về giấc mơ không còn nữa nhưng cái cảm giác mà tôi nói tới thì vẫn còn. Dùng ngôn từ luôn không thích hợp cho những điều đó.

"Tôi thức dậy khi có điện thoại cho biết Bapak đã mất. Đêm đó khi đi ngủ tôi cầu xin Thượng Đế tạo cho Bapak một đường đi an toàn tới thiên đàng (Bapak mà cần sự cầu xin của tôi!) Ngay sau khi nghĩ tới điều đó, tôi chợt trông thấy Bapak mặc một bộ đồ bằng vàng đang hút xì gà! Trông Bapak thật rực rỡ, còn tôi thì có một cảm giác nhẹ nhõm của sự 'trôi nổi,' và trong nhiều ngày tôi cảm thấy người rất gần mình.

Một vài vị khác bình luận:

"Còn có thể nói gì được nữa về một sự cố như vậy, một chứng nghiệm sâu sắc cho mọi người? Có ai mà không đau buồn, khi biết người đã qua đời, trong khi chúng ta đã chỉ làm theo không được là bao những viễn tượng và gương mẫu của Bapak...May mắn là người không còn phải đau đớn về thể xác, và quả thực người cảm thấy, như người nói, hiện nay gần gũi chúng ta hơn trước kia."

"Lúc này chúng ta mãnh liệt cảm thấy đây như là điều mình đang chờ đợi, hầu như Bapak sẽ tái xuất. Hiện nay chúng ta biết được điều này ăn thua ở mình là thực hiện và đạt được hay không thực tại những lời nói và sự hướng dẫn của Bapak – không dễ dàng nhưng có lẽ nhiều vị đã cảm thấy mình có khả năng hơn."

"Tôi có thể hiểu được các tông đồ đáng thương hại [sau khi GiêXu qua đời] đã cảm thấy như thế nào, nhưng chúng ta cảm thấy được an ủi hơn, chăm sóc hơn. Điều này mãnh liệt tới nỗi khiến cảm thấy Bapak hình như rất gần cận."

"Đột nhiên tôi cảm thấy mình trẻ hơn 20 tuổi – như vậy thì có thể bắt đầu lại từ đầu."

"Ngày 23 tháng 6 lúc 7 giờ sáng, điện thoại reo cho hay Bapak đã qua đời. Tôi cảm thấy rất thần nhiên tuy xúc động. Trong cái latihan ngắn ngủi mà tôi làm ngay lúc đó, một âm điệu đều đều tuôn ra từ miệng tôi một cách không ngập ngừng. Tiếp theo là một âm điệu thấp hơn, cũng được duy trì liên tục. Những âm điệu đó hình như là thành phần của một hợp âm lớn lao và vững chắc từ khắp thế giới, những gì đi theo Bapak...Mắt tôi ẩm ướt vì Bapak, nhưng không được bao lâu...Cuối cùng tôi cảm thấy một sức ép trên vai mình, như gánh nặng của Bapak được chia bớt cho những người chung quanh, còn tôi thì được ban cho một cái ba-lô luôn phải mang theo. Quai đeo thường khiến cảm thấy khó chịu, nhưng tôi phải tiếp tục đi, tiếp tục mãi, vui mừng vì sức nặng mình có thể mang. Tuổi đã 72 không thành vấn đề, không là cái cớ để không tiếp tục đi."

Chủ đề về tình thương mà Bapak đã bày tỏ, là cái xuyên suốt trong những gì được nói, đặc biệt khi anh Lassalle yêu cầu mọi người cho chúng ta có thể thương mến nhau, như Bapak đã thương mến chúng ta.

Như thế là xong

Minh Thần dịch

Subud Voice July 1987

Sau Ramadhan năm nay, Bapak cảm thấy khó ở vì bị viêm cuống phổi. Do đó mà người phải dùng một loại trụ sinh rất mạnh. Phản ứng của thứ thuốc đó khiến người phải mang một lồng ô-xi trong 2 ngày.

Ngày 22 tháng 6 là sinh nhật của Bapak, và một selematan được tổ chức tại tư gia. Người đến bao lơn vẫy tay chào mọi người, rồi bị đau ốm nặng hơn. Mọi người nhận thấy Bapak bị pneumonia nên phải đem tới bệnh viện. Người qua đời trên chiếc xe chở mình đi lúc khoảng 4 giờ sáng giờ địa phương. Theo tập tục của Hồi giáo, người được mai táng ngay lúc đó, lúc 3 giờ chiều giờ địa phương, ngày 23 tháng 6.

Ngày mai phải làm bánh mì

Anh Muchtar Martins, phụ tá quốc tế từ Bồ Đào Nha, lấy may bay tới London để dự cái selematan ngày thứ 7 cho Bapak. Theo anh nói, tâm anh đã thúc đẩy anh phải chia sẻ bánh mì và rượu với những người tại Anugraha, Trung tâm Subud Quốc tế ở Anh.

"Tám ngày trước đây," Muchtar nói, "một hội viên của chúng tôi, chị Soleah Guerra, trong lúc ngủ có một latihan rất mạnh. Chị trông thấy 2 tảng đá tách rời nhau, và có một luồng ánh sáng rực rỡ có vẻ như đã nhập vào chị. Chị còn trông thấy một chiếc ghế không người ngồi, trên đó có một chiếc áo choàng bằng tơ lụa không người mặc. Bapak chợt xuất hiện trước mặt chị, trông rất già yếu. Người nói: 'Ngày mai con phải làm bánh mì và đem theo rượu để chia sẻ với các anh chị em mình.' "

Soleah chưa từng làm bánh mì trước đó, nhưng chị cũng làm theo lời dặn của Bapak, và lúc selematan cho sinh nhật của Bapak, chị chia sẻ bánh mì và rượu với các anh chị em ở Lisbon. Đó đúng là lúc bình minh ở Indonesia, lúc Bapak mất.

Muchtar cảm thấy mình phải tới Anugraha, trung tâm hội nghị của Subud ở London, và yêu cầu Soleah làm thêm bánh mì mình sẽ đem theo để chia sẻ với các anh chị em tại Anugraha.

Muchtar nói: "Xin các bạn cứ tự nhiên dùng, vì tôi tin là Bapak đã yêu cầu tôi làm điều này."

Tôi học được gì ở Rome?

Minh Thần dịch

Muchtar Martins, Subud Voice December 1994

Có lẽ tôi cần phải được chuẩn bị đầy đủ, khiến bị đau ốm trong lúc đến thăm những nhóm Subud ở Italy?

Được các anh chị em ở Florence chăm sóc, nên tôi đã hồi phục, đặc biệt nhờ sự chăm nom của cô em gái tôi cho bản thân tôi và cho những hành lý cho chuyến đi xe lửa tới Rome của tôi. Tôi rất buồn ngủ vì những thuốc men dùng ở bệnh viện.

Cuộc họp đầu tiên của Hội Nghị xảy ra ở Vatican ngày 3 tháng 11. Giáo Hoàng John Paul Đệ Nhị chào đón tất cả những vị đầu não của các tôn giáo, những vị đại biểu và những vị đến tham quan, như cá nhân tôi, trong một buổi lễ thật cảm động và đầy ý nghĩa.

Chúng tôi nghe những lời phát biểu và cầu kinh của các tôn giáo: thần đạo Nhật Bản, Phật giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, Kỳ Na giáo, đạo Xích, đạo Hindu, Bái Hỏa giáo, Thiên Chúa giáo và những tôn giáo của các thổ dân bản địa. Cuối cùng là lời nói ngọt ngào này của Đức Giáo Hoàng: "...xin mời quý vị tới đây một lần nữa...Vatican luôn mở rộng cửa đón quý vị..."

Sau đó, chúng tôi đến Riva del Garda tại miền Bắc Italy để dự sinh hoạt của Hội Nghị trong 6 ngày.

Tôi được dịp nghe phát biểu nhiều quan điểm rất đáng chú ý, và chứng kiến những nỗ lực khắc phục những dị biệt.

Tôi đã học được gì từ trải nghiệm đó...? Trước hết là biết được rất nhiều về những gì hiện đang xảy ra trên thế giới, và như thế nào các giáo dân đang phải đối phó với những vấn đề chánh yếu của hiện nay. Kế đến, thành thật mà nói...tôi học được rất nhiều về Subud.

Phải tốn nhiều trang giấy mới tóm lược nổi cho bạn về sinh hoạt phong phú của Hội Nghị.

Người ta đã phát biểu những điều rất đáng chú ý, đã thảo luận về việc làm của mỗi ủy ban khác nhau, và cuối cùng là tuyên ngôn về hòa bình. Tất nhiên là các vị đại biểu đã quan tâm nhiều tới những gì có thể thực hiện được từ những tuyên bố đó.

Nhưng cuối cùng thì mọi người đều cảm thấy buổi sinh hoạt đó hầu như hoàn toàn tốt đẹp, và tôi cầu xin Thượng Đế những ý định tốt đẹp đó sẽ là hiện thực tại những cộng đồng địa phương.

Nhưng điều khó hiểu hơn với tôi là thái độ thận trọng quá đáng của hầu hết các vị đại biểu trong sự nối kết với thực chất của các tôn giáo khác, và hầu như hoàn toàn thiếu vắng một buổi lễ cầu nguyện chung với nhau.

Do đó mà tôi học được rất nhiều về Subud.

Cái giản dị vô cùng của Subud: chúng ta là một nhóm người theo những tôn giáo khác nhau; căn bản, điểm xuất phát của chúng ta là cùng nhau phụng thờ Thượng Đế, và chỉ từ chỗ đó chúng ta mới hành động.

Tuy biết được điều đó từ lâu, nhưng tôi nghĩ đây là lần đầu tiên mình hiểu được trọn vẹn, và nhận thấy sự kiện đó là thông tin đáng nói tới nhất mà mình có thể cung cấp cho những đại biểu muốn tìm hiểu đôi chút về Subud.

Tôi nhận thức được dù sao thì chúng ta cũng có một tổ chức đơn giản và linh động, rất hợp với thời nay.

Tôi mong rằng trong tương lai Subud sẽ lợi ích cho những nỗ lực cho hòa bình của WCRP (Hội đồng Thế giới của Tôn giáo cho Hòa bình) và nếu có ai cảm thấy muốn hợp tác với tổ chức đó ở mức địa phương hay quốc gia, tôi sẽ cho biết có thể liên lạc với ai.

Ngoài lúc cầu nguyện và tập chung latihan với Simon Guerrand và Patrice Brodeur (một hội viên trẻ từ Boston/Montreal) tôi còn có một lúc thú vị với một nhà sư từ Miến Điện về danh hiệu SUSILA BUDHI DHARMA. Theo những gì chính nhà sư đó nói:

"...hay, một cái tên rất hay...Susila nghĩa là đạo hạnh, Budhi...giác ngộ và Dharma...chân lí... một cái tên hay hết sức."



Nghe Bapak nói chuyện

Minh Thần dịch

Richard Harris August 2017

Harris Smart nói đôi khi lúc ‘mất hướng đi’, cách tốt nhất để định hướng lại cho chính mình là nghe những bài nói chuyện của Bapak.

Theo tôi đoán thì mình không chỉ là kẻ duy nhất đôi khi đi đi loạng choạng trên con đường Subud. Có lẽ tôi đã đặt đúng chỗ những ưu tiên của mình. Tôi đã quên mình ‘TRƯỚC HẾT phải đi tìm nước của Chúa, rồi thì tất cả những gì khác sẽ được ban cho người.’

Chúng ta dễ bị lạc hướng, bị sa ngã trở lại, bị vỡ mộng hay không còn hứng thú với trách nhiệm của mình. Tôi thấy một trong những điều tốt nhất cho khi điều đó xảy ra, là trở về nguồn. Nghe một bài nói chuyện của Bapak.

Muốn nghe một bài nói chuyện, tất cả những gì tôi phải làm là vào Subud Library, vì nơi đó sưu tầm rất nhiều những bài nói chuyện của Bapak.

Như nhiều người, tôi thấy cách tốt nhất nghe những buổi nói chuyện của Bapak là bỏ phần thông ngôn mà nghe Bapak nói chuyện với những phụ đề bằng tiếng Anh.

Một buổi nói chuyện chỉ dài lâu 43 phút, và như vậy thì rất thích hợp với tôi. Chúng ta đừng quên rằng trước kia nói chuyện và thông ngôn đôi khi kéo dài tới 3 tiếng đồng hồ hay hơn. Thật là một thử thách với những ai ngồi mà thấy đau như tôi.

BUỔI NÓI CHUYỆN

Buổi nói chuyện tôi nghe thật hay. Thật sáng sủa, thật ngắn gọn. Bapak giảng giải rất sáng sủa chủ đích và nghĩa lí của latihan. Người tóm lược những động lực khác nhau trong lòng chúng ta, cùng với quan hệ của nó với những cõi giới vật chất, thực vật, thú vật và những thứ khác.

Coi hay nghe một buổi nói chuyện của Bapak, chúng ta không những được lợi nhờ những điều người nói, mà còn nhờ những khuôn mẫu cư xử và việc giọng nói Bapak có cái gì đặc biệt.

Buổi nói chuyện bắt đầu bằng cách cảm tạ ban quản trị chăm lo cho Bapak cùng với đoàn tùy tùng trong lúc viếng thăm. Tính nhã nhặn của Bapak thật khéo léo. Điều đó nhắc nhở tôi như thế nào mình phải lịch thiệp, cảm kích và tử tế, nhưng tôi lại thường thô lỗ. Bapak đưa ra khuôn mẫu những đức tính mà Ibu Rahayu gọi là lòng ‘kính mến.’

Buổi nói chuyện đề cập tới những chủ đề đáng chú ý như vũ khí hạch nhân. Tại sao lại có những cái đó? Mình có thể làm gì với những vũ khí đó?

Có một đoạn tức cười trong đó Bapak nói về mặt trăng. Người nói mặt trăng được coi là sáng chói và tương đương với một phụ nữ trẻ đẹp, nhưng kể từ khi chúng ta lên mặt trăng và thấy nó đầy sẹo và vết lõm, phụ nữ không còn được bợ đỡ và coi như mặt trăng nữa.

Nhưng cái hướng chánh yếu của buổi nói chuyện đề cập tới những vấn đề căn bản của Subud, thực vậy những vấn đề luôn là phần việc của những tôn giáo cổ truyền, như hậu quả những hành vi của chúng ta.

HẬU QUẢ NHỮNG HÀNH VI SAI TRÁI

“„If you do wrong, it will be not God but your own actions that punish you.“

Tôi rất nhận thức được như thế nào những hành vi của mình tác động tới đời sống mình, và rất lấy làm cảm kích là nghe Bapak nói vài điều về việc đó.

- Nếu không muốn bị nóng, thì đứng đến gần lửa.

Một lời cảnh cáo đáng chú ý. Có rất nhiều điều trong đời tôi là bằng chứng của những gì không là sự thật.

- Nếu không tiếp nhận được sự hướng dẫn của Thượng Đế, như vậy tức là những gì các bạn làm chỉ dựa trên những gì là sai lạc và xấu xa.

Tôi hoàn toàn thấy rõ tại sao mình đã không thành công: nguồn suối của những gì mình làm lẫn lộn đầy những gì sai trái.

Bapak tiếp tục giải thích những lợi ích của latihan. “Lợi ích lớn nhất là bây giờ các bạn ý thức được cuộc sống mình.“

Chủ đích của latihan là “khiến cho cảm thấy chân ngã mình luôn luôn sống.“

“Xu hướng của latihan là khiến cho các bạn trở thành những con người mà bản chất là thực sự của con người, những con người thực sự tiếp nhận được [ân huệ] của Thượng Đế“.

Người nói rằng latihan khiến cho linh hồn có khả năng làm việc CHUNG với những ‘xung lực’ mà chúng ta cần cho cuộc sống trên thế gian này.

Vậy nên, tôi phải biết ơn là mình đã đọc bài nói chuyện đó.

Các bạn có thể nhìn với linh hồn mình: không với những cặp mắt sẽ suy tàn, chắc chắn sẽ mục nát.

Các bạn sẽ có thể ngủ, nhưng không là với mũi mình, bởi mũi sẽ mục nát.

Vậy nên, tất cả các bộ phận của mình sẽ mục nát, nhưng linh hồn mình sẽ sống và quen thuộc với cách mình sống trên thế gian này, tâm thức mình sẽ không bị ảnh hưởng – nó sẽ còn đó.



Latihan luôn là chứng nhận trong cuộc sống

Suryati Ngọc Thu

Kính thưa tất cả các cô chú, các anh chị em và các bạn!

Cháu không biết nói gì hơn để mô tả về cuộc sống Latihan như Bapak đã dạy. Từ lúc cháu đón nhận được Latihan cháu thấy như mình được đón nhận một món quà rất rất vĩ đại mà thượng đế đã ban cho chúng ta trong cuộc sống. Cháu xin chia sẻ về những món quà mà cháu đã nhận được!

Khi cháu mới về nhà chồng thì gia đình chồng cháu chưa hiểu gì về SuBud và họ gần như không hài lòng về những buổi tập Latihan theo nhóm của cháu. Nhưng cháu đã cố gắng cầu nguyện thượng đế, để cho gia đình chồng cháu được hiểu biết về Latihan và Subud. Cháu đã cầu nguyện và cầu nguyện.

Rồi có một lần trong buổi tập Latihan của cháu, chợt hiện ra hình bóng của một người phụ nữ trung niên rất giống chị chồng của cháu, gương mặt ấy rất hiền hậu và dịu dàng nói với cháu là "chị là chị của em nè". Cháu cứ tưởng mình bị Natsu chụp lấy nên cố gắng cầu nguyện để xóa đi hình ảnh đó ra. Nhưng càng cố gắng cầu nguyện thì hình bóng đó rõ hơn trong hai buổi tập Latihan của cháu. Cháu vẫn không nghĩ ngợi và quan tâm gì về hình bóng đó, cuối cùng thì trong một giấc mơ của cháu người đó lại hiện ra và lần này thì chị ấy nói rất nhiều về thân phận của chị ấy "chị là con gái đầu tiên của má, chị không có tên em đừng nói cho má biết là đã gặp chị nhé vì chị rất buồn má".

Cháu giật mình tỉnh giấc và kể lại cho cả gia đình chồng cháu nghe thì họ đã hoàn toàn mất thăng bằng vì chưa ai được biết gì về người chị này. Mẹ chồng cháu rất bất ngờ bà vừa khóc vừa kể lại sự thật chính xác như trong mơ của cháu. Vì chị ấy được sinh ra vừa đúng một tuần tuổi thì bị chết nên không được đặt tên (theo phong tục của Việt Nam ngày xưa thì bé sinh ra tròn tháng mới được đặt tên).

Từ đó gia đình chồng cháu đã bắt đầu cảm phục về Latihan của Subud và cháu cũng biết được là cháu đã bắt đầu đón nhận ân huệ của thiêng liêng.

Cháu chỉ muốn gửi tới tất cả các anh chị em và các bạn là thành viên mới những chia sẻ này, để quý vị hiểu được nhiều hơn về Latihan trong cuộc sống. Vì Bapak đã từng dạy rằng Latihan trong cuộc sống nghĩa là hãy để tâm linh thông thoáng, không sân si, không tham lam, không giận hờn. Như vậy thì tâm linh của chúng ta sẽ được đón nhận ân huệ và trí tuệ sáng suốt mà thiêng liêng ban tặng cho chúng ta trong cuộc sống.

Giúp một người bạn

Minh Thần dịch

Richard Harris August 2017

Tôi có một người bạn ở London được giáo dục theo đạo Hồi. Tôi thường đến thăm anh khi mình ở Oxford. Anh đã lập gia đình; vợ chồng anh đều trong Subud. Chúng tôi thường đi lang thang, lấy làm thích thú được cùng nhau trò chuyện chỉ về Subud và Hồi giáo.

Đôi khi chúng tôi tới chùa Hồi ở Regent's Park. Có lần anh kể cho tôi về những chuyện anh làm trước kia mà lấy làm xấu hổ; tôi là kẻ duy nhất được anh cho hay về những chuyện đó. Một hôm cuối tuần nọ, tôi đến thăm anh bảo anh làm trắc nghiệm về latihan anh.

Trong lúc trắc nghiệm tôi tiếp nhận được trong latihan anh rất giận Thượng Đế mà anh trách cứ là đã tạo cho mình một định mệnh xui xẻo. Khi tôi kể lại cho anh điều đó, anh nói là đúng vậy. Tôi nói với anh đó là thanh lọc, và anh chỉ việc buông thả cho tới khi latihan mình tự động thay đổi.

Tuy nhiên, anh nói với tôi là anh cảm thấy có tội tới nỗi không thể dứt bỏ những cảm xúc đó. Tôi tiếp tục khuyến khích anh biểu lộ những gì tiếp nhận được trong latihan. Hồi đó tôi đã trong Subud khoảng 5 năm và chưa là phụ tá, nhưng tôi thực sự không biết phải khuyên bảo hay giúp anh ra sao, ngoài những điều đó.

Năm năm sau đó tôi chuyển tới Bangkok. Bangkok có một nhóm Subud nhỏ bé là nơi tôi thường đến tập. Ở Bangkok được khoảng 10 năm thì chợt nhiên trong latihan tôi kêu gọi tên anh bạn mình, như để khuyến khích anh. Tôi cảm thấy tình trạng tuyệt vọng của anh tại thế giới bên kia. Điều đó tiếp diễn trong vài tuần, rồi ngưng hẳn.

Trong cái latihan vài tuần sau đó, không khí đột nhiên khác hẳn, khiến tôi thấy một hiện ảnh trong đó có những người nam đang ngồi theo hình nửa vòng tròn. Nhưng tôi chỉ có thể nhìn thấy họ từ phía sau. Tôi cảm thấy như họ đang đợi chờ ai đó tới (có lẽ là Bapak). Một người trong họ quay mặt lại, nên tôi nhìn thấy đó là anh bạn mình. Anh mỉm cười nhìn tôi, nên tôi biết bây giờ thì mọi chuyện đều tốt đẹp với anh.

Bởi nghĩ là chúng ta chỉ có thể giúp qua latihan những người trong gia đình mình tại thế giới bên kia, nên tôi viết thư hỏi Ibu Rahayu là có thể giúp bạn bè mình hay không. Bà nói là được, đặc biệt nếu người bạn đó đã tiếp nhận latihan. Bà còn nói là sẽ cầu nguyện cho cái chứng nghiệm đó sẽ không là một gánh nặng cho tôi.

Latihan thông điệp cuộc sống bất ngờ tuyệt vời

Suryati Ngọc Thu

Kính thưa tất cả các cô chú, các anh chị em và các bạn!

Nếu những người đang muốn tìm hiểu về SuBud thì chắc chắn là sẽ có nhiều tâm trạng thắc mắc là "không biết Latihan sẽ như thế nào, và Latihan sẽ đem lợi ích cho chúng ta như thế nào...". Cháu xin thưa rằng cứ hãy làm theo lời hướng dẫn của Bapak. Cháu xin chia sẻ một chứng nghiệm trong công việc của cháu.

Cháu là một công nhân làm việc cho công ty giày thể thao Nike, vì công ty là tập đoàn lớn nên rất quan tâm và chăm sóc cho người lao động rất tốt. Thời gian đó cháu đang có con nhỏ nên được đi làm theo giờ hành chính và làm bên kế hoạch kho. Anh trưởng phòng của cháu rất hiền và rất thương đồng nghiệp sẵn sàng giúp đỡ cấp dưới, nên chúng cháu quý như một người anh thật sự.

Trong một buổi tập Latihan của cháu chợt hiện ra cảnh tượng anh trưởng phòng ấy đang đứng với vài đồng nghiệp của cháu, nhưng khi cháu bước tới gần thì tự nhiên nhóm đồng nghiệp đó lặng lẽ bỏ đi còn anh ấy thì mặt rất buồn và ôm bụng gục xuống. Cháu lại nghĩ là Nafsu lại tấn công nhưng chợt bình tĩnh và cầu nguyện vì cháu đang sẵn sàng tiếp nhận.

Đêm về trong giấc ngủ cháu lại cầu nguyện thiêng liêng một lần nữa để biết là buổi tập Latihan đó cháu đã được tiếp nhận hay đã bị Nafsu tấn công. Và trong giấc mơ cháu đã được thấy lại hoàn cảnh giống như buổi tập Latihan.

Đến khi thức dậy cháu lấy hết bình tĩnh vào công ty kể lại cho một người bạn đồng nghiệp nghe. Và cô ấy nói với cháu rằng chắc tại vì mệt nên nằm mơ thấy ác mộng. Thật sự trong tâm cháu cũng đang mong điều đó là ác mộng, vì lúc nào cháu cũng muốn người xung quanh mình luôn được bình an.

Nhưng ngày hôm đó trôi qua cháu và người bạn đó không thấy trưởng phòng đi làm, đến ngày

thứ hai cũng không thấy và cô đồng nghiệp đang hiểu kỳ nên tìm trợ lý của anh ấy để hỏi. Nhưng lạ thay anh trợ lý lại cố tình tránh mặt không tiếp. Thế là cháu phải tìm chị thư ký nhân sự để hỏi và chị ấy cho biết là trưởng phòng của cháu đã phải đi cấp cứu vì bị vỡ ruột thừa.

Hôm sau cháu lập tức đến bệnh viện và anh ấy đã qua cơn nguy hiểm. Anh ấy bất ngờ vì sự có mặt của cháu vì anh ấy nói là đã dặn trợ lý đừng nói vì sợ đồng nghiệp phải đi thăm trong lúc ai cũng đang bận việc.

Tất cả những gì mà cháu chia sẻ để nói lên sự ân huệ của thiên liêng đã ban cho chúng ta mà không hề báo trước, là những thông điệp về tình cảm chân thành trong sáng yêu thương mà chúng ta phải có như Bapak đã từng dạy.



Một chứng nghiệm mà tôi thích nhớ lại

Minh Thần dịch

Mardiyah A. Tarantino March 2017

Tôi đang trôi nổi bên ngoài trái đất. Phía dưới là trái đất trong không gian, kích thước có lẽ khoảng một quả bóng gôn, hay một quả bóng tennis, nơi nào đó ở giữa. Khi tôi nhìn xuống phía dưới, tất cả những thuốc men của mình chợt bị vớt đi hết, từng cái một, vớt đi qua không gian. Chúng trôi nổi lánh xa tôi. “Thuốc men mình đã đi mất! Những viên thuốc cho bệnh đái đường, thuốc Crestor [làm giảm thiểu lượng cholesterine], những vitamin của mình.” Từng cái một đều bị vớt đi ra một nơi xa. Tiếp theo là các mĩ phẩm của tôi, từng cái một đều trôi nổi xuống phía trái đất. “Chúa ơi! Mình phải làm gì đây khi không có môi son?”

Ngay lúc đó tôi nhận thức được mình không cần môi son, bởi không còn thân xác nữa. “Vậy thì mình còn gì? Tôi tự hỏi mình, khi cảm thấy tình trạng vô thân xác. “Mình đã bỏ đi những gì?” Đó là cảm giác duy nhất mà tôi muốn tìm cách nhớ lại.

Tôi liền nhận thức được là mình đang bị kẹt. Mình không thể lên trên hay xuống dưới, hay ra một nơi khác. Mình bị kẹt nơi nào đó, đang trôi nổi trong không gian. Tôi kêu gào xuống phía dưới để kêu gọi người thân mình trên trái đất. Tôi kêu gào, nhưng không có âm thanh nào. “Cầu nguyện cho tôi đi! Giúp cho tôi ra khỏi cái tình trạng này đi! Ai ơi dưới kia, cầu nguyện cho tôi đi! Tôi đang bị kẹt đây này!”

Tôi cố gắng nhìn thấy ai đó, nhưng vô ích. Có lẽ Ed [một người thân] sẽ không quên việc cầu nguyện. Họ đang nơi nào đó trên quả bóng gôn này. Tôi mong họ sẽ nghe thấy mình.

Chẳng có gì xảy ra. Tôi vẫn còn trôi nổi trong không gian, đang bị kẹt. Chỉ có tôi và latihan mình. Tôi không còn nhớ là mình đã cảm thấy bất cứ gì. Tôi không còn nhớ là mình đã mất thân xác. Tôi cảm thấy như vậy là tự nhiên khi thiếu thân xác. Vậy nên, tôi chỉ việc đợi chờ, treo lơ lửng trong không gian mênh mông. Chỉ có tôi và latihan mình, đó là tất cả những gì có.

Làm Phụ tá Quốc tế

Minh Thần dịch

Istin Jenkins december 2018



Istin Jenkins (ngồi bìa phải) viếng Việt Nam năm 2015

Trắc nghiệm ở Innsbruck

Bởi là một hội viên thành tín từ đầu những năm 1960, nên năm 2005 tôi cảm thấy muốn coi xem mình có hay không những đức tính để phục vụ phương diện kedjiwaan của tổ chức Subud.

Vậy nên, trong Hội nghị Thế giới ở Innsbruck, Áo quốc, tôi đưa tên mình ra để trắc nghiệm.

Những năm trước đó, tôi giữ chức chủ tịch phó của Susila Dharma ở Úc và là điều phối viên của Subud Youth. Tôi cũng hỗ trợ cho SICA ở Úc và khắp thế giới, theo nhiều cách khác nhau có tính sáng tạo.

Chính vì yêu thích sứ mệnh của Bapak, công việc do thiên khải của Bapak là giảng giải đời sống tâm linh cho hội viên, nên tôi có ý định muốn đóng góp cho WSA.

Trắc nghiệm về vai trò của mình cho tôi thấy một điều bất ngờ: ngay cả trước khi được lựa chọn, tôi vẫn còn bị ảnh hưởng bởi tim can và trong trạng thái kiêu hãnh, không thích bị chỉ trích...không là một trạng thái trung lập!

Tôi chấp nhận sự thật đó, và như mọi khi lấy làm vui vẻ vì điều đó, vì nó không bao giờ không khiến tôi xa lánh sự hướng dẫn và lời khuyên của Bapak.

Trắc nghiệm ở Puebla

Đến năm 2010 tôi ý thức được là tuổi tác mình (65 tuổi) sẽ bắt đầu hạn chế khả năng và sức lực phục vụ Subud ngoài đời của mình.

Bởi khía cạnh sáng tạo của mình vẫn còn mãnh liệt, nên tôi tích cực thực hiện một dự án trong lúc Hội nghị Thế giới ở Christchurch.

Không có thời gian làm trắc nghiệm cho vai trò phụ tá trong dịp đó!

Dự án International Fabric Project có kết quả là tạo ra một hiệu kỳ tuyệt đẹp khiến thu góp được 3000 Đô cho YUM (một dự án xã hội) tại Kalimantan.

Đến năm 2012 tôi ở Melbourne được yêu cầu điều phối làm những hiệu kỳ khắp thế giới cho Hội nghị Thế giới tại Mexico trong năm 2014.

Nhưng hồi đó tôi không cảm thấy mình phải đưa tên mình ra làm trắc nghiệm cho vai trò phụ tá quốc tế...mặc dù những xương cốt bị thoái hóa của mình!

Với sự hỗ trợ và khuyến khích của các phụ tá quốc gia Úc, kết quả của trắc nghiệm là rất tốt và nhẹ nhõm.

Nhà tôi Peter cùng tôi tới Puebla, Mexico, một tuần trước lúc Hội nghị Thế giới cho chương trình Yes Quest (chương trình giúp thiếu nhi) và người ta mời tôi tới giúp ích cho khía cạnh sáng tạo.

Lần này thì tôi có thể muốn hay không muốn đưa tên mình ra cho chức vụ phụ tá quốc tế mà

không cảm thấy mong ước theo cách này hay cách khác mình sẽ được lựa chọn! Tôi hoàn toàn trung lập.

Khi được kêu ra làm trắc nghiệm và đứng trước chín vị nữ phụ tá, tôi rất thư thái. Có những câu hỏi như: “Bạn có những đức tính của một phụ tá quốc tế?” hay “Bạn có khả năng làm việc trong một ê-kíp?”

Trong lúc câu hỏi thứ hai tôi cảm thấy nơi mình có một “món quà,” điều gì bất ngờ khiến mình như có uy quyền dùng cái sức mạnh xuất phát từ linh hồn mình. Điều đó làm tôi yên tâm đây đúng là lúc mình giữ cái vai trò đó với hết khả năng mình.

Trải nghiệm đầu tiên

Trải nghiệm đầu tiên của tôi là tới Nhật Bản với anh Lewis Hayward để gặp gỡ các phụ tá quốc gia và hội viên Nhật.

Cả hai chúng tôi đều nhận thấy ngôn ngữ là một rào cản đầy thử thách, bởi phải có một thông ngôn tài ba, và đó là điều căng thẳng cho người luôn phải thông ngôn.

Đôi khi hình như tự nhiên có những câu hỏi và tiếp theo là trắc nghiệm. Những lúc khác thì hình như cần phải có một buổi trắc nghiệm, bởi chẳng ai có chương trình gì, hay người ta thấy ngại ngừng muốn hỏi. Với tôi thì không phải tốn nhiều thời giờ để cảm thấy niềm tin trong lòng làm trắc nghiệm về những câu hỏi chợt có...

Nhưng có điều lý thú này là tôi luôn cảm thấy quyền năng của Thượng Đế ngay lúc mình có ý định hoạt động cho Bapak.

Vậy nên, tôi thường chứng kiến điều này: tôi càng quy thuận được bao nhiêu thì người đặt câu hỏi càng tin tưởng và tiếp nhận được một cách rõ rệt bấy nhiêu.

Cung ứng cho chúng tôi đầy đủ tiện nghi, các hội viên Subud Nhật bày tỏ lòng kính trọng với những người đến thăm hay những người khách của họ.

Tuy những nhóm chúng tôi đến thăm hầu hết là những nhóm nhỏ bé, nhưng nếu có những cuộc hội họp vùng được tổ chức thì các hội viên tỏ ra rất chân thành nhưng lại e ấp, và tôi không thể không tự hỏi là mình không biết bao nhiêu lần đã làm rồi những “trắc nghiệm làm cho thức tỉnh (awakening testing)”?

Ở Á Châu có nhiều nhóm không quen thuộc với lối trắc nghiệm đó, và tuy điều đó xảy ra với những nhóm nhỏ bé nhưng các hội viên đã đáp ứng và bắt đầu làm quen với những câu hỏi căn bản như cách nhảy múa, ca hát, cười nói hay có một latihan đặc biệt cho sức khỏe.

Một năm chánh yếu cho du hành

Năm 2005 là năm chánh yếu cho du hành. Chúng tôi trắc nghiệm và đồng ý đến thăm tối đa theo khả năng mình những nhóm Subud tại Khu Vực Một. Chúng tôi thường xuyên hẹn gặp nhau trên Skype và kiên nhẫn giải quyết những vấn đề của mình. Với thời gian chúng tôi càng

lúc càng cảm thấy có sự thống nhất.

Điều này thật vui mừng, một giấc mơ thành sự thật, khi tôi được gặp nhiều hội viên trên khắp thế giới, được cùng tập latihan với họ; mỗi người chúng tôi có vẻ như tỏa ra ánh sáng từ cái chứng nghiệm và đặc quyền không xứng đáng của mình.

Giảng giải một cách đúng đắn và tốt đẹp nhất cho những hội viên học hỏi từ những lời nói của Bapak là điều càng lúc càng trở nên hệ trọng. Điều đó được đặc biệt nhận thấy ở Indonesia. Hội đồng quốc gia luôn sắp xếp cho có những buổi “hỏi và đáp,” và nhiều hội viên chia sẻ những chứng nghiệm, khó khăn và trường hợp của họ.

Tháng hai năm 2015 có một cuộc hội họp đặc biệt cho 18 người chúng tôi thuộc nhóm phụ tá quốc tế, và đó cũng là lúc có những buổi họp với Ibu Rahayu. Nhân dịp đó, Ban Thư Khố tại Wisma Subud chỉ cho chúng tôi thấy tại sao Ibu Rahayu đề nghị cho chúng ta tạo nên một cuốn sách mới cho phụ tá. Đó là vì có những chỗ dịch không đúng nên cần phải sửa lại.

Đó không những là một quá trình học hỏi không chỉ cho những ai liên quan, mà cho tất cả chúng tôi là những người bắt buộc phải quan tâm nhiều hơn tới sự minh tuệ ban cho mình là thiên ân. Cái thiên ân đó chứa đựng những bí mật của cuộc sống trên trái đất. Một thiên ân quý báu cho sự tiến triển của tri thức và cho sự cứu rỗi của linh hồn.

Hội họp ở Santiago và Indonesia

Lần gặp gỡ thứ hai là trong lúc có một cuộc họp của WSA tại Santiago, Chile, nơi trụ sở mới được nâng cấp của Subud.

Lúc đó là mùa thu, và thời tiết thì hơi lạnh. Một trận động đất xảy ra, khi chúng tôi đang trải nghiệm câu hỏi “Basara có là nơi chốn tốt nhất cho một đại sự quốc tế?” Sự rung chuyển của mặt đất làm cho mọi thứ chung quanh chúng tôi rung theo. Một vài người chúng tôi vẫn còn đu đưa như trên một chiếc tàu nơi đại dương.

Trong dịp đó, chúng tôi đương nhiên thấy mình cùng chung một “thuyền” tới Hội nghị Thế giới kế tiếp tại Đức. Chúng tôi mạnh mẽ thống nhất trong quá trình chuẩn bị.

Cuộc phiêu lưu kế tiếp là trở về Indonesia để tới Java. Nhân dịp đó, chúng tôi đến thăm nhà ở của Bapak tại Semarang, nơi người tiếp nhận được cuốn Susila Budhi Dharma. Trước kia, tôi đã đến đó 100 ngày sau khi Bapak mất. Chỉ hiện nay nó mới được sửa chữa và xây cất lại một chút để bảo tồn được lâu hơn.

Chúng tôi mang ơn sự hiếu khách và tình thương cho mình, còn latihan thì luôn rõ rệt và mãnh liệt.

Chúng tôi được dẫn tới một nơi là chỗ Bapak lần đầu tiên có một chứng nghiệm trọng đại, lúc bắt đầu tiếp nhận được cái thiên khải mà người chia sẻ cho tất cả chúng ta.

Tiếp theo là một cuộc hành trình ngắn ngủi tới nơi Bapak chào đời. Điều tôi nhiều lần ao ước vì những lý do nào đó. Nơi đó Pak Widarbo đồng ý ngâm một vài câu thơ trong Susila Budhi Dharma. Một việc làm thật cảm động và thích đáng. Nói thế vẫn là chưa đủ.

Trong chuyến đi đó, chúng tôi nhận thấy cần phải có nghị lực để hoàn thành bổn phận và trách vụ của mình.

Thời gian rảnh chúng tôi tiếp xúc với hội viên, hay cùng họ đi tới những nơi chốn thờ phụng của họ. Nhiều vấn đề được bàn cãi, và chúng tôi mong rằng sự hiện diện của mình sẽ đem tới thêm bằng chứng và niềm tin cho latihan kedjiwaan là sự giáo hóa tâm linh của chúng ta.

Ibu Rahayu giải thích

Sau mỗi chuyến đi, chuyến kế tiếp được dự trù: Sri Lanka, Malaysia, Ấn Độ, Singapore, Việt Nam, Thái Lan, Iran vv...Về tất cả các nhóm Subud, lớn hay nhỏ, đều có tường trình.

Tháng Tám 2016 tôi cảm thấy cần phải có chuyến đi tới Ba Lan. Cuộc họp tại đó vừa cho cuộc họp Vùng, vừa cho sinh hoạt của giới trẻ là Youth Camp.

Đó là một trải nghiệm phong phú và sự thưởng công cho mình, vì làm cho tôi càng tin cậy hơn cái khả năng điều khiển một hội thảo kedjiwaan của mình (Hình như là không hề bị trở ngại ngôn ngữ!).

Hội họp ở Salobrean

Cuộc họp kế tiếp là tạ Salobrena, Y Pha Nho, trong tháng Tám. Thời tiết vẫn còn hơi nóng và oi bức. Đó là một hội họp lớn của Dewan, tới mấy tiếng đồng hồ để cùng nhau giải quyết những vấn đề bất ngờ đưa ra.

Có những nỗ lực thành hình để liên kết với nhau những khía cạnh khác nhau của Hội nghị Thế giới kế tiếp. Có những điều có triển vọng, những điều khác thì không. Hình thù, đề cương và các vai trò tiếp tục thay đổi, nhưng chúng tôi cởi mở, linh động và không ngại làm trắc nghiệm.

Đến cuối năm, BASARA (chương trình cho giới trẻ Subud) được tổ chức, và người ta yêu cầu tôi đề ra một chương trình kedjiwaan cho Ban Thanh Niên. Thế nên, tháng Chạp năm 2016, lúc gần Giáng Sinh, chúng tôi đến Rungan Sari, để lưu lại đó trong hai tháng.

Lúc đó là mùa ẩm ướt nên hầu hết các ngày đều có mưa lớn lúc trưa hay chiều. Chúng tôi không màng tới, bởi sẽ mát mẻ hơn một chút. Từ Vùng Một chỉ có ba người hiện diện (cùng với một người từ Vùng Ba, một điều đáng mừng).

Vai trò chánh yếu của tôi

Là phụ tá quốc tế, nên vai trò chánh yếu của tôi là tối đa tương tác với giới trẻ, cùng họ sinh hoạt, nghe họ nói tới những trải nghiệm, vấn đề và lo nghĩ của họ.

Tôi cũng thích thú tham dự những buổi ca hát ban đêm. Mỗi ngày trước bữa ăn trưa hay tối, họ có thể đến tập latihan hay làm trắc nghiệm nếu thích, và nhiều người đã tới. BASARA là một thí nghiệm bởi giới trẻ, cho giới trẻ, có kết quả đáng kể.

Điều đáng buồn là tiếp theo vụ đó là cái chết bất ngờ của anh George Demers, điều phối viên hội đó của Ban Thanh niên Quốc tế. Vai trò tôi hồi đó là an ủi, hỗ trợ và luôn bên cạnh chị Camille, vợ anh, cho tới khi những người trong gia đình anh tới, để sắp xếp đám tang và cuối cùng là đem hài cốt về Canada.

Tại Freiburg, trước khi ra đi Ibu Rahayu kêu tất cả các phụ tá quốc tế, cũ cũng như mới, tới để giải thích điều này: bởi chúng tôi đã được lựa chọn cho vai trò đó, nên Thượng Đế đã ban thêm sức mạnh tâm hồn cho mỗi người, để tiếp tục sứ mệnh của Bapak và phục vụ hội viên, trong khu vực gồm những quốc gia mình phụ trách.

Cuộc đời vẫn còn đó

Cuộc đời vẫn còn đó lúc tôi trở về Úc mà không được dự Hội nghị Quốc gia tại Adelaide. Chúng tôi toan tính cho năm 2017 là những chuyến đi để tới thăm những hội viên tại vùng East Coast, nơi tụ tập các hội viên từ New Zealand, Brisbane, Sunshine Coast, Sydney, Canberra Melbourne và Tasmania.

Đi từ Á Châu tới Âu Châu dự một buổi họp Vùng tại Hy Lạp, một Hội Nghị ở Anh, một cuộc họp của WSA tại Freiburg, công việc của tâm hồn đó không bao giờ hết, thường thường thì mệt mỏi nhưng luôn luôn được vừa ý.

Phục vụ như thế cho Subud là một ân phước không thể tả nổi, tối thiểu là trong một đời người!



Cái chết cũng có vẻ đẹp

Minh Thần dịch

Leonard Lassale May 2019

Nhà tôi, Melinda, các con tôi và tôi, vừa mới trải qua một chứng nghiệm mạnh mẽ và cực kì siêu phàm. Tôi xin được chia sẻ với các anh chị em Subud.

Một vài năm trước đây, tôi viết một cuốn sách tựa đề là Source of Life. Đó là những chuyện về những trải nghiệm trong đời chúng tôi dưới sự hướng dẫn thường xuyên của lối tu tập theo latihan của Subud. Với những ai chưa đọc sách đó, dưới đây là những điều tóm lược về cuộc đời chúng tôi, để dắt bạn tới những gì tiếp theo.



Trong năm 1956...

Đó là lúc tôi đang học tại trường Central School of Arts and Crafts ở London. Chính nơi đó tôi lần đầu tiên gặp Melinda. Cả hai chúng tôi đều thích thú tìm hiểu những vấn đề tâm linh, trong đó có lối tu của Gurdjieff. Chúng tôi nhận thấy mình vui sướng khi được gần nhau, và chúng tôi đã kề cận nhau kể từ đó.

Một đêm nọ, trong tháng 6 năm 1957, hoàn toàn sáng ngời, Melinda đến gặp tôi tại căn buồng tôi ở London: cô vừa mới nghiệm được cái latihan đầu tiên của mình.

Chẳng bao lâu sau đó, tháng 11 năm đó, tôi cũng bắt đầu theo tập latihan.

Chúng tôi thành hôn trong năm 1959 và cho ra đời bảy đứa con.

Dù định cư tại Pháp hay Anh, chúng tôi luôn tập latihan và còn phải bận rộn nuôi nấng một gia đình đông con; đó lại là điều khiến chúng tôi gần gũi nhau hơn và tạo cho cuộc sống mình những màu sắc đẹp nhất.

Chúng tôi thường trực định cư tại miền Provence của Pháp trong năm 1991, nơi Melinda làm việc trồng cây vào chậu, còn tôi thì sơn vẽ.

Đến tuổi già...

Cơ thể chúng tôi bắt đầu cho thấy những dấu hiệu của sự hao mòn. Melinda cần phải mổ tim, đầu gối cần phải được chăm sóc...

Một hôm nọ, Melinda té ngã trên cầu thang, xương đùi bên trái bị vỡ từng mảnh. Tuy được phẫu thuật nhưng xương lại bị vỡ, khiến bà không thể đi đứng cũng như bước lên cầu thang.

Chúng tôi thích nghi nhịp sống của mình với tình trạng mới đó, và thường ở dưới nhà với phòng khách biến thành một phòng ngủ nhỏ xíu.

Tôi ý thức được...

Melinda bắt đầu trải qua cái quá trình mãnh liệt tự động xảy ra dần dần chuyển hóa tâm thức trần gian thành tâm thức của linh hồn. Chúng tôi cần phải chuẩn bị cho những thay đổi trọng đại sắp xảy ra.

Một năm rưỡi trước đây, tôi quyết định không cho Melinda dùng những thuốc men thường dùng: những thứ cho tim, cho máu, cho sự tiêu hóa và một vài thứ cho tất cả những cơn đau nhức. Đầu óc bà không còn được sắc bén, bà trở nên lúng túng khó tìm thấy cái không gian tạo cho tâm thức được gần cận linh hồn.

Khi tôi cho bác sĩ hay quyết định của mình, ông la lối: “Ông khùng rồi! Bà ấy sẽ chết trong vòng một tuần, ông liệu đấy!”

- Thà chết một cách tự nhiên trong sự sáng suốt hoàn toàn của tâm thức còn hơn là chết mà không ý thức được gì, tôi đáp.

Thực vậy, điều khiến bác sĩ kinh ngạc là tình trạng sức khỏe tổng quát của Melinda nhanh chóng khá hơn: bà biết lại được sự hiện diện của mình, khả năng tiêu hóa trở nên đỡ hơn, những cơn đau bớt đi.

Cả hai chúng tôi đều nhận thấy có những thay đổi trọng đại của tâm thức, vì đó là một quá trình thanh lọc thâm sâu.

Những xúc động và sợ hãi của thời thơ ấu chôn cất trong đáy lòng chợt lộ diện, dù đó là lúc ban ngày hay ban đêm, mỗi cái với những sự thật và thực tại khác nhau. Bà thường lớn tiếng nói

trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, và tôi liền nhận thấy mình không nên tìm cách trả lời những câu hỏi của bà, mà để cho bà tự nói ra tất cả những câu trả lời của chính mình, bởi nếu tôi trả lời thì sẽ chỉ làm cho bối rối thêm.

Khi còn bé...

Quan hệ với bố mẹ của bà không là điều lí tưởng, và sự thiếu thốn tình thương, thiếu chăm sóc và quan tâm của họ đã để lại một vài vết sẹo nặng. Nhờ tha thứ và sự buông bỏ những tình cảm bị tổn thương, bà đã làm cho cái quá trình chữa trị cho mình qua tình thương lây qua bố mẹ mình.

Hai người anh trai bà cũng đã được tha thứ; họ đã thích thú chêu chọc bà khi bà còn bé, và điều đó đã khiến bà sợ hãi vô cùng. Trong cái quá trình thanh lọc cho tới khi có thể tha thứ họ và buông bỏ những sợ hãi của mình, bà đã trải qua nhiều cơn giận dữ.

Bà cần phải nói chuyện với mỗi đứa con mình trong bảy đứa, nói một cách khác nhau với mỗi đứa, vì bà cố gắng không để cho mình bị ảnh hưởng bởi tình thương của người mẹ.

Với chính tôi thì cũng có chuyện, bởi những liên hệ trần gian của chúng tôi rất khăng khít. Bà không thể hiểu được là tôi không thể cùng bà đi qua cái thế giới bên kia. Dù sao, chúng tôi cũng đã liên tục ăn ở cùng nhau được 65 năm!

Nhiều lần trong đêm, bà kêu tôi: “Anh ơi, anh còn đó không? Tại sao anh mất nhiều thời gian như vậy để chuẩn bị! Xe hơi đã có đó, và bây giờ thì em muốn về nhà...Chúng ta cùng đi nhé!”

Dần dần một sự chuyển hóa xảy ra trong tâm thức bà...

Bà ý thức được nhiều hơn nội dung đời sống tâm hồn, thay vì những gấn bó vật chất của mình. Sự hiện diện của những thân nhân trong cái thế giới tâm linh của bà thành sự thật nhiều hơn. Bà trông thấy nhiều sinh linh và yêu cầu tôi giúp bà nhận diện họ.

Tôi phải giải thích là bà đang bắt đầu nghiệm thấy cái thế giới nội tâm của chính mình mà tôi không thể vào, tuy cảm nhận được sự thật những thực tại của bà.

Thường thường, bà trải qua những giai đoạn tiếp nhận ca hát trong latihan. Cũng có nhiều lúc thật vui sướng và hạnh phúc. Chúng tôi được dịp cười nói rất nhiều, đặc biệt khi con cái chúng tôi tới thăm.

Bởi sự hiện diện của nội tâm bành trướng, nên sự sống trong cơ thể bà giảm thiểu, khiến bà khó ăn uống được, vì không thể dùng miệng và lưỡi. Nói năng cũng không được rõ rệt, vì cách phát âm trở nên khó nhọc. Cảm xúc bà trở nên nhẹ nhõm hơn, và bà ý thức được những người chung quanh mình, tuy mắt thường xuyên nhắm.

Lucianne, cô con gái cả chúng tôi, đến giúp tôi trong những giai đoạn cuối cùng của đời sống thể xác mẹ mình. Cả hai bố con được chứng kiến sự chuyển tiếp của bà qua thế giới bên kia.



Lúc 9 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 2...

Hơi thở của Melinda thay đổi nhịp điệu rồi trở nên yên lặng, với những lúc dài lâu giữa hai lần thở.

Khi sự hiện diện của bà hòa vào linh hồn bà, bà tự tách mình ra khỏi cái thế giới này.

Tình Thương Tình Trọng và Ánh Sáng phát từ nơi bà. Tôi cảm thấy linh hồn mình đồng nhất với linh hồn bà, và tâm thức chúng tôi hòa vào nhau để vươn ra ngoài vũ trụ.

Tôi nghe thấy từ xa những âm thanh của vũ trụ, và biết được đó là lúc cho mình trở về cuộc sống trần gian của mình. Vẫn còn nghiệm được những sức mạnh thánh thần trong đó linh hồn Melinda được tắm gội, tôi nói trong lòng mình: “Bye bye em yêu.”

Tôi hòa nhập trở lại vào cái bản chất trần gian của mình. Một cảm giác thâm sâu của sự biết ơn, của sự hài hòa và tình thương tỏa khắp phòng, khi cơ thể bà trút hơi thở cuối cùng. Lòng mày vung lên như muốn bay, khuôn mặt Melinda mang một nụ cười thánh thần. Lucianne và tôi đứng bên cạnh một lúc lâu để đi trên cái không khí của thiên đàng đó.

Xin tạ ơn Tạo Hóa đã cho chúng tôi nghiệm được cái chết là một cánh cửa mở lối vào tình thương vĩnh hằng.

Xin tạ ơn Bapak đã chỉ cho chúng tôi con đường tới sự toàn thiện.

Testing questions

Ghi chú: ghi lại theo trí nhớ của các hội viên tham dự buổi nói chuyện của Ibu

For women

1. Where is Almighty God?
2. Each person worships God individually in their own way. Show how you worship God.
3. Where are your hands?
What are they for?
How do the hands of a teacher move?
How do the hands of a good mother move?
How do the hands of a businesswoman move?
4. Where is your head?
What is it for?
How does your head move when you say "yes"?
How does your head move when you say "no"?
5. How do we ask God to forgive what we have done?
How do we ask God to forgive our parents' mistakes and errors and show them the way to return to God?
Some parents may not be in Subud and how do you receive latihan that helps your parents receive God's guidance?
6. Subud is a big family and we need to love and help our Subud brothers and sisters. How do we show our love and help for our brothers and sisters?
As Subud members, how do we improve harmony among us?
As a Subud member, you need to be not only diligent with latihan but also social. Show how to apply latihan in your daily life. Show how to get along with Subud members and other people.
As brotherhood and sisterhood, so you have to be able to care to each other. Show you feel how it is in your soul.
7. Latihan needs to be shown in reality in our lives. Show how we ask God to help us show the reality in our daily lives.
Your soul is inside you. Your soul can find the way to God. How do you find the way to God?
If you have a voice, show how to use your voice.
Feel movements from inside to make your soul more real or more alive.

For men

1. Where is Almighty God?

2. You know God is inside you and that's why actually God puts His essence in you so you can feel. Show how you connect with God through your latihan.

How do you feel when you receive latihan?

How do you feel the Grace of Almighty God for you?

3. Do you understand what you are receiving in your latihan?

If you understand who you are, you will understand the aim of Subud because we are part of His structure or network. What is the aim of Subud for the world?

4. Ask God and Bapak to forgive you for lack of putting latihan into practice.

5. Show how you ask for God's gift to use latihan more fully.

6. How do you feel the Grace of Almighty God for you?



Thuật trường thọ của một hội viên 94 tuổi

Minh Thần dịch

Lola Stone

Nhớ lại những giáo đường và chùa chiền mình tới thăm trong những năm qua, tôi thấy mọi nơi đều duy trì ánh sáng trên bàn thờ; thường thì đó là nến, đèn dầu hay một ngọn lửa nào khác. Tôi phải tin đó là hình tượng của Ánh Sáng Vĩnh Hằng, và mỗi người chúng ta đã sinh ra với một tia sáng trong đó.

Trong những đền chùa xưa kia, người ta không khi nào để cho ngọn lửa đó chết, và nó được chăm sóc bởi những cô thầy cúng đặc biệt. Hiện nay hình như chúng ta cần phải có những cú sốc mạnh mẽ và thường đau đớn, khiến mình được giải thoát khỏi sự thu hút như thôi miên của thế giới vật chất và khiến ta phải nhìn vào đáy lòng mình.

Có thể đó là điều tại sao nhiều người chúng ta trải qua một thời kì "đen tối của linh hồn", một thời kì cốt yếu của đời mình. Đối với vài người, đó là những lúc đầu của tuổi 30, với những người khác thì vào khoảng tuổi 50. Trường hợp ngoại lệ hiếm có là thời kì đó hình như là dịp may duy nhất của chúng ta để loại trừ tất cả những gì bám vào mình là những rác rưởi nổi lên bềnh vớt xuống biển.

Như nhà văn Dante đã viết: "Giữa đời mình, tôi nhận thấy mình trong một khu rừng đen tối trong đó không còn con đường thẳng bằng trước kia của mình." Đương nhiên kẻ đáng trách là người bạn đời mình, bố mẹ hay con cái mình. Cũng có thể đó là ông xếp mình, hay một kẻ nào đó trong công sở mà mình nghĩ là đã gây ra cơn khủng hoảng đó. Nếu may mắn, ta sẽ được nội tâm mình hướng dẫn đi ra ngoài cái mê lộ tự tạo đó, để tới một cao nguyên của sự hoàn thiện. Nếu không thì mình sẽ bị mắc kẹt trong những khuôn mẫu cũ xưa, vì không phân biệt được chỗ cao với chỗ thấp.

Theo tôi, điều đó xảy ra là vì hầu hết chúng ta đã đi trên đường đời mình trong trạng thái ngủ gật. Chúng ta đã quên mình là ai cùng với cái sứ mệnh duy nhất của mình trên trần gian. Cái trái đất này đã chứng tỏ nó là nơi cư ngụ của những sức mạnh vật chất mãnh liệt mà ta phải giải thoát mình khỏi, để dùng nó mà không để nó dùng mình.

Cơn khủng hoảng đó, một khi đã trải qua, làm cho mình tỉnh ngủ. Nếu có thể luôn ý thức, chúng ta sẽ không quên săn sóc ngọn lửa của sự vui sướng đó, tuy ẩm ướt, nhưng vẫn còn cháy trong lòng mình. Đó là lúc ta được tái sinh, và từ đó trở đi mọi chuyện đều tốt đẹp. Chúng ta có thể tiếp tục những công việc của đời mình.

Điều có vẻ như tai ương lại thành một ân phước. Tất cả những gì xảy ra cho mình có mục đích khiến ta nhận thức được là mình đang sống tại một nơi học tập. Đối với nhiều người đó là nơi luyện ngục, với những người khác thì là địa ngục, với mọi người đều không là một nơi để qua.

Đó luôn là điều đòi hỏi lòng dũng cảm, thương cảm, sức mạnh của tâm hồn và sự ý thức được Năng Lực của Thượng Đế trong đó chúng ta trôi nổi. Bạn có thể thích gọi đó là "Trí Tuệ Không Địa Điểm", như các nhà vật lý học; nhưng có gọi là gì đi nữa thì đó vẫn là cội nguồn và chung cuộc của chúng ta.

TẬN HƯỞNG ĐỜI MÌNH

Nhìn lại cuộc đời dài lâu và hầu như nguyện mãn nguyện của mình, tôi tự hỏi đó là vận may hay định mệnh, khiến cho gần tuổi 95 mà mình vẫn còn mạnh khỏe, đầy nghị lực, năng động và yêu đời?

Có thể đó là vì tôi luôn nói ĐỜI NGƯỜI THẬT ĐÁNG SỐNG, không bao giờ nản lòng, trừ phi đó là lúc trong ba năm trời tôi nghiệm thấy "đêm tối của linh hồn" với những lúc buồn và vui, hay lúc 23 tuổi bị sốc vì cái chết bất ngờ của bà mẹ mình.

Cũng có thể là vì kể từ tuổi 20 tôi ý thức được cách ăn uống có lợi cho sức khỏe và việc có một tinh thần lạc quan, bởi tôi tin rằng cơ thể đáp ứng lại những ý nghĩ và cảm xúc của mình. Tôi luôn vận động thân thể, và hồi đó đã bắt đầu học khiêu vũ và tập yoga; hai điều đó cho tới những lúc gần đây tôi vẫn còn theo tập.

Tôi cũng là một kẻ tích cực tham gia phong trào phản đối của những nhóm chống lại sự xây cất những lò nguyên tử, viết những bức thư phản đối đăng trên báo chí khắp thế giới: báo chí Liên Xô, tờ New York Times, tờ Miami Herald, tờ Bangkok Post và một vài tờ tại Long Island. Bức thư duy nhất không được đăng là bài gửi cho tờ St. Petersburg Times liên quan tới những người da đen phải ngồi phía sau của xe buýt, và phải dùng những máy nước riêng biệt tại những nơi công cộng.

Hình như việc tham gia vào cuộc sống chung quanh, ngoài gia đình mình, giúp ta luôn được trẻ trung và mạnh khỏe, kể cả việc dùng tất cả những năng khiếu mà cuộc sống đã ban cho mình. Cùng với sự chú tâm tới những hướng dẫn của nội tâm, việc học những kỹ năng mới để thích ứng với một thế giới càng lúc càng nhỏ bé, giúp cho tinh thần và thể xác được mạnh khỏe.

Tôi may mắn được du hành tới gần 60 quốc gia với phu quân Robert B. Stone, và được dịp gặp nhiều anh chị em Subud cũng như những người khác da màu và chủng tộc mà mình không cảm thấy cách biệt.

Điều này thật là một ân phước: trong Subud tôi đã tìm thấy sự nối kết mà mình đã đi tìm trong 20 năm. Tôi lấy làm cảm kích vì có những bạn bè thân mọi lứa tuổi, vì thường nhớ tới việc phải cảm tạ những ân phước của Vũ Trụ. Điều này là cho các bạn trẻ: hãy làm ngay bây giờ những gì mình muốn hay cần làm!

Chứng nghiệm về tổ tiên

Minh Thần dịch

Rohana Darlington...

Tôi được khai mở lúc tuổi 18 cách đây gần 50 năm, người duy nhất trong gia đình hồi đó là hội viên Subud. Tình trạng gia đình tôi không được bình thường do những chuyện ly giáo tạo nên cảnh bất hòa đau đớn từ thế hệ này qua thế hệ khác. Tôi vui mừng tiếp nhận được latihan khiến những người thuộc mọi tôn giáo có thể gặp gỡ để phụng thờ mà không tranh cãi về thần học.

Ngay sau khi được khai mở, tôi liền có những chứng nghiệm trông thấy những người đã chết mình quen biết, và đó là một đề tài không thay đổi trong hành trình tâm linh của mình. Nhưng vì còn trẻ nên tôi lo sợ mình có thể bị loạn trí và mắc chứng ảo giác. Một trong những chứng nghiệm đó xảy ra, khi tôi làm quen với anh Mashud, một hội viên Subud là người chồng tương lai của mình.

Lúc đó tôi đang lần đầu tiên ở nhà gia đình ông chồng tương lai, và phòng khách là nơi tôi ngủ đêm. Vài giờ sau đó, một nhóm người ăn mặc theo lối cổ xưa đánh thức tôi dậy; họ tụ tập trong bóng tối chung quanh giường ngủ, và đang tìm cách lôi kéo sự chú ý của tôi. Họ nói họ đến để chào mừng tôi là người trong gia đình, và giới thiệu một người đàn ông có vẻ cao sang, hình như là phát ngôn viên của họ, nói rằng ông có một thông điệp cho tôi. Tôi kinh hoàng tới nỗi phải bật đèn lên, nhưng họ đã biến mất.

Sau đó, tôi mong muốn mình sẽ nghe được họ nói gì, để tìm xem thông điệp của họ là gì, nhưng hồi đó tôi chưa thể hiểu được sự tiếp nhận của mình, dù có làm trắc nghiệm đi nữa. Những phụ tá mà tôi hỏi về cái chứng nghiệm đó, cũng thiếu kinh nghiệm, nên họ đề nghị tôi viết thư hỏi ông Sudarto, một phụ tá Indonesia nhiều kinh nghiệm, để nhờ ông giải thích cho tôi.

Trong bức thư hồi đáp, Sudarto nói rằng cái chứng nghiệm của tôi là có thật: những người tôi trông thấy là những tổ tiên của anh Mashud, và thông điệp của họ là khuyên tôi đừng bao giờ bỏ tập latihan, vì họ mong nhờ đó tâm linh họ được trợ giúp. Khi tôi nói điều đó cho Mashud hay, anh tỏ vẻ khó chịu, vì anh là một hội viên Subud kể từ lúc 18 tuổi mà chưa từng có ý định bỏ tập. Tuy nhiên, người anh trai là người thân duy nhất của Mashud, một người đã đem anh vào Subud, thì lại bỏ tập mà không bao giờ tập lại nữa. Hình như các tổ tiên của Mashud mong rằng Mashud sẽ không đi theo vết xe của anh trai mình.

Những chứng nghiệm với mẹ tôi

Bởi vẫn còn trong Subud nên tôi có những chứng nghiệm khác liên quan tới tổ tiên; tôi nhận thức được tất cả đều cho sự giáo hóa tâm linh của mình, chứ không là ảo giác. Chẳng hạn, sau 16 năm trong Subud, tôi phải đối diện một biến cố khủng khiếp là sự tự tử của mẹ tôi, và do đó có những chứng nghiệm đáng chú ý.

Mẹ tôi phải trải qua nhiều bi kịch trong đời bà, mà hậu quả là bệnh Parkinson và bệnh tâm thần. Ở tuổi trung niên, trước khi những căn bệnh đó phát ra, bà đã bị chứng trầm cảm nhưng lại không chịu đi khám bác sĩ, hoặc không chịu dùng thuốc men, vì bà lấy làm xấu hổ là mình có dấu hiệu bệnh tật.

Tôi nói với bà là Subud có thể giúp bà, nhưng bà lại không muốn dính dáng gì tới. Khi còn nhỏ, bà đã là một đứa bé mồ côi, và do tình cảnh ly giáo giữa một người cha gốc Áo theo Công giáo và một người mẹ gốc Anh theo Tin Lành, bà được nuôi dưỡng lúc 10 tuổi bởi những nhà duy linh (spiritualist). Những hoạt động đồng bóng của họ khiến bà khiếp sợ, và bà tin rằng latihan cũng đại loại như vậy, tuy tôi cam đoan với bà đó là một con đường tâm linh khác hẳn.

Một hôm họ Mashud và tôi đi dự một Hội Nghị Subud tại Derbyshire, và trong buổi họp đó tôi tiếp nhận được một latihan rất mạnh chưa từng thấy lúc tập với nhóm. Trên đường về nhà, chúng tôi kêu điện thoại để coi xem mẹ tôi ra sao. Bà nói với tôi là có một điều phi thường xảy ra lúc ban đêm tôi nhận được cái latihan rất mạnh đó.

Bà nói là có ba phụ nữ Indonesia mặc sarong tới gặp mình tại phòng ngủ. Họ nói với bà là họ đến để khai mở cho bà, khiến bà có thể tự mình nghiệm được latihan mà không phải lo sợ. Mẹ tôi đã ở vùng Viễn Đông trong nhiều năm, nên quen thuộc văn hóa Indonesia: bà tin chắc điều trải qua đó không là ảo giác. Bà nói rằng mọi thứ trong phòng đều biến thành màu sắc sáng chói, và bà chợt nghiệm thấy những chấn động rất mạnh.

Những điều đó liên tục tiếp diễn, và bà yêu cầu tôi làm nó mất đi vì bà không thích! Tôi bàn luận với các phụ tá tại nhóm Subud gần nhất; họ khuyên bà tham dự latihan nhóm với họ, nhưng bà không chịu. Tôi lại viết thư hỏi Sudarto; ông cũng khuyên bà tham dự latihan nhóm, nhưng bà chưa từng làm theo lời khuyên đó. Cuối cùng những chấn động tự động hết, và mẹ tôi tiếp tục cuộc sống của bà như thường lệ.

Nhiều năm sau đó bác sĩ chẩn đoán bà mang bệnh Parkinson. Săn sóc cho bà, bố tôi yêu cầu Mashud và tôi đến thăm bà, vì bà không chịu cho bất cứ ai gặp mình trong tình trạng sức khỏe yếu kém. Ngoài ra, bất cứ ai tới thăm cũng làm bà lo sợ thêm. Bà không chịu bị đưa vào bất cứ một đơn vị y tế nào chuyên về bệnh tâm thần. Hồi đó tôi làm nghề vẽ kiểu mẫu, và chưa được huấn luyện về y khoa, hay có kinh nghiệm về những căn bệnh tâm thần. Dù tôi đã liên lạc với nhiều cơ quan săn sóc người già, bà vẫn không chịu vào đó, nên tất cả những gì chúng tôi có thể làm là cầu nguyện cho bà.

Khi hay tin bà đã tự sát theo một cách đặc biệt kinh khiếp, tôi rụng rời. Tôi tin những lời nói của Bapak trong Susila Budhi Dharma là những cha mẹ có con cái tập latihan sẽ nhờ vậy mà được giúp đỡ, 'dù họ muốn hay không.' Nên tôi không hiểu tại sao latihan mình không thể tránh cho cái chết đó xảy ra. Nhiều năm sau đó khi trở thành một chuyên viên trị liệu bệnh tâm thần, tôi hiểu được điều này khi săn sóc những người có ý định tự tử được kịp thời ngăn chặn: gia đình

những người đó thường cảm thấy họ không thích nghi được, hay như thế nào đó chịu trách nhiệm về cái chết của người thân mình.

Tuy nhiên, ngay sau đó tôi nhận được một chứng nghiệm diệu kì cho thấy lời nói của Bapak là sự thật, nhưng theo một cách mà trước kia mình không thể hiểu. Trong khi chúng tôi đi xe hơi tới nơi chôn cất của mẹ tôi, tôi chợt nhận thấy mình rời khỏi thân xác mình tới một nơi chốn khác. Ban đầu, tôi nghĩ mình choáng váng vì tình trạng căng thẳng của sự tự tử của bà mẹ mình, nhưng tôi lại thấy mình hoàn toàn sáng suốt và ý thức được mình đang ngồi trên xe và nói chuyện với Mashud trong khi xe đang chạy.

Cái chứng nghiệm đó sống động và có thật tới nỗi tôi kinh ngạc là Mashud không thể thấy điều xảy ra tại nơi chốn mà tôi đến.

Thực vậy, điều đó hết sức mãnh liệt tới nỗi tôi phải bảo anh dừng xe lại trong một vài phút, vì tôi hầu như không thể thích nghi. Tôi có thể trông thấy mình như từ phía trên nhìn thấy phía sau đầu mình, khi tôi đi giữa những dãy ghế trong một nhà thờ tràn ngập ánh sáng. Tôi nhận thức được mẹ mình, trông bà đau ốm vô cùng, đang dựa trên cánh tay tôi, còn ba tôi thì đang dìu dắt cánh tay kia của bà. Tôi và ba tôi còn sống trên cái thế giới này, nhưng mẹ tôi thì đã chết, cùng với tất cả những người đang dự lễ đang ngồi trên các dãy ghế của nhà thờ. Mọi người đều ăn mặc màu trắng, tức là họ đã chết. Tôi ý thức được họ là những tổ tiên của mẹ tôi.

Khi chúng tôi đi giữa các dãy ghế tới phía cuối nhà thờ, tôi nhận thức được một bàn thờ, và đằng sau cái bàn thờ đó là Chúa Giê-Su. Khuôn mặt người sáng chói tới nỗi làm tôi lóa mắt, nhưng từ ngực người tình thương tỏa ra những làn sóng lớn. Người cầm một cốc rượu lễ, ra dấu hiệu cho tôi và ba tôi nên đem mẹ tôi tới đó, để nhận lễ thánh thể. Sau khi bà uống rượu lễ, một cánh cửa mở ra, và bà đi vào trong đó với Chúa Giê-Su. Chợt nhiên tôi thấy mình trong một phòng đầy ánh sáng, và có một tiếng nói kỳ quái cho tôi hay đó đó là nơi ở đích thực của mình, và hỏi tôi có muốn ở đó không. Tôi rất lo ngại, bởi hồi đó tôi có ba đứa con nhỏ còn cần mẹ, nên tôi nói mình phải trở về để chăm lo cho chúng. Tôi được phép làm điều đó, và lấy lại trạng thái bình thường của mình, hoàn toàn ý thức được mình đang ngồi trên xe bên cạnh chồng mình.

Kể từ đó tôi nhiều lần thấy mẹ mình trong latihan. Một trong những dịp đó là trong Đêm Định Mệnh trong Tháng Tổ Tiên, hai tuần trước lúc bắt đầu Ramadhan, và điều đó được chứng kiến bởi một cô con gái đã được khai mở của tôi. Tình trạng mẹ tôi có vẻ tốt đẹp, trông bà vui vẻ và mạnh khỏe như trong những tấm hình lúc còn trẻ của bà.

Rohana Darlington...

Những chứng nghiệm với ba tôi

Ba tôi đã săn sóc mẹ tôi trong hai năm cuối cùng của bà, nhưng điều đáng buồn là sau khi mẹ tôi mất, cuộc đời ông trở nên nát bét. Suốt đời mình ông là một nhân viên kế toán đứng đắn được đào tạo toàn diện, nhưng chợt nhiên ông nghiện rượu, và đời ông trở nên hỗn loạn: ông không thể thích nghi với sự tự tử của mẹ tôi.

Cuối cùng ông bị bắt vì say rượu trong lúc lái xe, và điều đó là một cú đấm người với ông.

Trong vòng một năm ông lấy làm vợ một người đàn bà cá tính mạnh mà ông chỉ quen biết trong ba tuần. Ông là người chồng thứ ba của bà, còn bà thì đã có con. Ba tôi không úp mở cho tôi hay là ông không muốn dính dáng gì tới tôi cùng với hai người anh hay em trai tôi sau vụ đó. Anh chị em chúng tôi đã bàn luận về chuyện đó, và chúng tôi nghĩ rằng đó là vì chúng tôi khiến ông nhớ tới mẹ tôi.

Quan hệ của tôi với ba tôi luôn khó khăn, khi trong đời mình ông đem theo vợ con từ quốc gia này tới quốc gia khác, trong đó nhiều nơi là những vùng có chiến tranh, khiến chúng tôi thành dân tỵ nạn, tối thiểu là ba lần. Khi lớn lên, tôi ít khi được gặp ông; khi 13 tuổi tôi phải vào một trường nội trú ở Anh, và đó lúc cuối thời thơ ấu của tôi.

Tôi chỉ gặp lại hai người anh hay em trai mình khi được 17 tuổi, lúc tôi được phép tới thăm cha mẹ mình ở Hong Kong, ba năm một lần. Những lúc nghỉ hè, tôi chỉ ở trường nội trú với một bà hiệu trưởng lập dị, vì tôi là một học sinh duy nhất không biết phải đi đâu vì không có thân nhân ở Anh. Sau đó, một bà chủ nhà bị chứng loạn thần kinh nhận tôi làm con nuôi, một kẻ tìm cách trảm mình xuống biển tự tử. Tôi cảm thấy mình như một đứa trẻ mồ côi, và khi 18 tuổi tôi không còn đi học nữa mà tới sống ở London, vì không muốn trở về Hong Kong chia sẻ cuộc sống bấp bênh của bố mẹ mình tại đó.

Thay vì vậy, tôi ở một căn buồng cùng với con gái và người chị em của hội viên Subud. Nhờ đó tôi tìm thấy Subud.

Tôi tin rằng những biến cố đó đã làm cho mẹ bị bệnh tâm thần, bởi sau này bà hối hận đã để cho con cái mình tứ tán để chiều lòng ba tôi. Bà không ý thức được là mình đã vô tình tái tạo thời thơ ấu nát bét của mình cho cuộc sống con cái mình. Nên chẳng có gì ngạc nhiên là tôi cảm thấy may mắn được hướng dẫn vào Subud lúc còn trẻ, và có một người chồng Subud yêu và hiểu mình. Tới nay chúng tôi đã là vợ chồng được 43 năm.

Ba tôi sống thêm được 15 năm nữa, nhưng trong khoảng thời gian đó tôi thấy mình hầu như là một kẻ xa lạ đối với ông. Cuối cùng ông đau ốm bị ung thư vô phương cứu chữa, nên không còn sống được bao lâu nữa. Lúc đó, tôi bận việc với Subud; tôi có chồng và bốn đứa con, làm nghề vẽ kiểu mẫu và viết văn. Tôi không nghĩ gì nhiều về ba tôi, vì điều đó khiến mình khó chịu. Nhưng một hôm nọ, Mashud và tôi sắp đi tập latihan, thì chợt có ai đó gõ cửa. Tôi ngạc nhiên thấy một phụ nữ mình hầu như không quen biết đứng trước cửa nhà. Chị là một phụ tá mới tới ở địa phận chúng tôi, và chị nói không biết tại sao lại tới thăm chúng tôi, vì cảm thấy bắt buộc phải làm vậy. Chúng tôi nói mình sắp đi tập và chị có thể đi cùng.

Hồi đó nhóm chúng tôi gồm nhiều phụ nữ lớn tuổi là những người luôn có một latihan tĩnh lặng, nhưng trong dịp đó tôi bị một cú sốc. Khi chúng tôi bắt đầu, mọi người đột nhiên ca hát một cách hết sức êm đẹp, và tôi ý thức được bố mình đang chết nhưng linh hồn ông thì nặng nề bị lôi xuống dưới. Tôi cảm thấy có một bong bóng rất lớn trong phòng - một khinh khí cầu có thể bay cao. Tôi phải dùng tất cả sức mình để đẩy nó lên trên. Sau khi tôi hết sức nỗ lực, bong bóng đó cuối cùng có thể bay lên để rời khỏi trái đất. Tôi biết cái đó tượng trưng cho linh hồn ba tôi.

Sau khi chúng tôi về nhà, cô chị hay em dâu tôi cho hay là ba tôi đã qua đời, ngay lúc tôi có cái chứng nghiệm đó.

Chuyện đó tới đây chưa phải là hết. Đám tang thật sầu não, và sau đó tôi cảm thấy buồn chán

vô cùng. Nếu không có thói quen thường trực cầu nguyện và đặt mình trong trạng thái latihan, tôi không biết làm cách nào mình có thể sống còn. Ngay sau đó, tôi cùng các anh em trai hay được là ba tôi đã tước bỏ quyền thừa kế gia tài của tất cả chúng tôi; ông không để lại một đồng xu nào cho 11 đứa cháu của ông và mẹ tôi. Điều đó như là ông muốn cắt đứt mọi liên hệ với cuộc đời trước kia làm nhớ tới mẹ tôi của ông. Khi hay tin đó, tôi tức khắc làm lễ theo quy ước Hồi giáo, khiến mình an ủi nhận được những lời nói: “Hãy cầu nguyện cho những kẻ đầy ác ý lợi dụng mình.”

Sau này, tôi tìm cách không nghĩ tới cái chết của ba tôi, nhưng chẳng bao lâu sau đó ba tôi bắt đầu hiện ra trong latihan tôi, hết tuần này tới tuần khác; trông ông buồn chán, muốn xin tôi tha thứ. Như Bapak đã nói, khi ta tập latihan, tâm trí mình như bị tê liệt, nên trong latihan, tuy đôi khi có cảm xúc tiêu cực đối với ông, tất cả những gì tôi cảm thấy được là tình thương và sự tha thứ cho ông.

Tôi được khiến cho nói luôn điều này với ông: “Tất nhiên là con tha thứ cho ba,” nhưng hình như ông không thể tự tha thứ cho mình nên vẫn còn hiện ra. Sự việc trở nên cấp bách, khi một đêm nọ tôi thức dậy nhận thấy mình được chở tới tòa nhà Anugraha, khách sạn Subud là kinh doanh của chúng tôi. Cái chứng nghiệm đó lại xảy ra: tôi hoàn toàn sáng suốt, và đồng thời ý thức được mình vừa trong phòng ngủ, vừa trong nơi tiếp khách của khách sạn. Đó không là một giấc mơ.

Gặp Thánh Phê-Rô

Tôi trông thấy ba tôi đang ngồi trên một ghế trường kỷ, thần sắc rầu rĩ. Khi tôi hỏi ông tại sao có mặt nơi đây, ông nói mình đã cố gắng tiến trên con đường tâm linh, nhưng ông đã gặp Thánh Phê-Rô cho ông hay là ông chưa thể vào thiên đàng. Hình như ông lấy làm cảm kích vì gặp được Thánh Phê-Rô, nhưng lại thất vọng vì tình trạng tâm linh thiếu thốn của mình. Hình như cái không khí latihan nơi đây đã lôi cuốn ông, tuy ông chưa vào Subud.

Khi tôi thuật lại cái chứng nghiệm đó cho Mashud, anh nói: “Em còn nhớ tới chuyện ba em sùng kính Thánh Phê-Rô? Ông có ý kiến là Giáo Hội đã được xây dựng trên những quan niệm của Thánh Phê-Rô, khi hoàng đế Constantine muốn dàn xếp những vấn đề giáo lý, nhưng các môn đồ của Thánh Phao-Lô lại chiếm được ưu thế”. Mashud và ba tôi thường trò chuyện dài lâu về thần học, điều hồi đó tôi không thích thú, nên đã quên hẳn đi chuyện ông có cảm tình với Thánh Phê-Rô. Sau này, chúng tôi nhớ lại được Thánh Phê-Rô là người giữ chìa khóa vào thiên đàng. Chúng tôi cầu nguyện cho ba tôi, và tối thiểu thì mỗi tuần ông không còn hiện ra trong latihan tôi như trước kia.

Sau một thời gian, Mashud có một giấc mơ trong đó anh thấy ba đang ngồi nơi phòng giải lao của một nhà thờ, nhưng không thể hoàn toàn đi vào bên trong. Ông ăn mặc toàn đồ màu đen, khẩn cầu nhìn Mashud hôn ông trên trán. Anh nói: “Đừng lo, con không bao giờ bỏ ba.” Chúng tôi coi cái chứng nghiệm đó là ba tôi đã tiến bộ được đôi chút, và tối thiểu được phép vào một nơi chốn tâm linh (nhà thờ) tuy chỉ phần nào thôi.

Trong đời ông trên trần gian, ba tôi chống lại chính ba ông, một nhà truyền giáo Tin Lành; ông không thường đi lễ nhưng vẫn kín đáo đọc Thánh Kinh. Trong suốt đời mình, ông thành tâm kính trọng Chúa Giê-Su và những tông đồ của Chúa. Tuy nhiên, ông thù ghét Giáo Hội Công giáo, và khi anh trai tôi cưới hỏi một người Công giáo và cải đạo theo Công giáo, ông tức giận

không đến dự lễ rửa tội những đứa cháu của Giáo Hoàng, theo cách gọi của ông. Dù vậy, ông lại luôn không có vấn đề gì với Mashud, tuy anh là người Hồi giáo. Chúng tôi vẫn còn cầu nguyện cho ông, và mong rằng sự tiến bộ đó có thể tiếp diễn.

Rohana Darlington...

Một cuốn sách mang đầu đề Doing and Daring

Mashud và tôi là thành viên nhóm Subud Manchester. Khi trụ sở Subud của nhóm bị những kẻ cố ý gây hỏa hoạn phá phách, chúng tôi nhận thấy mình cần phải di chuyển tới một nơi nào khác. Vì là hội trưởng, nên Mashud phải đi tìm một căn hộ mới: bán căn cũ và mua một căn mới đương nhiên không là chuyện dễ làm.

Trong một lúc nào đó, tôi cảm thấy chuyện đó là bất khả thi, bởi lúc đó là cao điểm của sự mua bán bất động sản: mỗi ngày chúng tôi phải đối phó với áp lực của những con buôn bất động sản huênh hoang tìm cách mua căn hộ cũ với giá rẻ, hay quyết chí làm cho chúng tôi chiều theo đòi hỏi của họ là mua căn hộ mới trước khi bán cho những người khác. Bởi Subud là một tổ chức từ thiện, nên chúng tôi phải làm theo những giới hạn của luật lệ, và những cuộc điều đình thường kéo dài và bị trì hoãn, khiến cho người mua và kẻ bán đều bực bội.

Một hôm vì tất cả những chuyện đó, tôi đi tập latihan, và sau một lúc không khí chợt như được tinh lọc: tôi cảm thấy có một phụ nữ không thân xác trước mặt mình. Bà có vẻ như xúc động vì được phép đến trong latihan, để trao cho tôi một thông điệp. Tôi không biết bà là ai, nhưng khi hoàn toàn trầm tĩnh, tôi nhận biết được tại sao bà đến.

Bà nói bà là bà nội tôi, bà đến để đem cho tôi “những lời lẽ khuyến khích.” Bà lưu lại không bao lâu, nhưng sau khi bà đi mất, tôi cảm thấy tâm hồn mình được thăng cao. Trong cuộc đời thế gian của mình, tôi hầu như không biết gì về bà nội, vì thời thơ ấu mình tôi ở nước ngoài, nhưng bà đã mất trước khi tôi về Anh ở, và tôi còn hiểu được rằng bà là người vợ của ông nội, nhà truyền giáo Tin Lành.

Cùng với các đồng đạo, hình như họ đã hiến hết đời mình cho việc xây cất một ngôi giáo đường Tin Lành tại Leicester từ con số không. Ngôi giáo đường đó được xây cất theo hình thù một chiếc đèn lồng tượng trưng cho Ánh Sáng Đức Ki Tô trên thế gian. Sau khi tôi có cái chứng nghiệm đó, tôi và Mashud đi coi ngôi giáo đường. Những hồ sơ của giáo đường đã ghi chép lại những chi tiết về ông bà tôi; chúng tôi tìm thấy một cuốn sách với đầu đề Doing and Daring (dám làm) mô tả như thế nào họ đã xây cất giáo đường. Nhờ sách đó, chúng tôi biết thái độ mình phải ra sao khi mua cho Subud một trụ sở mới tại Manchester. Hiện nay chung quanh giáo đường là những chùa Hồi và đền thờ, nhưng cộng đoàn Thiên Chúa giáo vẫn còn đông người tích cực hoạt động.

Cái chứng nghiệm đó làm tôi nhận thức được những gì chúng ta thừa hưởng của tổ tiên là sự thật: những tính tốt cũng như không mấy tốt! Tôi tin rằng những nỗ lực của ông bà nội trong cuộc sống họ trên trần gian, đã truyền lại một vài khía cạnh cho tôi, khiến tôi kiên cường và tin tưởng giúp cho sự tiến bộ của Subud bằng cách đi tìm một trụ sở mới, nếu được Thượng Đế cho phép.

Cuối cùng chúng tôi tìm được một căn hộ thích hợp làm trụ sở cho nhóm Subud Manchester; chung quanh đó cũng có những giáo đường của những tôn giáo khác. Có một giáo đường đạo Do Thái ngay bên cạnh; bên đường còn có những giáo đường của giáo Hội Anh, của phái Baptist và phái Seven Day Adventist. Chúng tôi còn cho thuê những căn phòng của trụ sở cho những nhóm Thiên Chúa giáo khác không theo truyền thống: Pentecosta, Assembly of God worshippers và Lion of Judah. Tiền thu nhập chúng tôi dùng cho lợi ích của cộng đồng mình.

Kết quả

Kết quả những chứng nghiệm của latihan về tổ tiên là tôi quan tâm tới việc tìm hiểu gia phả mình, trong đó tôi nhận thấy thường thường những nữ nhân lớn tuổi trong họ hàng là những người “duy trì dòng họ.” Tôi lập nên một thư khố để cho các con cháu có thể hiểu biết nhiều hơn về di sản của mình. Điều lí thú là hiện nay có thể tìm hiểu nhiều về họ hàng nhờ những tư liệu trên Internet: những tính tốt cũng như tiêu cực của tổ tiên có thể truyền lại cho con cháu. Chẳng hạn, nghề nghiệp của tôi là vẽ kiểu mẫu, và khi tra cứu các tư liệu, tôi nhận thấy có nhiều tổ tiên phái nữ làm nghề thợ may.

Tuy nhiên, có những chứng nghiệm về tổ tiên trong đó không dễ gì có thể truy nguyên và nối kết. Cách đây vài năm tôi có những chứng nghiệm về đạo Do Thái trong latihan. Tôi được dạy cho cách cầu nguyện cho hòa bình với vong hồn những phụ nữ Do Thái; hồi đó tôi nghĩ những chứng nghiệm đó là thuộc phần giáo hóa tâm linh để giúp mình hiểu được tất cả các tôn giáo khác mà không thành một kẻ cố chấp, như nhiều người trong họ hàng mình.

Những bà con gốc Áo quả quyết với tôi là hoàn toàn không có dòng máu Do Thái trong gia đình. Họ nói mình biết được là vì dưới chế độ Đức Quốc Xã mọi người tại Vienna phải chứng minh mình không mang dòng máu Do Thái, bằng cách tìm kiếm trong gia phả tối thiểu từ ba thế hệ trước đó. Nếu không thì họ sẽ bị bắt giữ, và có thể bị đẩy vào một trại tập trung. Nhưng sau đó trong latihan tôi lại có thêm những chứng nghiệm về những người Do Thái, đặc biệt những người Do Thái thuộc phái Hasidi của Do Thái giáo. Bởi không biết chút gì về họ, nên tôi tra khảo trong Internet và nhận thấy trong thế kỉ 18 tới 19 có nhiều người Do Thái cư trú ở Vienna, trong đó có một số người theo phái Hasidi, tuy phần đông cư trú tại Hungary. Mẹ tôi có lần cho hay người cha gốc Áo của bà đã nói với bà về việc ông có những tổ tiên nhiều đời trước đó ở Hungary lúc còn thuộc đế quốc Áo-Hung.

Trong một latihan tập chung với mọi người trong năm 2011, tôi chợt ý thức được có một nhóm người vây quanh mình. Tôi hoàn toàn yên tĩnh, khi một người trong họ nói thầm vào tai tôi: “Còn nhớ tới Hasidim? Người cũng là dòng dõi họ.” Trong những latihan sau đó, tôi lại được làm cho cầu nguyện cho hòa bình tại Israel và cho những người Do Thái. Đương nhiên là tôi không hoàn toàn hiểu được những chứng nghiệm đó, nhưng tin rằng có dòng máu Do Thái trong số các tổ tiên mình, không như điều được chứng tỏ từ các tư liệu: có thể là đã có một cuộc giao hợp bí mật hay ngoài giá thú mà tôi phải nhận biết. Tôi không thấy được điều đó như thế nào có thể chứng minh, nên chỉ việc chấp nhận những chứng nghiệm đó.

Có lần, sau khi tập latihan với nhiều người tại một Hội Nghị Subud, tôi chợt ý thức được có một nhóm vong hồn ăn mặc đồ màu đen. Tôi cảm thấy họ là những người thuộc phái Thanh giáo (Puritans) và là họ hàng thuộc một nhánh xa xôi của tổ tiên mình. Họ đến bên tôi nói là họ bị lôi cuốn bởi cái ánh sáng tâm linh phát ra từ cái latihan của hơn 100 phụ nữ. Tuy nhiên,

nhân vật lãnh đạo họ tỏ vẻ nghi ngờ. Ông hỏi tôi điều đó có liên quan gì tới Chúa Giê-Su. Trong latihan tôi được khiến cho chào đón họ gia nhập nhóm người đang phụng thờ “Nhân danh Chúa Giê-Su, Đấng Cứu Thế.” Hình như đó là điều phải nói, bởi sau đó tôi cảm thấy mọi người trong họ đều quy thuận quyền năng của latihan, hay Chúa Thánh Thần, theo sự cảm nhận của họ. Tôi ngạc nhiên thấy có cả đàn ông lẫn đàn bà trong nhóm họ, tuy đó là cái latihan cho phái nữ. Nhưng hình như họ được phép tập chung với nhau.

Trong một dịp khác, khi về nhà ngay sau lúc dự xong một Hội Nghị Latihan, tôi cảm thấy có một nhóm người khác là những tổ tiên mình đến hỏi tôi latihan là gì. Tôi được khiến cho giải thích cho họ là chúng tôi phụng thờ Thượng Đế, rồi được khiến cho nằm trên thảm nhà. Tôi cảm thấy những bước chân họ trên lưng mình, như mình là một cây cầu. Thế rồi họ đi mất vào một cõi giới khác.

Những chứng nghiệm đó cho thấy là như thế nào latihan tác động tới gia tộc mình, khiến tôi hiểu được rõ hơn cách thường được hiểu. Bapak giải thích ban đầu latihan mình là cho chính mình, nhưng sau đó khi chúng ta tiến bộ, latihan có thể tác động tới các tổ tiên và thậm chí còn tới cả cái cộng đồng của mình và xã hội. Cuối cùng thì nó có thể tác động tới “Toàn thể Nhân loại.”

Tại Hội Nghị Subud Anh năm 2011, tôi dự một phiên họp Kedjiwaan mà đề tài là câu hỏi: “Có những năng khiếu nào của tâm hồn mà bạn cần nhận biết được nhưng hiện nay chưa được biểu lộ?” Trong buổi trắc nghiệm đó, tôi được chỉ cho thấy là mình có năng khiếu hoạt động với những người đã chết và những người không ý thức được mình đã chết, kể cả những người còn sống trên cái thế gian này, nhưng trong tình trạng hôn mê không dễ tiếp xúc. Điều đó xác nhận những chứng nghiệm tôi đã có. Trong những latihan vừa qua, tôi đôi khi cảm thấy mình là thành phần của một đội y tế không thể xác, và nhiệm vụ tôi là ngồi thức đêm bên bệnh nhân, để khắc sâu vào tâm hồn họ việc tới lúc họ phải thức tỉnh. Theo trắc nghiệm thì hình như tôi được yêu cầu thành một kẻ làm việc bán thời gian là dẫn đường cho người chết!

Trong công việc trước lúc về hưu vừa rồi, tôi là một nhân viên trị liệu cho những bệnh nhân bị hôn mê của một bệnh viện phục hồi. Có một trường hợp trong đó một phụ nữ tìm cách tự tử nhưng đã không thành công và bị hôn mê nặng. Tôi cảm thấy mình phải sơn vẽ những bích họa khắp tường trong phòng cô, trong trường hợp cô tỉnh dậy. Như vậy cũng là để cho các thân nhân cô hay là ban y tế đã làm hết sức mình để giúp cô. Tôi làm những bích họa của một khu vườn Italy, sơn vẽ tường khiến cô có cảm tưởng chung quanh mình có hoa quả, trên giường có ánh mặt trời, với cảnh đồi núi và ven hồ. Tôi thường chơi nhạc cho cô nghe, trong khi sơn vẽ những bức tường. Tuy cuối cùng cô đã chết nhưng căn phòng đó còn được dùng cho những bệnh nhân chán đời trở nên phấn khởi, vì họ bị lây nhiễm nặng và phải bị cô lập. Tôi cảm thấy công việc mình trên cái thế gian này là giúp những bệnh nhân đã chết trong tình trạng không sáng suốt, và mong rằng như vậy latihan mình có thể đụng chạm vào một cộng đồng rộng lớn hơn, dù là trên cái thế giới này hay những thế giới không nhìn thấy được.

Hiện thân của ánh sáng

Minh Thần dịch

Emmanuel Elliott

Một người chị em họ tôi vừa mới qua đời, và tôi đã từ biệt cô trong latihan một vài tuần trước đó. Cô 32 tuổi, có một đứa cháu gái 13 tuổi được ông bà nó nuôi vài năm kể từ lúc này, vì cô bị chứng động kinh và không công ăn việc làm. Cô sống chung với một người đàn ông cũng không công ăn việc làm, nên họ làm theo hết khả năng mình để nâng đỡ nhau, nhưng cuộc sống họ có thể nói là thấp. Nói cách khác là không thành đạt. Một hôm nọ, cô đi tắm một mình, bị chứng động kinh hành nên chết đuối. Tôi tập một latihan cho cô, và biết đó là lúc chúng tôi từ biệt, vì tôi không thể đến dự đám tang cô. Trong lúc tập, tôi thấy như là cô đã đợi chờ mình. Cô hiện ra trong một hình thể không bệnh tật, không buồn phiền, không hối tiếc: cô là chính mình, một người đạt được cái mức cao nhất trong cuộc sống này, nếu mọi việc diễn biến tốt đẹp nhất. Cô mạnh khỏe, tươi đẹp, hớn hởi: những đức tính tốt nhất của cô được đầy đủ thể hiện.

Tôi vô cùng cảm thấy luyến tiếc cho cái số kiếp bất hạnh của cô, nhưng cô luôn làm cho tôi ngừng đầu lên với bàn tay cô, và rất vui vẻ nói với tôi: „Hãy nhìn vào ánh sáng, đừng nhìn vào bóng tối; hãy ngừng đầu lên nhìn, nhìn vào ánh sáng, nhìn thẳng vào ánh sáng!“ Chúng tôi truyền đạt không dùng lời nói, và cô làm cho tôi hiểu, hay đúng ra cảm nhận được, như thế nào điều này tuyệt vời, là hợp tình hợp lý và chấp nhận được, khi bỏ lại một đứa con...

Cô cũng nói với tôi điều này là tuyệt vời đối với họ, những người trong gia đình còn sống hay đã chết, là tôi còn tập latihan và nên tiếp tục tập. Ông bà và ông cố bà cố tôi cũng có mặt nơi đó, nhưng họ chỉ cùng đến với cô chị em họ tôi, chứ không can dự gì vào.

Chúng tôi nói lời tạm biệt. Quang cảnh chợt thay đổi, và tôi trông thấy cô đứng nơi một phong cảnh đồi núi đầy cỏ mọc cao và hoa mùa hè. Có một thân cây cao lớn qua đó mặt trời đang chiếu rọi - trông như phong cảnh vùng Tuscan. Tôi có thể trông thấy nền cỏ và sàn nhà bằng gỗ của phòng tập latihan ngay dưới chân mình. Trên đỉnh đồi tôi trông thấy những người đang đứng chờ đợi người chị em họ mình. Chúng tôi nói lời tạm biệt, mọi người đều vẫy tay, và dần dần họ đi mất.

Thứ ánh sáng mà tôi nghĩ là mặt trời, bắt đầu hiện ra từ nơi sau thân cây, như mặt trời đang lặn lúc hoàng hôn. Nhưng đó không là mặt trời, mà chính là Ánh Sáng, Ánh Sáng của Thượng Đế, hay tình thương của Thượng Đế, khi cái ánh sáng đó dần dần nhập vào tôi, vào phòng tập, vào mọi người đang tập. Tôi còn thấy nó tràn ra ngoài đường phố, ra khắp thế giới, nó nhập vào cơ thể tôi, vào cơ thể mọi người, khiến chúng tôi trở nên trong suốt và đầy ánh sáng. Tôi có thể trông thấy người chị em họ mình, anh chồng cô, đứa con họ cách đó một vài khu phố; họ đang trông chừng nó trong khi tôi tập latihan. Mọi người đều trong suốt và đầy ánh sáng, rồi có lời nói: “Các ngươi là hiện thân của ánh sáng.”

FEBRUARY/MARCH 2011

Tập latihan như thế nào?

Minh Thần dịch

Halimah Polk (USA)

Tất nhiên trước hết tôi phải kĩ lưỡng rào trước đón sau. Tôi có ý nghĩ viết bài này - như hầu hết các ý nghĩ khác của mình- trong lúc đang son phấn buổi sáng. Tôi không có ảo tưởng là mình hiểu biết nhiều nhất về latihan. Đó là một quá trình học hỏi liên tục, và tất cả những ý nghĩ mà tôi muốn chia sẻ, chỉ là những gì lấy của những phụ tá và hội viên nhiều kinh nghiệm trong cuộc đời Subud của tôi. Tôi đã từng ở Cilandak trong ba năm, và đó là lúc Bapak tràn trề nghị lực với những buổi nói chuyện theo lịch trình mỗi tháng một lần.

Tôi cũng đến đó nhiều lần trước và sau khi Bapak mất, và trong tất cả những dịp đó đã được nghe kể những chuyện nhỏ nhặt có vẻ như đã giúp cho latihan mình. Tôi cũng khá may mắn được du hành cùng Bapak trong nhiều dịp trong vai trò một cố động viên nhiệt tình, và được lang thang với những hội viên nhiều kinh nghiệm để nghe họ kể chuyện.

Theo tôi nghĩ, điều này có thể là lợi ích nếu nói về latihan theo cách người ta đã nói với tôi lúc tôi còn trẻ trong Subud. Tôi nhận thấy hiện nay không có nhiều cơ hội 'chuyện trò về latihan'; nhiều hội viên lâu năm như chúng tôi tránh 'nói về tâm linh,' bởi chúng tôi gắng sức mình mà không nhiều kết quả làm cho latihan hội nhập vào cuộc sống ngoài đời của mình, và cũng bởi trong lúc này tất cả những gì chúng ta làm chỉ là nói miệng mà không làm những gì Bapak thúc giục mình làm.

Tôi nhận thấy các hội viên trẻ ao ước điều mình ao ước trong những năm tháng theo tập latihan đầu tiên của mình, và đó là những gì như là mình được nuôi dưỡng - ngay cả lúc tới Cilandak trong mùa Thu vừa qua, tôi thấy như vậy vẫn chưa là đủ. Khi nghĩ lại chuyện đó, tôi thấy chính những buổi nói chuyện cũng như latihan, là nguồn cảm hứng cho mình: đó là những gì giúp tôi đưa những âm thanh và động tác kỳ dị của mình vào một bối cảnh nào đó. Đọc những bài nói chuyện của Bapak và nghe Bapak nói chuyện trong băng thanh, cũng giúp tôi được rất nhiều, bởi tôi thiếu hẳn một nền giáo dục tâm linh trước khi được khai mở. Vậy nên, trong cái tinh thần đó, tôi xin được chia sẻ một vài giai thoại và kinh nghiệm của mình với các bạn trẻ.

Chuẩn bị cho latihan

Một lời khuyên hay nhất mà tôi được nghe nói, là của Ibu Hardiyati, bà con gái Bapak. Đó là cho một nhóm phụ tá ở Cilandak, mà một người trong họ đã thuật lại cho tôi. Bà so sánh việc chuẩn bị cho latihan với việc dọn nhà cho những người khách đặc biệt. Trước đó ta dọn dẹp sạch sẽ để tỏ lòng kính trọng đối với khách, và trong lúc tịnh tâm ta làm cho căn nhà mình được sạch sẽ tối đa, bằng cách dần dần buông bỏ tất cả những mảnh vụn từ cuộc sống ngoài đời của mình: những lo nghĩ, những vấn đề này nọ, những thành bại, những quan hệ này nọ và gia đình mình. Phải buông bỏ tất cả trong lúc tịnh tâm.

Bapak cũng đã nói rất nhiều về sự chuẩn bị đó trong một buổi nói chuyện hai tiếng đồng hồ lúc Ramadhan năm 1976. Thông điệp cốt yếu của buổi nói chuyện đó là BUÔNG THẢ. Buông thả cơ thể mình, tâm trí mình, bất cứ ước muốn thế gian nào, ước muốn có một cái latihan tốt đẹp, ước muốn hạnh phúc, ngay cả ước muốn được gần cận Thượng Đế. Chỉ khi đạt được cái trạng thái buông thả đó thì điều mình chờ đợi là sự trống vắng mới xảy ra. Theo kinh nghiệm của tôi, điều đó tương tự cái trạng thái ngủ gà ngủ gật trước lúc ngủ thật sự. Hoặc đó là một vũng nước giông bão trong lòng càng lúc càng trở nên yên lặng cho tới lúc hoàn toàn tĩnh lặng - không có đến một gợn sóng.

Tôi cũng nghe Bapak nói tới sự phân biệt giữa hai điều này: yên tĩnh đích thực và làm cho đầu óc mình yên tĩnh với ý chí bằng cách dùng một thần chú hay điều gì như vậy. Ta chỉ việc yên lặng ngồi cho tới khi chợt nhiên mình yên tĩnh, nhưng mình lại không làm bất cứ gì cho điều đó xảy ra - nó tự nhiên xảy. Đối với tôi đó là điều gì hơi kỳ bí, bởi tôi là một hạng người năng động ngoài đời với một tâm trí rất mạnh, nhưng tôi luôn ngạc nhiên là nếu cứ bám sát như vậy thì sự hỗn loạn của những xúc động và những ý nghĩ điên cuồng chợt bớt giảm, và dùng một cái tôi trở nên yên tĩnh (điều đó xảy ra như thế nào?). Tôi nghe thiên hạ nói (và gần đây là Ibu Rahayu) rằng điều này có thể giúp mình, nếu ta cầu nguyện như thế nào đó khiến mình có thể tối đa quy thuận trước lúc latihan bắt đầu. Tôi đã thử làm vậy, và nghĩ là nó giúp được cho mình.

Latihan

Sau sự chuẩn bị dài lâu và thư thả đó, bạn có thể bắt đầu tập latihan. Bạn đứng yên lặng trong cái trạng thái không ít thì nhiều trống vắng đó (Thượng Đế biết bạn đã làm hết sức mình). Người phụ tá sẽ nói 'bắt đầu' và bạn chỉ việc chờ đợi cho tới khi có latihan hay sự chấn động khiến mình cử động. Bapak giảng giải là nếu ta thực sự chú tâm, cái động tác đầu tiên mình có thể cảm thấy là quyền năng Thượng Đế làm cho có động tác của sự hít thở.

Ibu Hardiyati trong buổi nói chuyện của bà cho các nữ phụ tá giải thích latihan là điều gì như có những khách đặc biệt tới và mỗi người mang theo một món quà. Công việc mình chỉ là nhận mỗi món quà cho mình mà không suy nghĩ, hay suy xét, hay tìm cách hiểu được - chỉ việc nhận lấy và chấp nhận mỗi món quà cho mình.

Hiển nhiên, động tác của cơ thể là quan trọng, nhưng không được ép buộc, đặc biệt là ép buộc các hội viên còn mới. Bapak nói rằng sự tiến bộ của latihan bắt đầu với cái cơ thể xương thịt bằng cách vứt bỏ những dơ dáy khi chúng ta cử động.

Nhiều người chúng tôi âu yếm nhớ tới việc xoay theo vòng tròn rất nhiều trong những latihan đầu của mình, khiến hầu như muốn nôn mửa. Tôi nhớ tới việc hồi đó mình đã đập đầu trên sàn nhà bằng bê-tông. Một trong những nữ phụ tá được quý trọng nhất ở Cilindak kể chuyện mình vừa sửa đầy ác ý, vừa bò với tay và đầu gối trên sàn nhà phòng tập latihan, và còn cắn cả mắt cá chân của người phụ tá khai mở cho mình. Tôi cũng nhớ tới một phụ nữ Tây phương còn trẻ được khai mở, và trong những latihan đầu tiên của mình chị thường tức khắc nôn mửa. Chị thường chạy ra ngoài vào phòng tắm để tìm cách chuồn về nhà, nhưng các phụ tá Cilindak lại thường chạy theo chị, để lôi chị tiếp tục tập. Chúng tôi cũng nghiệm thấy latihan của một 'kẻ chạy đua' xoay tít rất nhanh bên mình. Những động tác đó là những biểu hiện ban đầu của những món quà mà Ibu Hardiyati nói tới, làm cho cơ thể và linh hồn được thanh lọc.

Một trong những điều gay go nhất khi tôi còn là một hội viên trẻ, là không nhận xét latihan của chính mình, hay tìm cách tỏ ra mình „tâm linh.“ Trong nhóm tôi ở Palto Alto có một vài người

đã đạt tới một trình độ cao; họ đứng hát trong lúc tập (tôi nghĩ là họ đang lên thiên đàng!). Tôi có ý muốn làm y như họ, hay cảm thấy mình xấu xa khi mình bò trên sàn nhà làm những chuyện thô tục.

May mắn là chúng tôi có những phụ tá đầy kinh nghiệm, và họ thường xuyên bảo chúng tôi làm trặc nghiệm, để coi xem latihan mình ra sao, và Thượng Đế mong cho nó ra sao (trong điều này thì tôi thường gặp người lại, kêu ừ ừ và la hét vv...).

Có một vấn đề luôn xảy ra cho những kẻ lâu đời như chúng tôi: những gì lộ ra bên ngoài từ đáy lòng không là những gì đẹp đẽ. Thực vậy, điều đó rất khó chịu, nhưng phải 'tống nó ra ngoài.' Có những hội viên không lấy đó làm khó chịu, mà tiếp tục tập cái latihan tốt đẹp, nhưng là giả tạo, của mình.

Tôi đề nghị các bạn làm phiền các phụ tá nhóm của mình để họ đều đặn làm trặc nghiệm với mình, khiến bạn luôn nhận thấy nó không giả tạo. Nếu dửng dưng, bạn hãy tự mình làm trặc nghiệm khi cảm thấy bị bế tắc. Lúc cuối đời mình Bapak nói điều này quan trọng như thế nào trong latihan: dửng dưng tuân theo bất cứ gì mà mình tiếp nhận - dù thô thiển hay cao quý.

Tôi đang tiếp nhận?

Nhiều hội viên trẻ đã hỏi như vậy.

Tất cả chúng ta đều phải vật lộn với điều đó, và không có gì là những dấu hiệu chắc chắn. Bapak nói là ta sẽ cảm thấy sự chấn động của latihan nhưng ban đầu tôi không thấy gì hết. Bapak cũng nói là có điều gì như một cảm giác mát mẻ, nhưng tôi cũng chẳng cảm thấy gì. Tuy nhiên, tôi đã nghiệm được là nếu chờ đợi lúc bắt đầu latihan, thì sẽ tự nhiên cử động mà không do tư tưởng hay mong muốn.

Thế nên bạn phải tin cậy: bạn đã được khai mở, bạn thành tâm phụng thờ Thượng Đế, bạn tịnh tâm theo hết khả năng mình. Bạn nhẹ nhàng chạy nhảy, hay vẩy ta, hay chọt ca hát mà không do suy nghĩ, thì chính là nó đấy! Chính là latihan mình!

Giúp tôi với, tôi không thể bớt suy nghĩ

Đúng vậy, bạn không thể ép buộc đầu óc mình trở nên yên tĩnh. Đó là thiên định - dùng ý chí. Vậy nên, bạn cứ để cho tự nhiên, và như vậy thì không hề gì. Nhưng sau một lúc, bạn nhận thấy mình đang suy nghĩ, mà cũng là nhìn xem chính mình suy nghĩ, khi mình đang đi vòng quanh, vân vân. Điều cốt yếu là chú tâm tới những động tác thay vì tới tư tưởng.

Đừng để bị vướng mắc. Tôi đã lãng phí nhiều latihan của mình bằng cách mơ tưởng tới công ăn việc làm, hôn nhân, suy ngẫm cách ăn miếng trả miếng vv... Một phụ tá nói rằng điều quan trọng là cảm thấy gót chân mình, khi bàn chân đặt trên sàn nhà. Theo tôi, như vậy khiến ta không chú ý tới đầu óc và tưởng tượng của mình, mà tới cơ thể. Ibu Rahayu nói rằng khi tập latihan, hãy chú ý tới những chấn động khác nhau mà mình cảm nhận nơi mỗi bộ phận của cơ thể và cái cảm xúc đi theo sự chấn động đó.

Ta đừng quên Bapak đã nói rằng tri thức là phần cuối cùng được thanh lọc, nên năng suất tư tưởng của mình trong latihan không có là bao lúc ban đầu. Của tôi thì cũng vậy.

Không còn latihan nữa?

Tôi thường nghĩ rằng sau khi không còn cử động nữa, latihan như thế đã hết nên tôi ngồi xuống. Tuy nhiên, nhiều phụ tá lâu đời nói tới cái latihan thứ hai, cái phần của latihan xảy ra sau cơn nao động của những động tác thanh lọc. Bapak đề cập tới điều đó trong một nói chuyện, khi người khuyên một phụ nữ mà latihan không có kết quả, nên hỏi điều này: „Còn có gì thêm nữa mà Thượng Đế muốn tôi tiếp nhận trong latihan?“ Hình như trong cái phần thứ hai của latihan, ta tiếp nhận được những chỉ dẫn.

Những chỉ dẫn hay ân tứ đó đôi khi là về cuộc đời mình, hay về một năng khiếu mà mình không hay biết, một sự hiểu biết thâm sâu về chính mình, những lúc an vui vô cùng tạ ơn Thượng Đế, và một điều ít khi xảy ra là hiểu biết được cái thế giới bên kia. Đôi khi chẳng có gì hết. Điều này không tùy thuộc chúng ta. Như vậy không có nghĩa là ta không thể tiếp nhận những chỉ dẫn rõ rệt trong phần đầu của latihan. Tôi từng trông thấy những phụ nữ tỏ vẻ yên lặng và thanh thản trong phần đầu của latihan, để rồi kêu la chạy đây đó trong phần hai. Bạn hãy tự nghĩ xem điều đó là như thế nào.

Lúc tập xong

Sau latihan, điều nên làm là ngồi yên lặng trong một lúc, như lúc ban đầu. Trước hết điều quan trọng là „trở về với hiện thực“ để thực sự chấm dứt latihan và trở nên một người bình thường. Vừa rồi, tôi nhận thấy latihan mình thật mãnh liệt - ngay cả trong lúc yên lặng. Tôi ngồi xuống mà cơ thể mình còn chấn động như động cơ phản lực. Điều không nên làm là đi uống cà phê với bạn bè cho tới khi sự chấn động lắng xuống. Cho tới khi cảm thấy mình bình thường lại. Nhưng điều này thì hệ trọng hơn: Ibu Hardiyati giảng giải là trong cái trạng thái yên lặng sau latihan đó, ta sẽ ‘trông thấy’ hay mở ra coi những món quà mà latihan ban tặng cho. Hình như đó là lúc sự sáng suốt của mình được tăng cường. Ta trở nên điềm tĩnh và an vui, và thường nhận được những chỉ dẫn rõ rệt. Đừng làm điều này điều nọ. Hãy viết thư cho bà nội/ngoại mình. Hãy đổi công ăn việc làm, danh tính mình. Hãy thận trọng khi lái xe về nhà vv... Một trong những phụ tá Cilandak mà tôi ngưỡng mộ nhất có nói rằng bà tiếp nhận được rõ rệt những chỉ dẫn cho đời mình, khi nằm trên sàn nhà. Tất nhiên, không có gì là bảo đảm, nhưng đó có thể là một thời gian quý báu, cái thời gian tiếp nhận những hướng dẫn cho đời sống hằng ngày.

Tôi biết là có rất nhiều những gì là minh tuệ về latihan trong cái cộng đồng Subud phong phú và đa dạng của chúng ta.

Những điều đó có lẽ chúng ta sẽ chia sẻ cho nhau. Tôi mong rằng những miếng ăn về chuyện latihan của mình sẽ nuôi dưỡng một vài bạn, như tôi đã được nuôi dưỡng những lúc ban đầu trong Subud của mình.

Gặp nhà vua

Minh Thần dịch

Sharifruddin Harris

Nhiều năm trước đây, tôi thường đến nhà anh John Cooke tại Carmel Highlands, California, nơi tôi được khai mở và tập latihan với nhóm. Tôi là thành viên một nhóm người thân nhau đôi khi thí nghiệm pháp Ouija(*) Trong một đêm nọ trong lúc thực hiện pháp Ouija, những „hồn ma“ được tiếp xúc, hay đó là những gì từ tiềm thức, đặt những câu hỏi cho chúng tôi. Một trong những câu hỏi đó -cho bất cứ ai trong chúng tôi- là „Ai sẽ đem thông điệp tới cho Nhà Vua?“ Tôi nói: “Tôi sẽ đem, nhưng cái đó là gì?”

Câu trả lời là „Người sẽ biết khi đó là đúng lúc.“

Tôi quên hết chuyện đó cho tới 11 năm sau, ngay sau khi kết hôn với Sulfiati. Chính lúc đó tôi có một giấc mơ hết sức rõ rệt. Trong giấc mơ đó, tôi là một kẻ thuộc một ngôi làng nhỏ bé cực kỳ nghèo nàn, và các bô lão đã kêu mọi người hội họp để tìm xem có ai hay không chịu đem một thông điệp tới cho Nhà Vua, vì Nhà Vua chắc chắn sẽ giúp đỡ nếu biết được tình cảnh khó khăn của chúng tôi. Trong giấc mơ tôi chỉ khoảng 11 tuổi nhưng lại kêu la là mình sẽ đem thông điệp tới cho Nhà Vua. Phản ứng của mọi người là nhạo cười, và họ nói rằng nếu những người nam lớn tuổi hơn không chịu đi, thì họ cũng sẽ không để cho tôi đi. Nên ngay khi mọi người đi ngủ, một bà cụ đến bên tôi bình tĩnh nói: “Cháu đi là đúng. Cháu hãy đem theo gói đồ ăn này mà bà làm cho cháu. Vậy, cháu hãy đi ngay bây giờ để mọi người không biết. Đến sáng họ muốn tìm cháu thì đã quá muộn.”

Khi bình minh lộ diện, tôi nhận thấy một con chó sói đang chăm chú nhìn mình. Nhưng tôi bớt lo sợ bị tấn công vì nhớ lại rằng mình đã đem theo một gói đồ ăn. Tôi mở gói ra ném một vài thức ăn cho chó sói. Nó đến ăn, rồi đến gần bên tôi hơn. Tôi có vẻ như không còn sợ gì nữa, và nó nằm xuống bên cạnh tôi. Nó thành một người bạn đồng hành, bảo vệ tôi và giúp tôi đi tìm thức ăn.

Sau khi đi tìm khoảng một tuần, chúng tôi vẫn không biết phải đi tìm Nhà Vua ở đâu. Chúng tôi đi lên một ngọn đồi, nhìn xuống một thung lũng với nhiều lửa trại. Khi gặp những kẻ tụ tập tại những chỗ cắm trại đó, chúng tôi nhận thấy họ cũng đang đi tìm Nhà Vua, nhưng không ai biết chút gì về việc tiếp theo phải đi đâu. Trong một vài ngày, chúng tôi được yêu cầu tụ họp để nghe nói: „Nhà Vua biết các ngươi đang có mặt nơi đây và tại sao, nên Ngài sẽ phái tới một người hướng đạo để dắt các ngươi tới gặp Ngài.“ Mọi người trở nên rất nôn nao, và dự tính những chuyện làm thế nào tới bên Nhà Vua với những nhu cầu của mình.

Một hôm nọ, người hướng đạo đó tới. Tôi ngạc nhiên, thực ra thì không có gì ngạc nhiên, người đó là Bapak Muhammed Subuh. Bapak có một cử chỉ với bàn tay là chúng tôi nên đi theo Bapak. Bapak chỉ nói: „Chúng ta cùng đi.“ Nhiều người chúng tôi chỉ việc đi theo con đường mà Bapak đã lấy, còn những người khác thì nhốn nháu với những đồ dùng cá nhân của họ, hay đi tìm những người thân, hay đi tìm một kẻ nào đó chăm lo cho những công việc của họ khi họ ra đi.

Nơi cuối đường đi là một tòa nhà to lớn bằng gỗ. Bapak mở cửa ra nói: „Vào đây.“ Tôi đến gần cửa nói: „Bapak, vẫn còn nhiều người muốn đến.“ Nhưng Bapak nói: „Đừng lo, họ sẽ đến vào một dịp khác.“ Bapak liền đưa tất cả chúng tôi vào, rồi đóng cửa. Tôi nhận thức được là chúng tôi đang tập latihan, và thấy phòng tập không chỉ có đàn ông, mà cả đàn bà và con nít. Bởi đàn bà không tập chung với đàn ông, còn con nít thì hoàn toàn không tập, nên tôi hỏi Bapak: „Chúng tôi đang làm gì đây?“ Bapak nói: „Ya, ya...chỉ việc quy thuận.“

Tôi hiểu được điều đó là cần thiết nên chỉ việc nhắm mắt lại mà cố gắng phó mặc tất cả những nỗi lo của mình.

Sau một lúc, tôi nghe thấy âm nhạc êm đẹp như có thiên thần đang ca hát, và cảm thấy phải nhảy múa và lắc thư the đó. Tôi cảm thấy mình được làm cho vượt lên càng lúc càng cao, và thấy như trọng lực đã giảm. Tôi mở mắt ra để coi xem những người khác có bị tác động tới hay không, thì nhận thấy ngay cả Bapak cũng đang vượt lên không trung, như tất cả chúng tôi. Nên tôi hỏi: „Bapak, điều gì đang xảy ra vậy?“ Nhưng Bapak chỉ nói: „Ya, ya...chỉ việc quy thuận.“ Nên tôi lại nhắm mắt và cố gắng gạt bỏ đi tất cả những nỗi lo của mình.

Với thời gian, những động tác trở nên chậm chạp hơn, còn ca hát thì trầm lặng hơn, nhưng cường độ những chấn động lại càng lúc càng mạnh hơn. Ngay sau đó, tôi phải mở mắt ra một lần nữa và nhận thấy tòa nhà đã biến mất, còn chúng tôi thì đang nhảy múa và lắc lư trên một đồng cỏ ngập nắng với hoa, chim và bướm. Tôi quay qua phía Bapak hỏi một lần nữa: „Bapak, điều gì đang xảy ra vậy?“ Nhưng Bapak cũng chỉ nói: „Ya, ya...chỉ việc quy thuận.“

Bởi biết Bapak là một người hướng đạo nhân từ, nên tôi nhắm mắt lại một lần nữa để cầu xin cho mình không còn lo nghĩ gì nữa. Lần này thì các động tác hầu như đã ngưng hẳn, còn âm nhạc thì trở nên rất yếu ớt, nhưng cường độ của những chấn động thì vẫn còn mạnh. Sau một lúc, tôi lại phải mở mắt ra, và trông thấy trái đất phía dưới chúng tôi đã biến mất, còn chúng tôi thì lơ lửng trong không gian giữa các tinh tú.

Tôi có thể cảm thấy sự hiện diện của những người chung quanh đang tập latihan, nhưng không thể trông thấy bất cứ ai, trừ Bapak ra. Nên tôi hỏi: „Như vậy nghĩa là gì, chuyện gì đang xảy ra?“ Tất nhiên là Bapak chỉ lặp lại: „Ya, ya...chỉ việc quy thuận.“

Lần này thì sự im lặng giống như sấm sét, còn những chấn động thì trở nên tinh vi nhưng mãnh liệt hơn tất cả những gì tôi nghiệm thấy. Tôi lại cảm thấy mình phải hỏi Bapak phải làm gì, nên mở mắt ra và trông thấy lần này thì có các tinh tú, chỉ là sự đen tối hoàn toàn. Tôi hoảng sợ nên đi tìm Bapak. Khi tôi nhìn thấy Bapak, Bapak là thủy tinh nhưng sống động.

Tôi phải hỏi: „Chúng ta đang ở đâu, làm sao có thể như vậy được?“ Tuy hỏi như vậy nhưng tôi hiểu được rằng mình đã được ban cho một đặc ân ngoài mong ước, hay có thể tưởng tượng.

Tôi khóc oà vì cảm kích và cầu xin được tha thứ. Bapak lại nói: „Ya, ya...chỉ việc quy thuận.“

Tôi cố gắng một lần nữa, nhưng tất cả đều trở nên trống rỗng như là mình đã qua đời. Chẳng có bất cứ gì. Sau một lúc, tôi không biết là bao lâu, tôi bắt đầu cảm thấy mình ý thức được đôi chút tại sao mình ra đi, và chợt nhớ lại là phải nói cho Nhà Vua hay về ngôi làng mình và sự nghèo đói của nó. Nhưng trước khi tôi có thể nghĩ ngợi xong, câu trả lời đã có đó: Nhà Vua biết về ngôi làng tôi nhiều hơn tôi, nên hoàn toàn hiểu được nhu cầu của nó. Tôi cảm thấy thư thái và tiếp tục trôi nổi xuống phía dưới, cho tới khi dường như được là mình đã trở về ngôi làng và cân nhắc về việc sẽ phải nói gì cho mọi người.

Nhưng trước khi tôi có thể suy nghĩ xong, câu trả lời đã có trong lòng mình. Sự nghèo khổ của họ sẽ còn đó, ngày nào họ vẫn còn bám vào đó. Giấc mơ đó trở nên lâu hơn một chút. Tuy nhiên, đó là cái thông điệp tôi có ý định đem về, nên không làm gì thêm nữa.

Một khoảng thời gian sau, cùng với nhiều anh chị em khác, tôi đến thăm mộ của Bapak và được mời dùng cơm tại nhà Ibu Rahayu gần đó. Sau khi đem chén đĩa vào bếp, tôi nhận thấy Ibu Rahayu đang ngồi một mình tại sân trong để tạo cơ hội cho bất cứ ai muốn tới nói chuyện với bà. Biết mình sẽ không bao giờ được một dịp may như vậy, nên tôi đến ngồi gần bà. Tôi hỏi bà là mình có thể chia sẻ với bà về sự linh thị đã mô tả trên kia. Bà nói: "Được chứ, anh cứ việc nói."

Khi tôi kể, bà thường gật đầu tỏ ý mình đang nghe. Khi tôi đề cập tới cái thông điệp cuối cùng, bà ngược nhìn tôi nói: „Đúng là vậy.“ Bà cảm ơn tôi đã chia sẻ sự linh thị đó, và tôi cảm ơn bà đã nghe tôi kể.

(*) Ouija boards: một phép cầu hồn hay cầu cơ trong đó mọi người ngồi chung quanh một chiếc bàn (board) để tiếp xúc với những hồn ma. Còn gọi là talking board hay witchboard.

Tưởng niệm Varindra Vittachi

Minh Thần dịch

Của Imram Vittachi trong Subud Around the World 22 December 2018

Lúc sắp chết, phụ thân tôi, một thiên tài về thuật quanh co truyền đạt ý nghĩ, trong hai buổi nói chuyện từ biệt cộng đồng Subud, nói tới những ‘con mối’ -ông không có ý bỗ báng- có nguy cơ phá hoại cái phong trào tâm



Varindra Tarzie Vittachi [Courtesy Imran Vittachi]

linh quốc tế mà ông trân quý trong đó công sức mình trong mấy chục năm, với tư cách một người trực tiếp dưới quyền Bapak.

Phụ thân tới dự Hội nghị Thế giới tại Amanacer trong năm 1993 trong tình trạng tiều tụy vì bệnh ung thư gan đang giết chết ông. Tình trạng yếu đuối của ông biến ông thành một người mà ông ngưỡng mộ là Thánh Gandhi.

Tôi không có mặt tại đó để dự những buổi nói chuyện đó tại Colombia. Nhưng khi 25 năm sau đọc lại bản sao buổi nói chuyện, tôi hiểu rõ được điều ông muốn nói.

- Tất cả các cơ quan có mục đích nhân đạo -tôn giáo, đại học, Liên hiệp quốc- đang bị những con mối tiêu diệt từ bên trong.

Đó là điều tôi lo sợ cho Subud, ông báo động trong buổi nói chuyện đầu tiên, một buổi đánh dấu việc ông từ nhiệm chức chủ tịch của WSA, một chức vụ ông đã giữ trong hơn 30 năm.

Sự nhận xét đó khiến cho một số người trong cử tọa phải lo nghĩ. Ngày hôm sau, họ đòi ông tới gặp để bắt ông phải giải thích điều muốn nói.

- Điều tôi muốn diễn tả về những con mối là như thế này: đó là những kẻ có đầu óc quan liêu. Đó không phải là những người làm công việc quản lý, bởi tất cả chúng ta đều cần sự quản lý để tồn tại. Những quan liêu là những kẻ chỉ làm đúng theo kinh thư, theo điều lệ. Đầu óc họ rỗng tuếch.

Theo cách diễn tả đó, những quan liêu là những con mối, bởi họ tiêu thụ rất nhiều giấy tờ là thứ được làm ra từ gỗ.

Cái thông điệp mà ông muốn truyền đạt trong lần cuối đó trong Subud là thế này: tâm linh là điều rất có lợi nhưng cũng có thể nguy hại, nên phong trào có nguy cơ bị thâm nhập bởi những kẻ tham quyền cố vị. Họ là mối đe dọa biến nó thành một tổ chức cứng nhắc với những điều lệ áp đặt lên đầu hội viên, khiến kiểm soát được những ý nghĩ của họ.

Khi tập latihan, hội viên thường có thói quen phó mặc những ý nghĩ của mình. Nhưng phụ thân cầu khẩn họ đừng bỏ mất trí óc và tư duy. Ông hối thúc họ tự suy tính lấy cho chính mình mà nói toạc ý kiến mình cho những kẻ tiêu thụ giấy tờ.

Đó là cung cách của một nhà báo, của một kẻ phản loạn. Trong suốt cuộc sống ngoài đời, phụ thân không sợ phải nói thẳng những ý nghĩ của mình, hoặc bất chấp những thế lực cai trị thiên hạ bằng sợ hãi. Trong nghề nghiệp mình, ông được đào tạo cách đương đầu và phơi bày những sự thật khó nuốt trên thế giới. Ông cũng làm y như vậy trên diễn đàn Subud.

Ông đã chứng tỏ mình vẫn còn cái đức tính cốt yếu của một nhà văn tài ba là "một máy dò những cái thối tha, chịu đựng được những cú va chạm," theo cách nói của nhà văn Hemingway.

Màu xám và xám

Tuy tình trạng yếu đuối của ông, tôi nhớ lại là phụ thân nóng lòng tới Columbia -một chuyến bay cuối cùng trong những chuyến bay tới khắp nơi trên thế giới.

Khi ông trở về Anh, chúng tôi không bàn luận về thực chất những buổi nói chuyện tại Anamacer. Nghĩ lại vụ đó, tôi hiểu được là ông không muốn chết nếu chưa truyền đạt được sự báo động của mình về Subud. Nhưng ông cũng muốn bày tỏ tình thương cho những người Subud và sự biết ơn bất diệt của mình với Nguồn Đại Lực mà Bapak, một tôn sư đã thay đổi đời ông, truyền cho ông.

Sinh ra trong những hoàn cảnh tầm thường của một ngôi làng Tích Lan, ông là đứa con trong số 13 đứa của một thầy giáo, nhưng đã vượt tới chỗ cao trọng là nhà báo Á Châu tầm tiếng và một nhà ngoại giao của U.N.

Với những người trong cái thế giới ngoài đời ông là Tarzie, nhưng trong đời sống nội tâm ông là Varindra trong thế giới Subud: trong cả hai cái thế giới đó ông là một nhân vật có tài thu hút

quần chúng, và tôi là một trong số vài người được nhìn thấy ông luân chuyển trong hai cõi giới đó. Tôi còn được gần cận ông trong sáu tháng cuối cùng của đời ông sau khi mẹ tôi mất vì ung thư trong năm 1987.

Không có gì nơi ông là tà và chánh. Ông là một người đáng chú ý, nhân cách ông có nhiều khía cạnh. Ông là một mớ lộn xộn gồm những đức tính và tật xấu, một người với những thèm khát và cố tật.

Trước khi mang bệnh ung thư gan, phụ thân không hối tiếc hút thuốc bằng tẩu và thuốc lá Pháp -những loại ông thích là Gauloises và Gitanes. Ông ghét cay ghét đắng "lũ phát xít," theo cách nói của ông, những kẻ muốn làm việc thiện bằng cách biến các văn phòng, nhà ăn và máy bay thành những môi trường cấm cỗi, không được hút thuốc. Họ là bầy mối phá hoại cái thế giới này.

Tôi thích mùi hương những khói thuốc của ông. Khi tôi còn nhỏ, mùi thơm từ tẩu thuốc của ông lôi kéo tôi tốt gần ông như một nam châm. Tôi luôn cảm thấy mình được an toàn, khi ngồi gần ông trong những máy bay -lúc chưa bị bọn phát xít cưỡng đoạt- hay trên chiếc ghế dài tại căn nhà chúng tôi ở Manhattan, nơi ông hút thuốc từng hơi ngắn trong lúc tôi giúp ông phá giải những trò chơi ô chữ bí ẩn của tờ London Times, một thói nghiện mà tôi thừa hưởng của ông.

Mặc dù những tật của ông, tôi yêu thích con người đã dạy cho tôi biết là sự thật không đến trong màu trắng và đen, và trong màu xám và xám.

Phụ thân có một làn da dày, như da sống một con voi. Ông toát ra một sự điềm tĩnh sắt đá, nhưng có những lúc, tuy rất hiếm, ông để lộ một tính khí làm cho những kẻ cản đường đi của ông phải hoảng sợ.

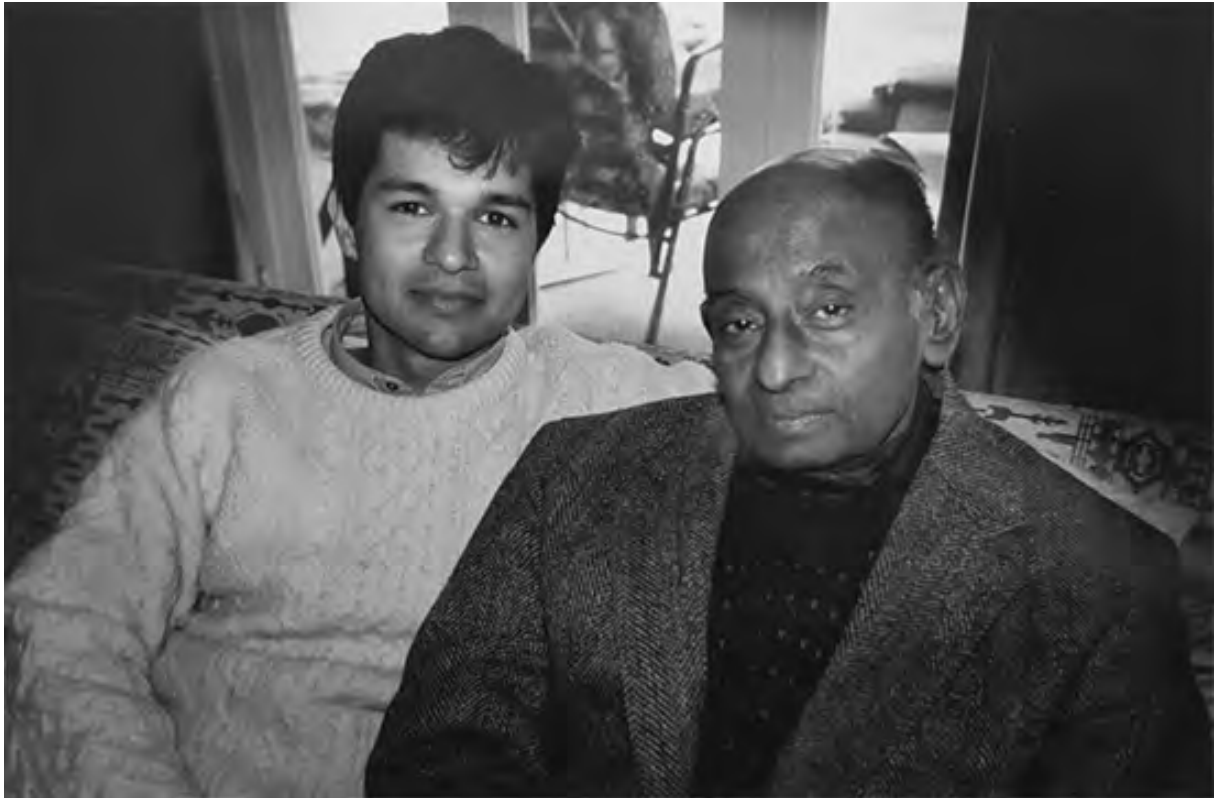
Áo giáp đó hao mòn, vì bệnh ung thư giày vò ông. Mẹ tôi cũng đã mất vì bệnh ung thư, và trong 36 tiếng đồng hồ cuối cùng của đời ông, tôi thấy ông không chịu đựng được khiến phải khóc vì cơn đau.

Tôi chưa từng thấy ông khóc trước đó. Như vậy là quá sức chịu đựng của tôi. Khi ngồi trên xe cứu thương cùng bà chị mình và phụ thân trong tình trạng hôn mê từ bệnh viện London tới nhà chị tôi, tôi biết là ông đang dần dần ra đi.

Ông mất ngày 17 tháng 9, sáu ngày trước lúc sinh nhật thứ 72 của mình.

Như một chuyện kì diệu của Subud, cái chết của ông tuy khiến thương tiếc nhưng cũng khiến tôi được giải thoát. Tôi là đứa con út trong số năm đứa con, và cuối cùng được sống cuộc đời mình mà không nằm dưới bóng mát cái nhân cách cao ngất của ông.

Điều xảy ra đó thật kỳ lạ. Ông mất không đầy hai tuần trước lúc tôi ghi danh theo một khóa học cho những người đã tốt nghiệp đại học tại London School of Economics. Ông và tôi đều dựa vào nhau sau khi mẹ tôi mất. Bây giờ thì như là ông phải để cho tôi đi theo con đường của chính mình.



Imram Vittachi

IMột người con trai của Subud

Bố mẹ tôi là con lộ dẫn tôi vào Subud. Khi ông mất 25 năm sau đó, tôi là một kẻ duy nhất dòng họ Vittachi còn theo tập latihan.

Subud đã đi theo tôi trong suốt đời tôi. Tôi sinh ra, đúng là vậy, trong một hộ gia đình Subud, khi tôi ra đời vào cái thế gian này tại tư gia của Sharif Horthy ở Hampstead, London.

Là một đứa con thế hệ thứ hai của Subud, tôi chưa từng hoài nghi cái văn hóa trong đó tôi lớn lên. Tất cả những gì về nó đều toàn thiện và tốt đẹp. Những người Subud đối với tôi đều là người cùng nhà. Tôi vẫn còn mến trọng họ, và cảm thấy một mối liên hệ giữa anh chị em với nhiều hội viên, ngay cả những người bất đồng với mình.

Nhưng hiện nay thì tôi lại e ngại Subud. Trong mấy chục năm sau khi song thân qua đời, tôi đã tự đặt ra cho mình nhiều câu hỏi, đã hoài nghi cũng như đối diện những sự thật mình đã không thấy vì là một kẻ nô lệ của phụ thân.

Phụ thân và tôi thường trò chuyện dài lâu về Subud, nhưng đó luôn là những gì tốt đẹp. Chúng tôi tránh né những chuyện nhạy cảm, những điều tôi chỉ nhận thấy sau khi phụ thân mất.

Đương nhiên là chúng tôi không bao giờ nói tới những kinh doanh thảm hại của Subud, như sự thất bại của Anugraha, điều gây tác hại cho những hội viên đã đầu tư số tiền tiết kiệm của họ vào đó. Lúc dự án đó thành lập tôi chưa là hội viên, và nếu phụ thân còn sống, thì tôi sẽ thúc ép

Ông cho biết tại sao trong chuyện mờ ám đó không ai chịu nhận trách nhiệm, và tại sao Bapak, nhân vật chủ chốt đề xướng những kinh doanh của Subud, lại không biện giải.

Tôi hiểu biết phụ thân hơn bất cứ ai khác, và đã đọc tất cả những sách ông viết về những trải nghiệm trong Subud. Tuy thế, những bài nói chuyện tại Amanacer, mà tôi chỉ đọc sau này, là trường hợp đầu tiên một cuộc nổi loạn nhỏ bé của một bầy tôi tầm tiếng nhất của Bapak, theo những gì tôi biết.

Phụ thân đã làm chứng cho sự khai mở của tôi 31 năm trước đây, hai tháng sau khi Bapak mất. Như điều phụ thân thường làm trong những buổi nói chuyện và hội họp trên khắp thế giới, ông liên tục quả quyết với tôi là sẽ không có ai kế vị Bapak, Subud không là một giáo lý, cũng như không là một tôn giáo.

Tuy thế, những cam đoan đó không ứng hợp với cái thực tế mà tôi nghiệm thấy, trong lúc tự mình lèo lái cho mình đi trên con đường của Subud. Những con mối, những ký sinh mà ông lên án, đã không đi mất và cái Subud mà tôi yêu thích đã trở nên giáo điều và cứng nhắc.

Hiện nay, tôi đặc biệt lấy làm lo lắng vì sự nhiệt tâm mà tôi thấy ở một vài hội viên, đặc biệt nơi một vài vị hăng say làm trác nghiệm và hình như muốn biến Subud thành một tôn giáo, bằng cách áp đặt những điều lệ lên đầu hội viên.

Tuy tôi làm phụ tá, nhưng lại lo ngại mình đang giữ chức thầy tu của một giáo hội. Chẳng hạn, tôi chưa bao giờ cảm thấy thoải mái với việc phải giữ đúng lời tuyên ngôn đọc lúc khai mở, hay bắt một dự bị hội viên phải tuyên bố đức tin ở một Thượng đế Vạn năng. Với tôi, một người theo thuyết bất khả tri có một quan niệm thế tục về cuộc sống, thì đó hoàn toàn chỉ là giáo điều, không khác gì một nghi thức của tôn giáo.

Là một nhà báo thừa hưởng của phụ thân cái máy dò những chuyện thối tha, tôi không thể không quan tâm tới những chuyện đó, hay quay mặt đi chỗ khác, khi kim trên máy chỉ cho thấy có chuyện nghiêm trọng.

Tôi tự hỏi không biết mình có thuộc một giáo phái hay không. Một trong những hồi ức sống động nhất của tôi thời thơ ấu là xem tin tức trên TV về vụ thảm sát ở Jonestown (*). Hồi đó tôi 12 tuổi. Đó là lần đầu tiên trong số ngữ vựng của tôi có thêm chữ “giáo phái.”

Vài chục năm sau đó, tôi học môn báo chí tại UC Berkeley và hiểu rõ hơn về chữ đó qua sự làm việc chung với một cố vấn dày kinh nghiệm là Tim Reiterman, một nhà báo lão thành. Lúc còn là một phóng viên trẻ cho tờ San Francisco Examiner, Tim đã tới Jonestown lúc có vụ tự sát tập thể. Tại một sân bay trong rừng Guyana, những tin đồn có súng ống đã bắn vào anh cùng với một những người khác trong một trận phục kích làm cho nghị sĩ Leo Ryan bị tử vong, khi ông cầm đầu một phái đoàn tới đó để điều tra.

Chính nhờ hợp tác với Tim mà tôi bắt đầu tự hỏi không biết mình có là thành phần của giáo phái hay không, dù nó có vô hại hay không. Tôi vẫn chưa thể xua đuổi sự hoài nghi dai dẳng đó, và chưa từng được giải vấn một cách rõ ràng có sức thuyết phục bởi những hội viên bạn bè tìm cách làm cho tôi tin Subud không là một giáo phái.

Chắc chắn là có những đặc tính của một giáo phái. Đương nhiên là có sự đồng tâm nhất trí

trong đó tôi thấy hình như chẳng có ai đặt nghi vấn về những lời nói của vị lập tổ và người kế vị ông. Dù những bài nói chuyện của Bapak có đặc sắc và thâm sâu đi nữa (mỗi sáng tôi nghe một bài khi chuẩn bị đi làm) chúng ta cần phải có óc phê phán, không thì sẽ không làm chủ được đầu óc mình, và đó là đặc tính của một giáo phái.

Để họ không mù quáng theo đám đông, tôi khuyến khích các hội viên đừng sợ phải đặt những câu hỏi có tính khiêu khích. Trong những năm vừa qua, một vài vị đã đến gặp tôi tại những buổi họp của Subud, để bày tỏ sự thông cảm, bất cứ lúc nào tôi công khai đưa ra những câu hỏi không mấy dễ chịu. Biết được không chỉ có riêng mình là điều khiến an ủi.

Những câu hỏi như vậy thường bị phản đối vì không thúc đẩy “hòa khí,” một khẩu lệnh đối trá là không khuyến khích tranh luận trong giới Subud. Tôi đề cập tới chuyện đó là vì cái quan niệm hòa khí đúng ra là một trong những trụ cột của “Pancasila,” một thuyết lập quốc của Indonesia, một quốc gia dưới sự cai trị của những chế độ độc tài cho tới 20 năm trước đây.

Mùa hè này, tôi đi dự Hội nghị Subud Thế giới đầu tiên của mình với tư cách một hội viên còn trong Subud. Khi Ibu Rahayu có một buổi nói chuyện đặc biệt tại Freiburg, tôi cùng một số người đồng đạo tới dự thính. Một vài phút trước khi bà lên sân khấu, một phụ nữ nói tiếng Anh theo giọng Đức thông báo cho mọi người là phải tắt những điện thoại di động của mình.

Tôi thích nghe Ibu nói chuyện, nhưng sau đó lấy làm khó chịu khi nhìn thấy một điều thành hiện thực ngay lối ra vào của Ngôi Làng Subud.

Một kẻ nào đó đã treo những tấm bảng - làm bằng thứ giấy cứng - viết những gì là nghĩa của bốn chữ Ả Rập mà Ibu Rahayu đã ẩn tượng chúng tôi: dhat, sifat, asma, afal.

Khi trông thấy điều đó, tôi không thể không nghĩ tới George Orwell, cùng với Ernest Hemingway, là những nhà văn mà phụ thân thích đọc. Khi tôi chăm chăm nhìn những tấm bảng đó, đầu óc mình chợt nghĩ tới những áp-phích tuyên truyền được mô tả trong tiểu thuyết “1984” của Orwell.

Tôi chợt hiểu được sự mỉa mai này: phụ thân đã nói bóng nói gió tới cuốn sách kinh điển đó trong buổi nói chuyện tại Anamacer, khi ông đề cập tới những con mối.

Trong 25 năm kinh nghiệm nhìn Subud qua lăng kính không bị méo mó của chính mình, tôi cũng nhận thấy đó là một phong trào không chịu biến cải. Do số hội viên không có là bao và chỉ đứng yên một chỗ, tôi lo ngại Subud sẽ không thể tồn tại, trừ phi nó tiến hóa, mở rộng thành một phong trào phổ quát và tiến bộ thích nghi với thời hiện đại và tránh bỏ cái tình trạng hiện nay trong đó chỉ bị chi phối bởi một tôn giáo và văn hóa độc nhất.

Nếu chúng ta không thận trọng và ý thức được điều đó, Subud sẽ có thể đi theo một chiều hướng quá khích và cuồng tín. Công việc là phóng viên của tôi bao hàm đi săn tin về những phong trào tôn giáo quá khích ở Á châu. Tuy những phong trào đó tỏ vẻ vô cùng cực đoan, nhưng theo tôi thấy thì thực chất những hạt giống của nó không khác gì lối hành xử đáng lo ngại của một thiểu số hội viên Subud.

Rút cuộc, Subud chỉ có được một tương lai, nếu những hội viên lớp già như tôi trao phó cho giới trẻ là những tác nhân của sự biến cải. Trong nhiều năm, tôi bi quan là Subud khó có thể

sống còn lâu dài hơn. Nhưng nghị lực, óc sáng tạo và những ý tưởng mới mẻ mà tôi nhận thấy ở những giới trẻ từ Úc, Âu Châu và những nơi khác, họ có mặt đông đảo ở Freiburg, gây hứng thú và cho tôi có lí do để hy vọng.

Tôi không vì vậy mà giận nếu bạn bất đồng với tôi, nhưng đó là trải nghiệm trong Subud của tôi và cái nhìn của tôi hiện nay về nó. Trong những năm qua, tôi đã đi đứng loạng choạng bên bờ vực thẳm, quần quai là mình nên hay không nên bỏ Subud.

Nhưng cho tới nay tôi đã không bỏ, vì latihan là quan trọng đối với mình.

(*) Các tín đồ của giáo phái People Temples cùng với giáo chủ của họ là Jim Jones đã tự sát tập thể tại Jonestown ở Guyana (18 tháng 11 1978). Có một phim khá hay về vụ đó trong YouTube với tựa đề Jonestown Paradise Lost.

Ý kiến về bài của Imram Vittachi

Minh Thần dịch

(Subud Voice cho đăng liên tiếp trong hai số báo ý kiến một độc giả về bài Tưởng Niệm Varindra Vittachi)

SUBUD LÀ MỘT GIÁO PHÁI?

March 2019

Mashud Darlington

Tôi xin có ý kiến về bài Remembering Varindra Vittachi của Imram Vittachi đăng trong Subud Around the World ngày 22 tháng 12 2018, trong đó anh diễn tả nỗi lo ngại mình là thành viên một giáo phái.

Theo học môn xã hội học, cô con gái tôi Irmani học về các giáo phái trong đó có một thí dụ là Subud. Irmani chỉ cho giảng viên thấy theo định nghĩa của một giáo phái thì có hai đặc điểm không áp dụng được với Subud. Đặc điểm thứ nhất là một giáo phái thường có một nhân vật được coi là tổ sư, nhưng sau khi vị tôn sư đó qua đời giáo phái đó thường suy sụp.

Tuy nhiên, Subud vẫn còn hiện diện trên thế giới sau khi vị tổ lập của nó qua đời cách đây hơn 30 năm. Thực vậy, một hội viên kể cho tôi điều này là trong một buổi họp của Subud ở Thụy Sĩ, con trai Bapak Haryono bước vào phòng họp.

Nhân vật tổ chức buổi họp hỏi: „Ông là ai?“ Ông đáp: „Haryono.“ Người đó hỏi tiếp: „Ông từ đâu đến?“ Đáp: „Từ Indonesia.“ Một tổ chức trong đó nhiều hội viên không nhận ra người con trai của vị tổ lập thì khó có thể được coi là có một tôn sư là trung tâm.

Theo định nghĩa của các nhà xã hội học về một giáo phái, đặc điểm thứ hai là con cái không được liên hệ với cha mẹ. Irmani cho giảng viên của mình hay là mình có nhiều bạn bè thuộc thế hệ thứ tư của những hội viên theo Subud. Khi tôi gia nhập Subud lúc 18 tuổi, cha mẹ tôi không hứng thú với Subud, nhưng đương nhiên tôi vẫn còn liên hệ với họ và Subud không ép buộc tôi phải cắt đứt cái liên hệ đó. Những lo ngại của Imram về lối hành xử theo giáo phái của một vài hội viên có thể đúng trong một vài trường hợp, nhưng còn lâu thì chúng ta mới bị biến thành một giáo phái, như điều Imram lo ngại.

GIÁO PHÁI VÀ NHỮNG CON MỐI

April 2019

Mashud Darlington

Tôi xin được có thêm vài lời về bài 'Subud là một giáo phái?' Theo kinh nghiệm của tôi, latihan tạo cho chúng ta cơ hội tách biệt mình khỏi tính ích kỉ và thị hiếu, để sống cuộc đời của những con người được tự do và hạnh phúc. Như trong lời nói của Chúa Giê-Su: „Hạnh phúc thay những kẻ có tâm hồn nghèo nàn, vì Nước của Chúa là nơi ở của họ.“

Mục tiêu của các giáo phái là làm cho ý chí của hội viên bị biến chất, để đưa họ vào cạm bẫy của sự lệ thuộc tính ích kỉ và thị hiếu của một tôn sư hay lãnh tụ. Điều này hoàn toàn trái ngược với Subud. Bapak chưa từng giữ vai trò của một tôn sư, nhưng chỉ khuyến khích chúng ta thực hành sự hướng dẫn tiếp nhận được trong latihan.

Nếu chúng ta cho phép 'những con mối' -như Varindra Vittachi đã biết trước- 'có nguy cơ phá hoại cái phong trào tâm linh quốc tế mà ông quý trọng và giúp công xây dựng trong mấy chục năm qua với tư cách một người trực tiếp dưới quyền Bapak,' như anh Imram cho chúng ta hay, để biến Subud thành một giáo phái, thì những kẻ bị thiệt thòi và đáng trách là chính chúng ta.



Một ngàn ngày

Minh Thần dịch

Marcus Bolt June 2019

*Linh hồn người chết sẽ nán lại ba ngày trong nhà...Thường thường vì không thể tiếp xúc với những người trong gia đình -bởi tâm linh hầu hết mọi người chưa được phát triển- nên họ thấy chán nản...Thế nên, một selematan được tổ chức trong ngày thứ ba, khi linh hồn người chết đi ra ngoài nhà...Một selematan khác được tổ chức trong ngày thứ bảy, bởi linh hồn người chết trở về nhà, trước khi bắt đầu đi thám hiểm cái môi trường mới của thế giới bên kia...Nhưng đến ngày thứ 40 linh hồn người chết lại về nhà, và một selematan khác lại được tổ chức...Linh hồn người chết cũng về nhà để nhìn lại gia đình trong ngày thứ 100, rồi trong lúc tưởng niệm lần thứ nhất và thứ hai...Cuộc viếng thăm cuối cùng là trong ngày thứ 1000 sau lúc chết...
(Trích trong Remembrances of Bapak's Last Days, 1987)*



Tôi thường nghĩ những tín ngưỡng truyền thống đó của Java chẳng qua chỉ là mê tín dị đoan, tương tự những huyền thoại Tây phương có khắp nơi về chuyện những con thú chột xuất hiện, những tấm hình treo tường chột rớt xuống, những đồng hồ chột ngưng chạy, khi có một người trong gia đình chết. Bất quá đó chỉ là cách an ủi tang quyến trong lúc đau buồn. Vì đã học môn tâm lý liệu pháp nên tôi coi đó là cái tình trạng tâm thần bị tổn thương, một tình trạng có thể tạo ảo giác... như hiện tượng thấy có 'một bộ phận ma' của những người bị cụt chân hay tay, bởi sự thiếu vắng đau buồn đó có một sự hiện diện rõ ràng như sờ thấy được. Nhưng hiện nay với 50 năm tập latihan, tôi nhìn việc nhà tôi mất trong năm 2016 một cách khác, thấy được một sự thật thâm sâu tương tự đáng kể với truyền thống Java...

Trong ngày thứ ba sau khi nhà tôi mất, tôi cảm thấy bà lên giường nằm với mình, xích lại gần tôi và ôm

chặt lấy tôi. Tôi lấy làm xấu hổ phải nhìn nhận là mình đã kinh hãi tới lạnh xương sống, và như vậy thì thật kỳ cục, bởi tôi ao ước có những chứng nghiệm 'siêu nhiên'. Nhưng có lẽ tôi đã không tự đặt mình trong một trạng thái tiếp nhận thích đáng, nên đó là tác động của sự sợ hãi ma quỷ thời thơ ấu.

Khoảng ngày thứ bảy, tôi đi vào phòng ngủ rồi bật đèn lên. Nhà tôi đang nằm trên giường, tôi nghe thấy tiếng than van của bà vì bị quấy rầy và trông thấy bà thay đổi thế nằm. Tôi còn nhớ là mình có một nỗi vui mừng bột phát, trí óc mình nói: 'Bà đã trở về! Tất cả chỉ là một giấc mơ...' Nhưng một giây phút sau đó, tôi nhận thức được đó chỉ là chiếc chăn lông vịt trải qua phía nằm của bà trên giường. Hay có thật là như vậy không?

Một buổi chiều nọ, một tháng sau đó hay khoảng đó (40 ngày), trong lúc đau buồn và khóc với một cơn giông tố nước mắt, tôi tập latihan cầu xin được tiếp xúc với Thượng Đế, được hiểu biết điều gì đó, bất cứ gì. Tôi chợt nhận biết được nhà tôi, mặc đồ màu trắng, đang bay lượn nơi ngoại biên của tâm thức mình, và khi vươn cánh tay ra về phía bà, tôi cảm thấy có một sự đụng chạm hết sức nhẹ nhàng nơi đầu ngón tay mình. Tôi liền hiểu được đó là điều đặc biệt chỉ xảy ra một lần, cái tối thượng mà một kẻ còn sống có thể nghiệm thấy - đúng là một ân huệ.

Hai tháng sau (100 ngày) tôi viết một email cho một người bạn: "Hôm qua, trong lúc nấu ăn, tôi cảm thấy một niềm vui tràn ngập, tôi cảm thấy R đang trong nhà bếp cùng với mình, và chúng tôi sắp vui cười, như thường làm lúc ăn uống sau khi đi làm về...cái thực tại sự vắng mặt của R khiến tôi đau buồn, tôi lại khóc và sau đó tự đặt mình vào một trạng thái trung lập...điều tốt nhất mình có thể mong ước lúc đó. Nhưng thật rất chán, vì không có ai trong nhà sát cánh với mình để cho thời gian trôi qua. Có một người bạn đời lâu năm thì luôn có chuyện để nói tới... gia đình, con cháu, Subud, công việc, tính sáng tạo, tài chánh, biến cố, tối nay có gì ăn...nên tôi tiếp tục trò chuyện, tuy chỉ có một mình..."

Lúc tưởng niệm lần thứ nhất sau khi nhà tôi mất, tôi đang tại Loudwater Farm, trên bờ dòng suối River Chess, nơi chúng tôi an táng tro tàn bà. Hôm đó trời rất nóng, tôi chỉ an nhiên đứng đó làm một cái latihan trong tâm mình, để hồi tưởng lại cái thời gian chúng tôi chung sống với nhau. Một lần nữa, tôi lại ý thức được sự hiện diện của nhà tôi chung quanh mình, và bà có vẻ như muốn nói với tôi mình là 'ánh sáng, tích hợp thành những làn sóng, nhưng đồng thời vẫn còn là một hạt phân tử cá biệt.' Cuối cùng, bà lại an ủi tôi là 'mọi chuyện đang và sẽ tốt đẹp' trước khi ra đi.

Lần tưởng niệm thứ hai xảy ra tại Freiburg, lúc Hội nghị Thế giới. Vì mình không có một vai trò nào nên những ngày tháng của tôi là đi lang thang tránh cơn nắng oi bức, để tìm thứ gì ngon miệng có thể ăn và một người bạn để trò chuyện. Ngồi bên ngoài nơi quán ăn, tôi chợt nghe thấy tiếng reo của điện thoại di động. Đó là của một anh bạn mà tôi đã không liên lạc trong khoảng 15 năm qua. Anh đã tìm thấy số điện thoại của tôi, và một app (ứng dụng) trong máy tôi đã chỉ cho anh gọi điện thoại tôi ở Đức. Anh không biết là nhà tôi đã mất, và khi kể lại chuyện đó tôi tràn trề nước mắt -và rồi hình như tôi đang trong sự hiện diện của nhà tôi để một mình nói chuyện với bà trong hầu hết những giờ phút còn lại của hôm đó.

Trong ngày thứ 1000, Aaron cháu trai tôi và tôi làm một cái latihan lúc 11 giờ sáng, lúc nhà tôi mất. Đó có lẽ là một trong những latihan thâm sâu nhất mà tôi từng nghiệm được trong 50 năm là hội viên của mình. Trong những tuần trước lúc đó, tôi có một cảm giác hối hận thâm sâu biến thành tội lỗi là đã không nói rõ cho nhà tôi biết trong lúc bà còn sống, trong hơn 44

năm hôn nhân của chúng tôi, là đối với mình bả quan trọng như thế nào, là tôi yêu thương và mến trọng bả như thế nào. Tôi tự hỏi không biết là mình đã ‘hội đủ’ tiêu chuẩn của một người chồng hay không, và tệ hại hơn nữa là bả đột ngột qua đời mà chúng tôi chưa từng được dịp tha thứ và nói lời từ biệt cho nhau. Trong lúc latihan, tôi được khiến cho vươn thân lên trên, theo khả năng chịu đựng cái xương sống kêu rẳng rắc của mình. Tôi liền ý thức được là nhà tôi đã ‘lấy đi gánh nặng những tội lỗi khiến mình đau buồn.’ Xong latihan, cháu trai tôi và tôi ngồi yên lặng hơn nửa tiếng đồng hồ; cả hai đều cảm thấy (sau này chúng tôi nói cho nhau biết) một lớp phủ bao lấy mình của tình thương. Tới lúc cuối sự im lặng đó, ‘nhà tôi’ (viết trong dấu ngoặc vì bây giờ bả hình như đã nhập vào cái ‘là tất cả’ và hầu như không còn là một ‘cá thể’ nữa) nói với tôi cái chết không có gì đáng sợ: đó như là lướt qua một trạng thái khác, giống một con rắn đang lột da.



Tiếp nhận trong một giấc mơ

Minh Thần dịch

*Tomik Subagio, một hội viên gốc Indonesia hiện định cư tại Úc
Mai 2019*



Tác giả

Nhà tôi và tôi đã là vợ chồng trong bốn năm nhưng chưa có con.

Như mọi người đều biết, đầu óc chúng tôi thường thắc mắc là mình sẽ có một đứa con ruột thịt hay không.

Một hôm nọ, nhà tôi hỏi là có nên hay không nhận một đứa con nuôi.

Tôi nói đó là một câu hỏi khó trả lời được.

Tôi nhắc tới việc nếu có một đứa con nuôi, tôi phải cảm thấy mình là cha ruột nó, và mong nó cũng sẽ cảm thấy như vậy với mình.

Nhà tôi thông cảm lối lí luận khiến tôi chần chừ đó, nên cũng nghĩ như tôi đó là chuyện vượt ra ngoài lĩnh vực của trí tuệ để có được một giải pháp thích đáng.

Nên chúng tôi quyết định đợi chờ một sự chỉ dẫn minh bạch của Thượng Đế trước khi cương quyết nhận nuôi một đứa con.

Trong khi đó thì chúng tôi chỉ việc “ngồi ngoài cửa” đợi chờ một giải đáp thích đáng.

Như Bapak thường khuyên răn, nếu không biết chắc phải làm gì, thì “op de plaats rust,” một câu tiếng Hà Lan Bapak thích dùng mà nghĩa là “ngồi yên một chỗ, đừng đi đâu hết.”

Một vài ngày sau đó, tôi có một giấc mơ, một điều vẫn còn sống động trong kí ức: tôi trông thấy nhà tôi mặc một chiếc áo choàng màu xanh dương đang đẩy ngoài đường phố một xe đẩy trẻ con cũng màu đó.

Sáng hôm sau khi thức dậy, điều đầu tiên tôi làm là kể lại giấc mơ đó và quả quyết nói:

- Em đừng lo, Thượng Đế sẽ cho em một đứa con.

Ba tháng sau đó, nhà tôi mang bầu. Tất nhiên, chúng tôi rất cảm kích và vui mừng là mình sắp có một đứa con của chính mình.

Cho tôi xin được khỏi phải kể lể dài dòng, đứa con lâu năm mong đợi của chúng tôi là một đứa bé gái, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1970. Nhưng chuyện đó đến đây chưa hết.

Hồi đó tôi dạy tiếng Indonesia cho những thành viên của hội Indonesian Australian Association tại Úc. Trong số những học viên có một cặp vợ chồng là Dr. Aleric Maude, một giảng viên tại đại học Flinders, và vợ anh là Anabel. Một hôm, anh nói với tôi:

- Subagio, Anabel và tôi quyết định không có thêm con cái nữa, ba (hay bốn tôi không nhớ rõ) là đủ rồi. Chúng tôi không làm phiền anh chứ, nếu tặng cho anh một xe đẩy trẻ con cũ của chúng tôi?

- Tất nhiên là không, Janet và tôi sẽ vui mừng có được một xe đẩy trẻ con cũ, tôi đáp.

Khi Dr. Aleric Maude đem xe đó đến nhà, tôi kinh ngạc nhận thấy là một chiếc màu xanh, đúng y hệt chiếc tôi thấy trong giấc mơ. Tôi tự hỏi không biết ai đã nói anh tặng nó cho chúng tôi.

Sự ngẫu nhiên kỳ quái đó không chỉ là bấy nhiêu.

Khi đứa bé sinh ra được vài tháng, nhà tôi đem nó ra ngoài phố trong chiếc xe đẩy trẻ con màu xanh đó.

Tôi không thể không nhận thấy một cảm giác là lạ đó là điều mình từng thấy, khi tôi nhìn xem nhà tôi mặc áo choàng màu xanh đang đẩy một xe đẩy trẻ con cũng màu xanh.

Đó chính là điều tôi đã thấy trong giấc mơ cách đây hơn một năm.

Như chân mình bắt rễ xuống mặt đất, tôi đứng tại chỗ nhìn đi nhìn lại quang cảnh diễn ra bên kia đường mà mình đã thấy trong giấc mơ.

Tôi tìm thấy Subud như thế nào?

Minh Thần dịch

*Tomik Subagio, một hội viên gốc Indonesia hiện định cư tại Úc
January 2019*

Sự trừng phạt của Thượng Đế đưa dắt tôi vào Subud

Đầu những năm 1960 tôi trở về Jakarta sau khi học xong ngành cơ khí.

Chẳng bao lâu sau đó tôi phải đối phó những vấn đề của cuộc sống vượt ngoài khả năng giải quyết của trí tuệ. Tôi bị Thượng Đế trừng phạt, vì đã tin chỉ trí tuệ mới có thể an toàn đưa dắt mình trong cuộc sống.

Tôi mắc chứng mất ngủ, và nhớ lại là chị mình đã nói tới Subud, khiến tôi nghĩ rằng có lẽ KEDJIWAAN sẽ giúp mình về những vấn đề của cuộc sống.

Bệnh mất ngủ đó khiến không ngủ được trong hai tuần đã có công đưa một kẻ như tôi chỉ tin ở trí tuệ vào Subud.

Ông anh tôi, một giáo sư dạy môn luật, giới thiệu tôi với một sinh viên từ Cilandak của ông là Prio Hartono, vì ông tin rằng Subud có thể giúp tôi vượt qua được tình cảnh khổ sở của tôi.

Một Chủ Nhật nào đó trong năm 1965 tôi đến Cilandak lúc trưa để gặp Mas Prio Hartono và Mas Sudarto. Tôi cho hai vị phụ tá đó hay mình đến để làm gì, và có lẽ tôi đã nói điều này: „Tôi sẽ chết nếu phải đợi chờ ba tháng để được khai mở.“

Làm tôi yên lòng, Mas Sudarto nói: „Em không cần phải qua ba tháng dự bị, em phải được khai mở tức khắc, không là bây giờ, mà trong xuất latihan kế tiếp ban đêm.“

Ngay buổi chiều hôm đó tôi về nhà, và sau lần đầu đến Cilandak của mình tôi lăn ra ngủ trên ghế xô-pha.

Tôi được khai mở hai hay ba ngày sau đó, và đó là điều đáng ghi nhớ nhất.

Kể từ đó, tôi thường đến nhà Mas Sudarto uống trà trước khi cùng nhau đi tập, và sau khi tập xong, ông cũng thường mời tôi về nhà để trò chuyện trong lúc uống trà, hầu hết là về những trải nghiệm tâm linh.

Một đêm nọ trong một xuất latihan, lúc tình cờ cũng có Mas Prio Hartono, tôi nói với hai vị phụ tá đó là mình không thể thích đáng tập latihan với nhóm vì những tiếng động.

Tôi vừa nói xong điều đó thì Bapak kêu họ tới gặp trong lúc đi ‘tuần tra’ ban đêm chung quanh khu vực của Subud. Hồi đó Bapak có thói quen đi tuần tra lúc nhá nhem tối.

Khi Mas Prio Harto chuyển lời than phiền của tôi cho mình, Bapak tức khắc nói: „Con và Sudarto chỉ việc tập một latihan riêng cho Subagio cho tới khi Subagio có thể tập với nhóm.“ Kể từ đó, tôi có một latihan „riêng biệt“ với Mas Sudarto trong suốt một năm. Nhắc lại chuyện đó, tôi thấy Bapak và các phụ tá gạo cội ở Cilandak có khả năng „tức khắc trắc nghiệm và tiếp nhận,“ cũng như có thể „phá giới“ hay tạo ra những giới điều mới.

Cilandak là trung tâm quyền năng tâm linh

Kể từ lần đầu tới Cilandak và gặp Mas Sudarto, một vài ngày trước lúc được khai mở, tôi nhận thấy tâm thức mình trải qua những biến chuyển đáng kể. Chỉ tin là trí tuệ mới có thể dẫn dắt mình qua cuộc sống, tôi thành một kẻ hoài nghi khả năng giải quyết những vấn đề hằng ngày của trí tuệ.

Tôi chưa từng nghe nói tới „trắc nghiệm“ trong bối cảnh tâm linh của nó, huống hồ hiểu được nó có nghĩa gì. Tuy vậy, tâm hồn tôi hiểu được mình phải chờ đợi để được „chỉ cho thấy con đường phải đi“ (trong kinh Quran là „Ihdinash Shiraathal Mustaqiim“ trước khi có một bước đi quan trọng trong đời mình, thay vì dựa vào lý trí để cân nhắc những hành động của mình. Khi được khai mở một hay hai ngày sau đó tại Cilandak, tôi tiếp nhận được một „nguyên lý“ hay „định luật“ của đời sống trong câu nói khắc sâu trong đầu óc mình của người Java: „Yen DONYA dikuwasani NAFSU bakal hancur,“ nếu bị NAFSU thống trị, THẾ GIỚI sẽ tự hủy diệt.

Cả Mas Sudarto và Mas Prio Hartono đều không khuyến khích tôi đặt những câu hỏi về tâm linh, mà nên có tinh thần độc lập, vì đó là điều có lợi cho sự phát triển tâm linh của tôi. „Nếu chưa biết được giải đáp cho một câu hỏi, thì tức là THƯỢNG ĐẾ không nghĩ rằng lúc này em biết được giải đáp. Vậy, em chỉ việc tập latihan cho tới khi tiếp nhận được giải đáp cho chính mình.“ Đó là cốt yếu những lời khuyên của họ.

Mas Prio Hartono khuyên tôi đừng đọc những sách viết về Subud, nếu đó không phải là của Bapak.

Nhưng cái đầu óc dò xét của tôi không thể không có đầy nhóc những câu hỏi vô vọng kêu gào muốn biết giải đáp. Nên một đêm nọ tập latihan riêng biệt với Mas Sudarto và Mas Prio Hartono, tôi quyết định đưa tất cả những câu hỏi đó ra.

Một chuyện phi thường xảy ra khi tôi mang câu hỏi đầu tiên của mình tới Cilandak. Ngay khi tôi bước vào cổng ra vào của Cilandak, đầu óc tôi đã nghe thấy câu giải đáp. Tôi không nói cho Mas Sudarto và Mas Prio Hartono hay điều vừa xảy ra. Thậm chí, tôi còn không muốn cho họ biết mình muốn họ giải đáp những câu hỏi của mình.

Nhưng hiện tượng đó lại xảy ra một lần nữa trong buổi latihan ban đêm tiếp theo, khi tôi đem tới Cilandak một câu hỏi khác. Và điều đó lại tiếp tục xảy ra y như vậy: cứ mỗi lần đem một câu

hỏi tới Cilindak, tôi đã nhận được giải đáp trước khi bước vào cổng.

Tôi nghĩ là mình phải cho Mas Sudarto hay về cái chứng nghiệm hết sức li kì đó, để coi xem ông sẽ giải thích như thế nào. Khi tôi kể cho Mas Sudarto về cái chứng nghiệm của mình, ông nói, như thường lệ, một cách hết sức thân mật: “Subagio, em nên hiểu điều này là do sự hiện diện của Bapak tại Cilindak nên nơi này đã trở thành một NƠI CHỐN CỦA QUYỀN LỰC TÂM LINH tỏa chiếu sự hiểu biết về CHÂN LÍ ra ngoài phạm vi Cilindak để đạt tới những ai có lòng tin và muốn hiểu biết.”

Kể từ lúc đó, tôi không còn phải trông cậy nhiều vào Mas Sudarto, tức là bất cứ lúc nào đối phó một vấn đề của cuộc sống, tôi không còn hứng thú đem câu hỏi tới Cilindak để giải đáp, mà chỉ việc chờ đợi cho mình tiếp nhận được.

Như Bapak thường có lời khuyên bằng tiếng Hà Lan: “Nếu không biết những gì phải làm thì op de plaats blijven (ngồi yên tại chỗ) cho tới khi chính mình tiếp nhận được con đường phải theo.”



Máy vi tính bất chấp

Minh Thần dịch từ Subud Voice

David Barker
June 2019

Năm 1959 tôi dự một buổi nói chuyện của Bapak tại Friend's Meeting House. Bapak giảng giải latihan được phái tới cho nhân loại vì áp lực gia tăng của sức mạnh vật chất. Tôi còn nhớ rõ



chuyện đó trong lúc Bapak nói. Hồi đó công ăn việc làm không thiếu, và ta có thể thuê một chiếc xe trong một tuần mà chỉ mất có vài shilling; cuộc sống thật dễ dãi và thoải mái. Đồng pound rất có giá tại bất cứ nơi nào mình đến.

Tuy thế, hiện nay tất cả chúng ta đều biết sức lôi kéo của cái thế giới vật chất là như thế nào. Vô cùng mãnh liệt! Ngồi trên một xe lửa bạn sẽ nhận thấy sự hấp dẫn đối với nhân loại của máy vi tính và điện thoại di động.

Mới vừa rồi, chúng ta hay được có hai chiếc Boeing 737s bị rớt, khi phần mềm của máy vi tính không làm theo lệnh của phi công. Máy vi tính báo

động là động cơ ngưng chạy nhưng thực sự thì vẫn như thường, khiến phi công lái máy bay đâm nhào xuống để tránh cơn nguy đó. Chuyện bi thảm xảy ra là tất cả các hành khách và phi hành đoàn đều tử vong (Boeing 737 là một phi cơ bay an toàn trên khắp thế giới từ những năm 1960 mà không có một bộ máy báo động trường hợp động cơ không chạy).

Báo chí nói tới rất nhiều về những chiếc xe không người lái, và trong một vài năm nữa chúng sẽ là phương tiện di chuyển được ưa thích. Bạn thích ngồi trên một chiếc xe không người lái? Tôi thì không! Nếu thích, chúng ta sẽ đặt mình vào một vị thế dưới quyền của AI (Artificial Intelligence: thông minh nhân tạo)?

Bapak thường nhắc nhở chúng ta là latihan của Subud có thể giúp nhân loại giảm bớt ảnh hưởng và áp lực của thế giới vật chất mà đáng lí ra mình phải là chủ nhân.

Trong cuốn The Traveller's Companion của Ramzi Winkler có một chương về đề tài đó. Cuối những năm 1970 Ramzi trở về Cilindak sau khi tới Đức. Anh đưa cho Bapak coi một bài báo trong tạp chí Der Spiegel viết về việc máy vi tính sẽ làm cho nhiều người bị thất nghiệp vì lấy đi mất công ăn việc làm của họ. Bapak nhận xét đó chính là điều làm cho khoảng cách giữa người giàu kẻ nghèo càng lớn thêm.

Bapak còn nói: “Máy vi tính không có gì là hại, nhưng cách dùng nó thì có hại.”

Tôi thấy điều này hình như là chúng ta đang trên đà tuyệt đối phó thác mình cho sức mạnh vật chất, bằng cách tin cậy AI hơn tin cậy chính mình?

James Lovelock, một nhà khoa học độc lập, nói rằng “chúng ta phải sợ AI hơn là sợ sự biến đổi của thời tiết.”

Điều trích dẫn dưới đây là từ một buổi nói chuyện của Bapak tại Wendhausen ngày 29 tháng 7 1977:

Hiển nhiên Thượng Đế không cấm cản sự tiến bộ của con người. Thượng Đế luôn thương xót ta và cho phép ta được tiến bộ. Điều đó là cần thiết cho con cháu chúng ta. Dù tiến bộ xa tới đâu đi nữa, chúng ta cũng nên luôn nghĩ tới Thượng Đế và không được quên là chính Thượng Đế đã tạo ra vạn vật...



Một bài học trong Ramadan

Minh Thân dịch từ Subud Voice

Rachman Mitchell
July 2019

Ngay sau khi chúng tôi tới Wisma Subud trong năm 1967, Bapak gọi chúng tôi lúc 3 giờ sáng tới tụ họp nơi phòng tập latihan. Hôm đó là ngày thứ 21 của Ramadan, và Bapak cho biết đó là lúc Thiên Sứ Muhammed, khi đang trai giới trong một hang động bên ngoài thành phố Mecca, lần đầu tiếp nhận được kinh Quran 14 thế kỉ trước đây.

Một vài ngày sau đó, trong khi chúng tôi tụ họp trước lúc latihan, Bapak bảo Asikin Alawi và tôi đứng lên để tiếp nhận nguyên do khiến trai giới và lợi ích của nó.

Tôi cảm thấy một sự tăng cường của latihan, và nói điều mình tiếp nhận là như vậy. Bapak chỉ nói thêm như vậy làm cho tính tình tôi được thanh lọc.

Bapak liền bảo tôi trải nghiệm nguyên do khiến trai giới mỗi Thứ Hai và Thứ Năm: tôi cảm thấy cảm xúc mình như được làm cho vững mạnh và cương quyết. Bapak nói điều đó giúp tôi đạt được điều mình muốn hay cần. Tôi quyết định trai giới theo cách đó để kiếm được một việc làm khiến được gần cận Bapak tại Indonesia. Sáu tháng sau tôi đạt được mục tiêu mình.

Tôi đã theo nhịn Ramadan trong 52 năm, trừ một lần duy nhất là không nhịn.

Theo kinh nghiệm của tôi, Ramadan vừa khó, vừa dễ chịu và khiến vui sướng; hai điều đó liên quan với nhau khiến phải mất thời gian tôi mới được yên tĩnh và không lãng trí, để tập trung vào những gì cần phải làm, khi tôi bắt đầu cảm thấy khá mệt.

Lúc giữa Ramadan tôi cảm thấy khá nặng nề, hay có gì đó cản trở không cho mình đi lên một chút tới một nơi chốn nhẹ nhàng hơn của Bản Ngã. Sự cản trở đó tôi cảm thấy là do sự thiếu vắng của tính độ lượng và cái khả năng ban tặng, thương mến và thông hiểu những người khác. Tôi không thích những gì bị lộ diện, nhưng đó là điều khiến khởi phát những động tác tẩy lọc của thể chất và cảm xúc, như trong latihan.

Những cái đó trở nên sâu rộng hơn và thông thường, khi đụng tới óc não tôi. Thượng Đế hay Allah không còn là một từ ngữ hay ý niệm, mà thành một sự Từ Tâm sống động, khiến tôi cúi cái đầu trống không những ý nghĩ thông thường của mình.

Tôi cảm thấy ăn năn hối hận có ý định để ý nhiều hơn tới lối cư xử của mình và hạn chế những ý nghĩ và lời nói phê phán, để cho tình thương nơi mình (và nhân danh mình) được biểu lộ.

Bapak có những lời khuyên với những trải nghiệm giúp ta sống một cách sâu rộng hơn, đầy đủ hơn, nhưng với tôi cái món quà Bapak tặng cho tôi trong 52 năm qua là quan trọng hơn.

Một ân phước trong Ramadan

Minh Thần dịch từ Subud Voice

Mardiyah Tarantino
July 2019

Hôm đó là một ngày vui vẻ lúc cuối Ramadan. Tôi tự khen mình là đã kiên trì cho tới khi đó, và tự nói với mình đó là một trai giới tốt đẹp. Tôi quyết định một chuyện mình đã có ý làm: đến thăm Ismana.

Tới căn nhà để thương của Ismana thì phải đi trên một con đường Fatmawati đông người và ồn ào, qua những chiếc betjak ba bánh, những warung (quán nước) lụp xụp, khói xe của những xe hơi và xe vận tải cũ kỹ. Sự có mặt của tôi làm cho Ismana ngạc nhiên, vì chị không ngờ tôi đến.

Tôi cảm thấy trong đầu mình có một dấu hỏi thật lớn: mình có thể muốn gì?

Tôi nói với Ismana là mình rất cần phải có một latihan đặc biệt và làm trắc nghiệm với chị (hiện nay tôi cũng không hiểu tại sao), như vậy thì chị có chiều ý tôi hay không.

Cái latihan đó thật thoải mái, tôi vui sướng đến nỗi phải tạ ơn chị. Tôi chào tạm biệt chị và đi lại trên con đường Fatmawati -vừa đi chân sáo, vừa ngâm nga một giai điệu tôn vinh Thượng Đế đã cho phép gặp một phụ nữ mà mình cảm thấy thân cận.

Tâm hồn đang tràn đầy sự tạ ơn thì ôi thôi! Tôi bị đụng mạnh vào đằng sau, từ điều tôi chắc chắn là một chiếc xe vận tải. Tôi bị bắn qua một con đường nhỏ cách đó vài thước. Một cách chậm chạp thật chậm chạp, tôi nhìn lên phía người lái taxi đứng gần mình, và nhận thức được đó không là một chiếc xe vận tải.

Điều khiến tôi ngạc nhiên là y đã không bỏ chạy, mà đã dừng xe lại để giúp tôi. Y khẽ nhại mồ hôi, hai tay siết chặt.

- Ma'af, Nona, y nói, tôi sẽ đem bà tới bệnh viện Fatmawati, ngay trên con đường này.

Tôi hoảng sợ lùi xa y. Điều mọi người đều hay là cơ may được lành mạnh xuất viện từ đó không có là bao. Đó là một nơi chốn mà mạng người không được coi là một món hàng quý giá. Dân

số Jakarta đã gia tăng theo một nhịp độ không còn giới hạn, nên nhân viên bệnh viện thấy như vậy là có lý hơn: để cho bệnh nhân chảy máu và chết dần chết mòn trong phòng đợi.

Tôi kinh khiếp là y nằng nặc đòi. „No, no, please! Not Fatmawati,” tôi cầu khẩn. Y sửng sốt. Y không biết phải làm gì với bà ‘Bulet’ (người đàn bà da trắng) này, một kẻ chắc chắn sẽ khiến y xui xẻo?

- Đem tôi về Wisma Subud, tôi khẩn nài.

Y làm theo yêu cầu của tôi, và đem tôi gần tới nhà mình. Cho tới lúc đó tôi còn thấy đau. Cái Ramadan yên bình bị tiêu tan vì cơn rú đau đớn -các con tôi cho tôi hay- và bởi những lời rửa của tôi không tiện in ra ở đây vì sự thiêng liêng của tháng Ramadan.

Sau khi nắn bóp cơ thể tôi, người ta thấy không có gì đã bị gãy. Cơn đau không thể chịu đựng trong những ngày kế tiếp không do xương gãy, mà do hai sỏi đá dính vào da đầu gối và tay.

Luân lý của chuyện đó? Tôi nghĩ là người Java sẽ nói: “Đừng bao giờ buồn quá, hay vui quá,” và tôi còn nói thêm là đừng trông đợi những kết quả của Ramadan trước khi có gì thực sự xảy ra.



Buổi nói chuyện của Sharif Horthy tại Kaliningrad

Minh Thần dịch từ Subud Voice

October 2019



Sharif Horthy (nguồn internet)

Chào mọi người! Tôi vui mừng khi chị Elsa yêu cầu tôi có buổi nói chuyện này. Chị yêu cầu tôi nói tới những điều quan trọng mà mọi người có thể ghi nhớ.

Là một người đã từng học và thích môn vật lí, nên tôi có khuynh hướng trở về với những nguyên lí đầu tiên. Trong Subud những nguyên lí đầu tiên và căn bản là những kinh nghiệm của chính mình. Trong trường hợp của tôi, đó là 61 năm theo tập latihan, 17 năm làm thông ngôn cho Bapak, và 22 năm làm việc với ban dịch thuật để xuất bản những bài nói chuyện của Bapak. Tôi cũng tham gia vào một số những kinh doanh Subud, nhưng hầu hết đều thất bại.

Với tôi nguyên lí căn bản số một trong Subud là những gì Bapak nói với chúng ta là rất quan trọng cho chúng ta để hiểu. Tôi không thể tin rằng người đã mất biết bao công lao

về một điều chẳng có giá trị gì.

Vậy nên, yếu chất những gì Bapak nói với chúng ta trong suốt những năm qua là gì?

Theo tôi, đó là cái khuôn hình của Bapak về sự sống, cái hệ thống cấp bậc của những sức mạnh hiện hữu trong vũ trụ.

Người luôn giải thích rằng hiểu được những sức mạnh đó không là tin những gì Bapak nói mà cho là 'Đúng vậy, sức mạnh vật chất là như vậy...' Không, người luôn lưu ý chúng ta rằng chính chúng ta phải tự mình nghiệm thấy, để nhận biết và quản lí những sức mạnh đó.

Ngay cả trong cuốn Susila Budhi Dharma, những vần thơ rất đẹp bằng tiếng Java mà Bapak thông ngôn thành tiếng Indonesia, chúng ta phải tập trung vào việc hiểu được những sức mạnh nơi bên trong mình.

Cho tôi được nói thêm một chút: tôi thực sự tin rằng những giảng giải của Bapak chứa đựng những chân lí mà nhân loại cần cho hàng ngàn năm sắp tới, hay bất cứ gì là vậy, cho tới khi có một Bapak mới, hay một thiên sứ mới, hay cái gì đó mới.

Có lần Bapak nói riêng với tôi rằng đời sống mỗi vị thiên sứ như Abraham, Moses, Chúa Giê-Su, Muhammed và tất cả những vị khác là một khuôn mẫu cho các môn đồ họ: người Thiên Chúa giáo nên tìm cách được như Chúa Giê-Su, người Hồi giáo như Thiên Sứ Muhammed và vân vân.

Người không nói gì khác thêm, và người luôn nhấn mạnh mình không là một thiên sứ -nhưng tôi cũng tức khắc chợt hiểu được rằng, với hội viên Subud, người là một khuôn mẫu về cách chúng ta thành một con người.

Tại sao Subud đã không bành trướng?

Những người trong Subud thường hỏi tôi tại sao tôi lại nghĩ là Subud đã không bành trướng. Tôi thường trả lời sự thật là nó đã không bành trướng, vì những hội viên tích cực hiện nay cũng như những hội viên cách đây 50 năm, khi tôi mới vào Subud. Nhưng cũng có điều tốt đẹp này là chúng ta đã có thể giữ cho Subud được tinh trong, theo cách Bapak đã truyền lại, và đó là điều ít khi có trong các truyền thống và tôn giáo.

Nhưng ở đây tôi không có ý làm chúng ta được an tâm, mà trái lại là khác. Vậy nên tại sao nó đã không bành trướng?

Những lời nói này là của một người bạn Mác-Xít. Có lần anh cho tôi hay tại sao mình là một người Mác-Xít, rồi nói thêm vấn đề với thuyết Mác-Xít là người ta chưa từng thử dùng nó.

Tôi cảm thấy Subud cũng như vậy, vì cho tới nay chúng ta đã chưa thử dùng nó -hay hầu như hoàn toàn chưa dùng- những gì Bapak đã khuyên chúng ta làm trong những nói chuyện.

Bapak giảng giải cho chúng ta về các sức mạnh, trong đó có sức mạnh vật chất mà chúng cần để làm việc với những vật chất trên thế gian. Nhưng khi bị ảnh hưởng của nó, chúng ta thiếu lòng thấu cảm, thiếu ý thức -tất cả những gì thành một con người đích thực là người.

Kể đến là sức mạnh thực vật từ thế giới thảo mộc, sức mạnh thú vật từ động vật và sức mạnh con người là sức mạnh của người ta.

Tôi may mắn được làm việc chung với một nhóm bạn bè trong một cơ sở mà chúng tôi đã thành lập chính để thực hành những lời khuyên của Bapak.

Chúng tôi thường xuyên thắc mắc về các sức mạnh, nó là gì và như thế nào và vân vân. Theo tôi nghĩ, nhiều người trong chúng ta đã tập latihan được mấy chục năm, nên cảm thấy được một phần nào đó những sức mạnh đó là có thật, hiểu được một phần nào cách nó hoạt động như thế nào, và người thấy được nó khi nó đang hoạt động nơi bên trong mình.

Tuy nhiên, theo tôi thì điều này rất quan trọng; tôi khuyên tất cả các bạn và những nhóm tại đây, bất cứ ai các bạn quen biết trong Subud mình có thể liên lạc, nên thường xuyên làm điều này là thắc mắc về các sức mạnh hạ đẳng, để cảm nhận và quản lí được nó, nó là gì và vân vân, bởi với tôi đó là một trong những căn bản của Subud.

Tôi nói như vậy là vì tương lai của Subud nơi đây, bởi một trong những điều tôi hiểu được từ thắc mắc về sức mạnh con người nên là động lực của óc não, chứ không là vật chất.

Tôi xin được giải thích thêm về một điều có thể khiến khó hiểu.

Bapak nói tới sức mạnh con người, rồi tới sức mạnh Rohani, sức mạnh con người toàn thiện thuộc một trình độ cao hơn, từ bên ngoài cái thế gian này. Đó là điều chúng ta cảm nhận được trong latihan, khi chúng ta cảm thấy một sự thanh bình sâu sắc, trong đó tất cả các vấn đề của mình đã mất hết, và tất cả những gì mình cảm thấy là tình thương của Thượng Đế đối với mình và tình thương của mình đối với Thượng Đế.

Nhưng cái sức mạnh thông thường của con người, mà Bapak gọi là sức mạnh của cơ thể con người, trình độ của nó thấp hơn vì thuộc về cái thế gian này. Đó là cái sức mạnh chúng ta dùng trong đời sống hằng ngày, và theo sự tiếp nhận của tôi, sức mạnh con người là sức mạnh khiến ta hiểu được cái thế giới chung quanh mình, nhưng sự hiểu biết đó đòi hỏi nỗ lực.

Vài năm trước đây, Ibu Rahayu đã nói một điều làm cho nhiều người bị sốc - đó là Subud không những đòi hỏi sự tiếp nhận được latihan, mà còn cả nỗ lực.

Theo kinh nghiệm phụ tá của tôi, trong Subud ta rất dễ bị mắc kẹt trong sức mạnh thực vật, vì chợt cảm thấy mình được giải thoát khỏi sự nặng nề của vật chất.

Theo tôi, đó là điều đã xảy ra tại những xã hội Tây phương trong những năm 1960, khi giới trẻ phát hiện được ma túy. Chợt nhiên họ cảm thấy được thoát khỏi tình trạng tuân thủ (conformism) cùng với sự đấu tranh sinh tồn và việc kiếm tiền vân vân. Đó là sức mạnh thực vật.

Hiển nhiên, Bapak không có ý cho tất cả chúng dừng lại ở cái trình độ đó, nhưng may ra chúng ta đạt tới trình độ con người trên con đường đi khỏi cái thế gian này.

Theo kinh nghiệm và sự hiểu biết của tôi về trình độ con người, đó là cái quyền lực Thượng

Để ban cho chúng ta để phân tích những gì xảy ra chung quanh mình, để suy tính, hiểu biết và tương tác với những cái đó theo cách của con người. Và ta không thể làm được điều đó với trình độ thực vật, theo đó ta trở nên lười biếng, yêu thích hay thù ghét mọi người -và không muốn suy nghĩ gì nhiều về bất cứ gì. Thực vậy, ta cảm thấy mình nên tránh suy nghĩ, không thì sẽ bị đẩy xuống thế giới vật chất.

Tôi chắc chắn là các bạn, cũng như tôi đây, đã từng nghe nói tới điều này trong Subud: “Ôi thôi, bạn suy nghĩ nhiều quá! Cứ tỏ ra thư thái thì mọi việc sẽ tốt đẹp.”

Vậy, ý của tôi là gì khi tôi nói chúng ta chưa từng thực sự thử dùng những lời khuyên của Bapak?

Bapak cho thấy rõ, rất rõ, trong suốt đời người trong Subud là chúng ta nên kinh doanh, và người giải thích kinh doanh gồm hai thành phần.

Thành phần thứ nhất: „Năng khiếu của tôi là gì?“ Nếu cảm thấy hạnh phúc khi cắt tóc cho thiên hạ, tôi không nên tìm cách điều hành một công ty. Nếu thích cộng những con số, tôi không nên là một họa sĩ, hay điều gì như vậy.

Thành phần thứ hai là kĩ năng và kiến thức. Vậy, nếu nhận thấy thiên tính của mình là thích giúp thiên hạ với những vấn đề tâm lí của họ, thì bạn phải học môn tâm lí học trước khi hành nghề.

Thượng Đế không chỉ cho chúng ta những kiến thức mà nhân loại đã thu thập được trong mấy trăm năm qua để chẳng làm gì hết. Ta cần phải dùng những kiến thức đó, phải cố gắng lên một chút.

Theo kinh nghiệm của tôi về tất cả những kinh doanh Subud mà tôi đã tham dự, chính những kinh doanh trong đó người ta biết mình đang làm gì thì sẽ dễ thành công. Trong việc này, tôi xin bày tỏ lòng trọng vọng đối với anh Hadrian Fraval, anh vừa qua đời sáng nay, vì theo tôi anh là một trong những người lập nên một kinh doanh đã thành đạt.

Điều tôi muốn nhắc tới là những gì Bapak luôn nói với chúng ta: trước hết là kiếm tiền, và kế đến là đem nó cho người ta.

Người nói hãy để cho hội viên Subud làm kinh doanh, rồi số tiền thừa thãi của họ không chỉ là để tài trợ cho Subud -Subud không cần gì nhiều, chỉ cần những chỗ tập latihan- thế nên, chúng ta nên giúp đỡ những người khác với bất cứ gì mình có thể làm.

Chúng ta có Susila Dharma, một trong những tổ chức xưa nhất, thành công nhất của Subud; nó đã làm những chuyện đáng làm là giúp cho những dự án từ thiện của hội viên Subud trên khắp thế giới. Subud đã không chi tiền là bao, hầu hết tiền bạc là do, chẳng hạn, Cộng Đồng Âu Châu, hay những quỹ tài trợ nào đó của Na Uy, hay bất cứ gì...Theo tôi, điều đó thật đáng mừng, vì Susila Dharma chắc chắn đã học hỏi được rất nhiều trong thời gian làm từ thiện, nhưng đó không là những gì Bapak mong muốn.

Điều Bapak mong muốn là chúng tự cấp tiền cho mình.

Cái đề tài trọng đại này tất cả các bạn đã quen thuộc, và tôi biết chắc những gì mình nói không

là gì mới lạ, nhưng tôi không thấy có nhiều điều xảy ra nơi đây. Có điều chắc chắn này là nếu muốn cho Subud nơi đây khá hơn mai sau, thì kinh doanh là phải là trụ cột.

Còn có một đề tài khác mà tôi cho là quan trọng...

Bapak đã mất nhiều thời gian trong đời mình để lập nên một tổ chức của Subud, và cho tới nay, như tôi đã nói, sự thành công của nó là duy trì cho mình được tinh trong như lúc ban đầu.

Nhưng nó thiếu khả năng làm nên được bất cứ gì. Hình như nó thiếu tính liên tục và mục đích. Tất cả các tổ chức của loài người đều là một cuộc chiến gay go giữa hai thành phần: cởi mở và liên tục. Tôi không thấy có sự liên tục trong cái tổ chức Subud hiện nay của chúng ta.

Tôi đã làm việc trong một cơ sở trong 24 năm qua của những hội viên Subud tìm cách đem ra dùng những lời khuyên của Bapak. Nhóm chúng tôi đã cùng nhau làm việc trong 17 năm.

Chúng tôi bắt đầu với việc thực sự chẳng biết mình đang làm gì, nhưng cho tới nay chúng tôi đã đạt được những điều mình không thể tưởng nổi.

Đó là một điều tôi mong các bạn sẽ nghĩ tới.

Theo ý tôi, Subud không có những thể chế có tính liên tục để đạt được điều gì đó trên thế gian. Tôi thấy tổ chức của chúng thiếu hẳn cái cột trụ đó, và ngay cả nơi đây chúng ta cần phải khái niệm hóa một vài thành tố tính liên tục dài lâu của việc làm mình.

Chẳng hạn, tôi nhận thấy nhiều quốc gia có những dự án Subud tuyệt vời, trong đó thiên hạ bỏ tiền và sự yêu thích của mình vào việc làm một điều gì đó, và họ đã đạt được điều gì đó đáng kể. Nhưng không có một thể chế nào để sở hữu những dự án đó, nên khi người ta cảm thấy mệt mỏi, hay qua đời, hay không muốn làm nữa, thì dự án đó bị phó mặc cho số phận nó để trở thành điều gì chẳng ai biết tới trên thế giới. Tôi có thể kể ra đây 20 hay 30 dự án như vậy của Subud, và đó chỉ là một thí dụ.

Tại Lewes chúng tôi có một trường học lập nên bởi những phụ huynh Subud muốn có cái gì khác với những trường của nhà nước. Chúng tôi đã tài trợ cho họ vì rất quan tâm tới giáo dục, cách giáo dục trẻ thơ thành những người có nhân tính.

Nhưng Subud không sở hữu ngôi trường đó, nên chúng tôi không thể ưu tiên cho những giáo viên Subud, như vậy thì nó không thể trở thành một trường học Subud theo định nghĩa của Bapak, trong đó các giáo viên đều theo tập latihan. Nếu ngày nào đó chúng ta lập nên những trường học Subud, những bệnh viện Subud, thì Subud phải sở hữu những cơ sở đó.

Do đó mà tôi nghĩ là chúng ta cần phải dùng sức mạnh con người và óc não mình để đề ra những thể chế có khả năng tạo được những gì là tài sản của chính mình.

Đó là một trong những gì thiếu thốn mà tôi thấy chúng ta cần phải duy trì điều gì có tính liên tục trong tổ chức của mình.

Về việc truyền bá Subud...

Trong lúc làm hội trưởng tôi có một chứng nghiệm kỳ thú trong latihan: tôi được chỉ cho thấy sự bành trướng của Subud sẽ xảy ra tùy theo khả năng của nội tâm mình.

Theo kết luận của tôi, điều sẽ xảy ra do kết quả của việc latihan chúng ta trở nên thâm sâu hơn, mỗi cá nhân chúng ta. Vậy nên nếu chúng ta muốn giúp cho Subud bành trướng, thì đó không là đi giảng đạo cho thiên hạ nơi chợ búa, mà là có một không gian trong lòng mình, một không gian đón mở trong lòng, nơi từ đó cuộc sống mình sẽ tỏa sáng.

Đó là một vài điều tôi muốn chia sẻ cùng các bạn. Tôi không muốn dài dòng, vì các bạn sẽ phải suy tính, đề ra những chuyện sắp tới.

Xin các bạn tha thứ cho tôi, nếu tôi đã nói những gì khiến các bạn cảm thấy bị xúc phạm -những điều đó thì chắc chắn là có. Chắc chắn tôi đã nói những gì sai trái, nên xin các bạn tha thứ cho.



Dịch thơ

Minh Thần phiếm luận

Trong văn chương Subud có khá nhiều những bài thơ hay, kể cả những bài thơ của Bapak và những gì trong Susila Budhi Dharma đáng lí phải là những vần thơ. Nhưng từ trước tới nay tất cả đều được dịch nghĩa ra tiếng Việt, chứ không ra thơ, và điều khiến ngạc nhiên là chúng ta không thiếu những tài năng xuất khẩu thành thơ.

Dịch thành thơ thì tất nhiên phải hy sinh nghĩa vì vần điệu của câu thơ, như bài thơ dưới đây của Edmond Haraucourt(1856-1941).

RONDEL À L'ADIEU

Partir, c'est mourir un peu,
C'est mourir à ce qu'on aime:
On laisse un peu de soi-même
En toute heure et dan tout lieu

C'est toujours le deuil d'un voeu,
Le dernier vers d'un poème:
Partir, c'est mourir un peu,

Et l'on part, et c'est un jeu,
Et jusqu'à l'adieu suprême
C'est son âme que l'on sème,
Que l'on sème à chaque adieu:
Partir, c'est mourir un peu.

Dịch nghĩa thì có thể như sau:

KHÚC RÔNG ĐÔ GIÃ BIỆT

Ra đi, nghĩa là chết một ít,
Chết cho những gì yêu thương:
Ta gửi lại một chút ta ở lại
Mỗi nơi, mỗi phút trên đường.

Mãi mãi là tang lễ niềm ước nguyện



Câu cuối cùng một bài thơ:
Ra đi, nghĩa là chết một ít
Đem hồn mình gieo gửi muôn nơi

Nhưng ta vẫn ra đi, như một trò chơi
Cho đến lần giã từ cuối chót
Gieo gửi mỗi lần giã biệt:
Ra đi, nghĩa là chết một ít

Bài đó Xuân Diệu đã dịch thành thơ:

YÊU

Yêu, là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu?
Cho rất nhiều, song nhận chẳng có bao nhiêu:
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.

Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt,
Tưởng trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!
Yêu, là chết ở trong lòng một ít

Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt,
Những người si theo dõi dấu chân yêu;
Và cảnh đời là sa mạc vô liêu.
Và tình ái là sợi dây vướng vít.
Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

Bài thơ của Xuân Diệu có những nghĩa hoàn toàn không có trong bài thơ tiếng Pháp, nhưng người ta có thể tha thứ cho ông vì là một bài thơ. Và lại, cũng khó giữ được nghĩa vì sự khác nhau rất xa của hai ngôn ngữ là tiếng Pháp và tiếng Việt. Tiếng Việt gần với tiếng Hán, nên khi dịch thơ từ tiếng Hán qua tiếng Việt, người dịch ít khi phải hy sinh nghĩa. Như hai bản dịch dưới đây một bài thơ của Lý Bạch:

Tĩnh dạ tứ

Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghị thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đề đầu tư cố hương.

Nỗi nhớ trong đêm vắng

Đầu giường trăng sáng soi.
Ngõ là sương trên mặt đất.
Ngẩng đầu nhìn vầng trăng sáng,

Cúi đầu lại thấy nhớ quê nhà.
(*Dịch nghĩa*)

Trông trăng dọi trước giường
Những ngõ đất mù sương
Ngủng đầu nhìn trăng tỏ
Cúi đầu nhớ cố hương
(*Lê Nguyễn Lưu dịch thơ*)

Đầu giường ánh trăng rọi,
Mặt đất như phủ sương.
Ngủng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.
(*Tương Như dịch thơ*)

Tuy nhiên, tùy theo tài năng của người dịch, thì vẫn có thể

giữ được một phần nào nghĩa của nguyên bản, như trường hợp bản dịch một bài thơ Phật giáo bằng tiếng Anh qua tiếng Việt dưới đây.

AMITABHA!

Thou who liveth within my heart,
Awaken me to the immensity of thy spirit,
To the experience of thy presence!
Deliver me from the bonds of desire,
From the slavery of small aims,
From the delusion of narrow egohood!
Enlighten me with the light of thy wisdom,
Suffuse me with the incandescence of thy love,
Which includes and embraces the darkness,
Like the light that surrounds the dark core of the flame
Like the love of the mother that surrounds
The growing life in the darkness of the womb,
Like the earth protecting the tender germ of the seed.
Let me be the seed of thy living light!
Give me the strength to burn the sheath of selfhood,
And like the seed that dies in order to be reborn
Let me fearlessly go to the greater life:
The all-embracing life thy love,
The all-embracing love thy wisdom.
(*Lama Anagarika Govinda*)

SÁM NGUYỆN A DI ĐÀ

Hình bóng người trong trái tim con,
Đánh thức con đại nguyện vô bờ,
Con cảm ứng từ quang uyên chuyển!
Giải thoát con trầm luân dục vọng,
Giải thoát con nô lệ trần lao,
Đoạn tuyệt hết ngã chấp vọng tưởng!

Cho con thấy tịnh quang diệu trí,
Nhỏ xuống đời nguyện lực từ bi,
Chiếu khắp cùng bóng đêm địa ngục,
Như hào quang viên quanh ngọn lửa,
Như tình yêu của mẹ bao la
Sáng quanh bóng tối của bào thai,
Để con lớn trong tình mẫu tử,
Như mặt đất dịu ngọt nuôi mầm.

Lạy Phật cho con làm giống!
Lớn lên trong ánh sáng của người,
Cho con dũng lực phá ngã thân,
Để được tái sinh trong kiếp khác,
Cho con vô úy qua cửa tử:
Nguyện sống trong thế giới từ bi
Nguyện hướng về trí huệ của Phật.

Mong cho trong tương lai sẽ xuất hiện một tài năng dịch Susila Budhi Dharma thành những vần thơ tiếng Việt!



Phỏng vấn Alina von Hahn một bạn trẻ Subud 19 tuổi

Minh Thần dịch từ Subud Voice

September 2019



Tôi sinh ra tại Vancouver và lớn lên tại một thành phố gần đó tên là White Roch. Tôi là hội viên Subud thế hệ thứ ba; ông bà tôi, nội và ngoại, đều trong Subud, cũng như má tôi, Delia, và ba tôi, Raynard.

Tôi có ba chị em: cặp sinh đôi Adena và Casey, 23 tuổi, và Michelle, 15 tuổi. Chúng tôi lớn lên trong một bầu khí Subud luôn là thành phần gắn bó với đời sống mình. Chúng tôi dự rất nhiều những buổi cắm trại Subud mà tôi rất thích khi nhớ lại.

Theo mình thấy thì bạn được khai mở tại Freiburg

Đúng vậy, năm ngoái, 2018, một năm trọng đại đối với tôi. Tôi học xong trung học, và ngay sau đó đến Tây Ban Nha du lịch. Tôi du lịch khắp thế giới, và may mắn được ở chung với những gia đình Subud tại bất cứ đâu mình tới, và còn kết thân với con cái những gia đình đó.

Đó là một chuyến du hành với những gì đối nghịch nhau nhưng rất thú vị. Chẳng hạn, tôi lưu lại Madrid là một đô thị sống động; tôi lưu lại tại cộng đồng Subud ở Orgiva là một nơi chốn hẻo lánh, tươi mát và yên lành. Từ Tây Ban Nha tối đi

thắng tới Freiburg dự hội nghị, và đúng vậy, tại đó tôi được khai mở.

Điều gì khiến bạn chuyển tới London?

Sau khi tại Freiburg, tôi trở về Canada không biết mình phải làm gì sau đó. Tôi biết mình không muốn vào đại học, và trong cái latihan thứ nhì sau khi về nước, tôi mãnh liệt cảm thấy mình nên tới dự hội nghị ở Anh.

Tôi biết điều mình cảm thấy là chân thực, bởi đó cũng là sự nối kết thâm sâu của nội tâm khi tôi quyết định cho mình được khai mở. Vậy nên, chỉ về nước được một tuần thì tôi lại đi dự hội nghị ở Anh.

Tại hội nghị tôi làm trắc nghiệm với một vài phụ tá về chuyện nên làm gì tiếp theo đó. Hình như tôi đang đứng tại một ngã ba với những lựa chọn khác nhau, nhưng tôi không biết phải lựa cái gì. Tôi nên du hành tiếp? Nhưng kết quả của trắc nghiệm là tôi nên ở lại Anh và tìm một việc làm trong ngành thời trang.

Bởi lai lịch mẹ tôi ở Anh, và và tôi cũng có nhiều người thân và bạn bè ở Anh. Một người bạn mẹ tôi giúp tôi kiếm được một việc làm rất tốt của một kẻ học nghề tại một công ty bán sỉ những đồ thời trang.

Đời sống Subud bạn tại London như thế nào? Nơi đó có những bạn trẻ khác?

Đời sống Subud của tôi rất khá. Tôi đi tập latihan đều đặn, và đang làm quen với những hội viên của nhóm Subud Central London. Có một vài hội viên trẻ ở London, nhưng phần đông các hội viên đều hơn tôi 20 hay 30 tuổi. Đương nhiên, trà trộn với những hội viên lớn tuổi là điều tốt, nhưng có nhiều hội viên trẻ cũng là điều thú vị.

Có những bạn trẻ Subud khác ở Anh, nhưng họ ở nơi này nơi kia, và may mắn là chúng tôi có thể gặp nhau một hay hai lần trong năm qua. Trong những tháng vừa qua, chúng tôi gặp nhau tại một công viên thật tuyệt vời ở Wales. Chúng tôi cùng nhau vui chơi. Chúng tôi làm những chuyện như đi bộ đường dài, bơi lội và lướt sóng. Mỗi ngày được sống trong thiên nhiên thì thật tuyệt vời.

Bạn nghĩ thế nào về việc có những con cái hội viên Subud không vào Subud?

Có nhiều lí do tôi nghe nói tới khi nói chuyện với bạn bè về điều đó. Đôi khi thái độ của giới trẻ là „đó là chuyện của họ. Chuyện của người lớn, không của chúng ta!“ Một thái độ khác là sự xung đột giữa việc trong Subud và việc sống một cuộc đời bình thường của giới trẻ. Có những bạn bè nói với tôi: „Mình không thể vào Subud, vì mình thích dự những buổi liên hoan.“ Hoặc: „Mình thích cuộc sống hiện nay của mình; mình không muốn thay đổi, bởi vào Subud sẽ phải thay đổi.“

Thái độ của tôi là Subud không ngăn cấm ta làm những điều này nọ. Với tôi thì đó là một sự hướng dẫn. Tôi vẫn có thể vui chơi đi dự những buổi liên hoan. Nhưng Subud khiến tôi tự giác được đâu là những giới hạn của mình.

Đó là vui chơi, dự những buổi liên hoan, hưởng thụ đời người và tất cả những gì như vậy.

Mình còn nhớ đã từng gặp bạn tại Basara ở Kalimantan.

Tôi tới Basara với Adena và Casey. Đó là một lúc rất đáng kể với chúng tôi. Nói chung thì là một cảm tưởng tốt đẹp. Chúng tôi tự mình bước vào một thế giới khác. Tôi mở rộng tầm mắt mình về việc thế nào là Subud quốc tế.

Tôi cũng nhận thấy đặc tính của Indonesia, nhất là của Kalimantan. Chuyến du hành đó có những trải nghiệm thú vị, những cuộc thăm viếng những nơi chốn đẹp kỳ lạ. Tôi học hỏi được nhiều về cách những người khác sinh sống như thế nào. Chẳng hạn, khi tới đó lúc Giáng Sinh, tôi thấy có thể dự lễ Giáng Sinh theo một cách hoàn toàn khác với cách thường làm của mình.

Lúc Giáng Sinh, mọi người đều mở cửa nhà để mời mọc những người khác thưởng thức những món ăn tuyệt vời của họ. Ta chỉ việc đến từng nhà một để trò chuyện và ăn uống cùng họ.

Tất nhiên, với tôi thì cũng có rất nhiều những gì là tâm linh. Tôi cảm thấy đời sống tâm linh ở Indonesia rất phong phú và mãnh liệt.

Ý của bạn là gì với „những gì là tâm linh?“

Tôi luôn nhạy cảm với những gì mình thấy là có, và đôi khi có thể nhìn thấy những hồn ma. Ở Kalimantan tôi ý thức được là có ma quỷ. Một đêm nọ, khi về nhà, chị em tôi ý thức được là có ma quỷ đang đi theo mình, nên chúng tôi đã phải dừng chân để cầu nguyện. Tôi nhớ lại Bapak đã từng khuyên dặn là khi tới Kalimantan, ta nên nói „Tôi là một người con của Bapak“ thì ma quỷ sẽ biết được mình tới đó với mục đích gì nên mình sẽ không bị hại. Ta phải lễ phép và kính cẩn, như vậy thì sẽ được để yên.

Sau lúc Basara mình còn nhớ là đã thấy bạn ở Jakarta, đặc biệt lúc mọi người viếng thăm lăng mộ của Bapak.

Đúng vậy, đó là một trải nghiệm trọng đại đối với tôi. Chúng tôi đi khỏi Wisma Subud lúc 2:30 sáng vì phải đi suốt đêm. Chúng tôi đến một nơi chốn vô cùng yên bình. Tôi cảm thấy như đó là một thế giới khác, hẻo lánh và yên lặng, với tiếng chim líu lo. Tôi đi vòng quanh cầu nguyện trước một phần mộ; tôi không còn nhớ cái đó là của ai. Tôi nhận được thật rõ một thông điệp: „Cứ làm đi!“ Như không có vấn đề gì. Tôi chỉ việc làm. Tôi chỉ việc coi lại xem đó là cái nào. Khi đứng trước mộ Bapak, tôi nhận được một thông điệp: „Đừng quá nghiêm trọng. Cứ tỏ ra thư thái mà thưởng thức cảnh đẹp.“

Bạn có dự định và mơ ước gì cho tương lai?

Tôi dứt khoát muốn lập nên một kinh doanh thời trang của chính mình. Hiện nay tôi đang học nghề, và ngoài ra còn giúp bà mẹ tôi lập nên một công ty quần áo. Tôi giúp bà về chuyện tiếp thị và cũng là một người mẫu. Bà gửi cho tôi những bộ quần áo để chụp hình.

Điều quan trọng với tôi trong tương lai là tạo nên một công ty thời trang có khả năng tồn tại. Tôi muốn tạo ra những sản phẩm không làm hại môi trường, bằng cách chỉ dùng những gì của thiên nhiên, như thuốc nhuộm thiên nhiên, và những ai làm việc cho mình thì phải được trả

công sòng phẳng.

Như mọi người đều biết, trong kĩ nghệ thời trang thiên hạ bị bóc lột rất nhiều. Tôi không muốn có chuyện không được sòng phẳng, ngay cả khi điều đó khiến cho giá cả quần áo mắc hơn. Bởi giá cả một bộ quần áo phải phản ánh cái công lao tạo nên nó.

Bạn làm gì để vui chơi?

Đời sống của tôi ở London rất tích cực. Tôi tập hot yoga (một môn yoga tập trong một căn phòng nóng) mỗi tuần bốn lần, chơi môn Ultimate Frisbee (một môn thể thao) mỗi lần một tuần. Ngoài ra, tôi còn khiêu vũ, hiện nay chỉ là một thú tiêu khiển.



Tại sao tôi còn viết sách về Subud

Minh Thần dịch từ Subud Voice

Rozak Tatebe, Subud Voice September 2019



Tháng 10 2017, tôi xuất bản với bản tiếng Anh và tiếng Nhật một cuốn sách về latihan của Subud, một lối tu tập mới mẻ không là tôn giáo, cũng như không là thiền định, mà là một sự thanh lọc với sự hướng dẫn của Nguồn Đại Lực. Tôi viết lại đôi chút cho bản tiếng Anh: Latihan: A Path to the Great Life and a New Way to Purify the Soul.

Tôi viết hai cuốn đó vì sự việc tuy đã bành trướng tới 80 quốc gia trên thế giới, nhưng Subud vẫn còn ít được biết tới và bị hiểu lầm rất nhiều. Có lẽ đó phần nhiều là vì Subud không dễ gì được diễn tả bằng ngôn từ, và chúng ta cũng không được phép quảng cáo hay níu kéo thiên hạ.

Bapak mong rằng thay vì dùng lời lẽ để tuyên truyền, Subud sẽ được đại chúng chấp nhận vì những thành quả và sự thật hiển nhiên của nó: những gì hội viên góp sức cho thế giới

trong văn hóa và công tác xã hội. Hội viên đã vui lòng làm theo điều mong ước của Bapak nhưng chưa đạt được thành quả đáng kể.

Tôi viết sách để chứng minh là không đúng sự kiêu kỳ không thể dùng ngôn từ để giải thích Subud. Nên tôi đã dùng ngôn từ của chính mình, để diễn đạt cái toàn cảnh của Subud, theo những gì mình có thể làm được.

Thế nên, nếu bị chỉ trích là thiếu thận trọng, tôi đành phải chấp nhận. Như Bapak đã nói, Subud có bành trướng hay không là tùy thuộc ý Thượng Đế. Tuy nhiên, với những ai muốn hiểu biết điều gì đó trên cái thế giới này, thì họ phải học hỏi của những người khác. Cho những người muốn hiểu biết đó thì phải dùng phương tiện giao thông là ngôn từ.

Đó chính là động cơ khiến tôi viết sách. Thành thật mà nói thì có một động cơ khác: nỗi lo ngại nghiêm trọng của tôi về tình cảnh hiện nay của Subud.

Tôi được bổ nhiệm làm phụ tá quốc tế trong năm 1982. Mỗi năm tôi tới gặp Bapak tại Cilandak.

Chị Hartati Horthy, một nữ phụ tá, hỏi: “Bapak, tình trạng nhân loại sẽ ra sao?” Tôi nghe thấy Bapak đáp: “Nếu Bapak phải nói điều đó, mọi người sẽ thất vọng.” Một vài giây phút sau đó, Bapak nói tiếp: “Bapak không biết Thượng Đế đối xử với nhân loại ra sao, nếu họ không cầu xin Ngài cứu giúp.” Tôi kinh ngạc. Một cách bất ngờ, ba năm sau đó, Bapak qua đời ở tuổi 87, tuy người đã từng nói là mình sẽ sống tới hơn trăm tuổi -và tất cả chúng tôi đều tin như vậy.

Điều đó có nghĩa gì là điều ngoài sự suy đoán của tôi. Tuy những lời nói “nếu họ không cầu xin Thượng Đế cứu giúp” của Bapak là đề cập tới toàn thể nhân loại, nhưng tôi không thể không nghĩ trong đó có cả các hội viên Subud.

Tình cảnh của Subud hiện nay ra sao? Tôi không đủ tư cách để biết được đích xác tình trạng của Subud tại những quốc gia khác.

Có những lúc tôi nhận được những tin đáng mừng, nhưng theo những gì các bạn bè hải ngoại cho mình hay thì, nói chung, thật đáng chán.

Tôi biết Subud Úc hoạt động rất tích cực và số hội viên đang gia tăng, nhưng theo một người bạn tôi quen biết trước kia thì các hội viên lâu đời cảm thấy họ bị bỏ rơi, bị cô lập, vì mối liên hệ tâm linh giữa hội viên không còn chặt chẽ nữa, và cũng không có ai đến thăm họ. Một phụ tá Hà Lan nói rằng tuy số hội viên không có gì thay đổi nhưng những người đến tập latihan thì đã bớt đi rất nhiều.

Một phụ tá Mỹ, một phụ tá vùng lâu năm, viết cho tôi hay là Subud đã bắt đầu mang sắc thái của một tôn giáo, bằng cách coi những lời nói của Bapak là ưu tiên hơn mọi thứ, điều khiến cho Subud có thể đi theo một chiều hướng khác. Mặt khác, họ tìm cách quyết định ngay cả những chuyện tầm thường bằng cách trắc nghiệm, coi đó là một phương tiện để dễ dàng giải quyết các vấn đề. Nhưng đó lại điều làm cho hội viên mất đi cái động lực nhận được sự hướng dẫn của Thượng Đế trong nội tâm mình trong đời sống hằng ngày, giữa những lúc phải đối phó với những khó khăn.

Tôi cũng nghe một hội viên Nhật Bản vừa tới thăm Subud Đức, nhóm Subud tôi tin là mạnh nhất ở Âu Châu, nói rằng các hội viên đều lớn tuổi, còn những hội viên mới thì không có là bao, nên hậu quả là cái xu hướng giảm sút hội viên.

Trong điều này thì Subud Nhật Bản là tệ nhất. Vừa rồi, chúng tôi mất đi một trụ sở Subud. Nhiều nhóm địa phương không còn thể hoạt động, hay đã bỏ cuộc. Hình như hội viên Subud không biết những gì phải làm, để khắc phục tình trạng đó. Như ai đó đã nói: “Subud đang đi tới chỗ chết vì suy nhược, một cách yên lặng và an bình.”

Tôi không có một phương thuốc để cứu chữa. Nhưng đó phải chăng là điều để chúng ta phải tự hỏi mình lại một lần nữa Subud thực sự là gì, nhìn lại sự hiểu biết của mình về latihan. Tôi viết sách với hy vọng mình có thể giúp gì đó cho mục đích đó. Và tôi cũng sẽ tự hỏi mình về điều đó.

Thực ra, tôi đang nghĩ tới chuyện viết một cuốn sách khác. Cuốn đầu là về latihan, nên cuốn tiếp theo là sự nhìn nhận những gì Bapak đem tới cho chúng ta với latihan, cùng với quan niệm của tôi về cuộc sống và thế giới. Rất có thể sẽ có luôn cả những phê phán về nền văn minh hiện đại.

Richard Milles

Minh Thần dịch bài viết của Stéphanie Murill Subud Pháp do Barata & Sudharmi Sophie chuyển

Anh Richard thân yêu của chúng ta đã không được dịp hưởng thọ 100 tuổi, như điều chúng ta mong ước...Như chị René, vợ anh, anh đã ra đi trong một ngày Chủ Nhật, và điều chúng ta mong ước là chị sẽ đến đón anh...

Ang đã có một cuộc sống dài lâu và êm đẹp với chị René. Họ đã trải qua những nỗi vui buồn của đời người trong sự kiên cường của đức tin và theo tập luyện. Với tôi là một kẻ đã quen biết họ ở Benaix, họ là khuôn mẫu của một cặp vợ chồng luôn có bên nhau, trừ trường hợp họ phải xa nhau vì cái chết, và bây giờ lại được gặp nhau. Tôi còn giữ những kỷ niệm êm đẹp và mặn nồng về những lúc cuối tuần chúng tôi cùng nhau trải qua ở Benaix...Tôi coi họ như ba má mình và đồng thời là một cặp khùng long của Subud mà mình học hỏi được rất nhiều...!

Như những ai đã quen biết họ, tôi có thể nói về họ trong nhiều tiếng đồng hồ...Anh Joseph đã viết một cốt truyện rất đẹp về chị René...có lẽ ai đó sẽ có cảm hứng thuật lại cuộc đời phi thường của anh Richard...

Tôi được đặc ân gặp anh Richard một lần cuối, Thứ Tư ngày 30 tháng 10...một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi trong lúc tới thăm phần mộ song thân tôi. Anh không nhận ra tôi, nhưng điềm nhiên chịu để cho tôi dẫn anh đi dạo, với chiếc xe lăn của anh.

Hôm đó trời mát đẹp, những thân cây bên cạnh nhà dưỡng lão trang hoàng những màu sắc óng ánh của mùa thu, với hậu cảnh một nền trời màu xanh làm cho chúng trở nên sáng rõ hơn.

Tôi nói với anh „bác nhìn kìa, những màu sắc đó trông thật đẹp“ và anh đáp „ừ nhỉ, đẹp thật“ với một chút vui sướng trong giọng nói.

Tôi hái cho anh một chiếc lá lớn màu của vàng, anh cầm nó như một chiếc hoa, và tôi đã chụp một tấm hình với một máy chụp mang theo.

Chúng tôi dừng lại trong một lúc để chiêm ngưỡng phong cảnh mùa thu...và tôi lâm râm hát như để ru ngủ anh.

Tôi nhẹ nhàng trù mến hôn anh một vài lần, mà không hay đó là những cái hôn cuối cùng, và tôi đã đem anh về phòng để ăn trưa. Anh còn cầm trong tay chiếc lá màu của vàng, và cô trợ tá tế nhị nói „chiếc lá này trông thật đẹp, tôi tạm cất nó đi và sẽ trả nó cho ông, sau khi ông ăn uống xong.“

Tôi âm thầm ra đi để hưởng những giây phút quý báu và êm đẹp mà chúng tôi vừa trải qua bên ngoài, và cũng bởi cô em tôi đang đợi tôi để đi ăn uống.

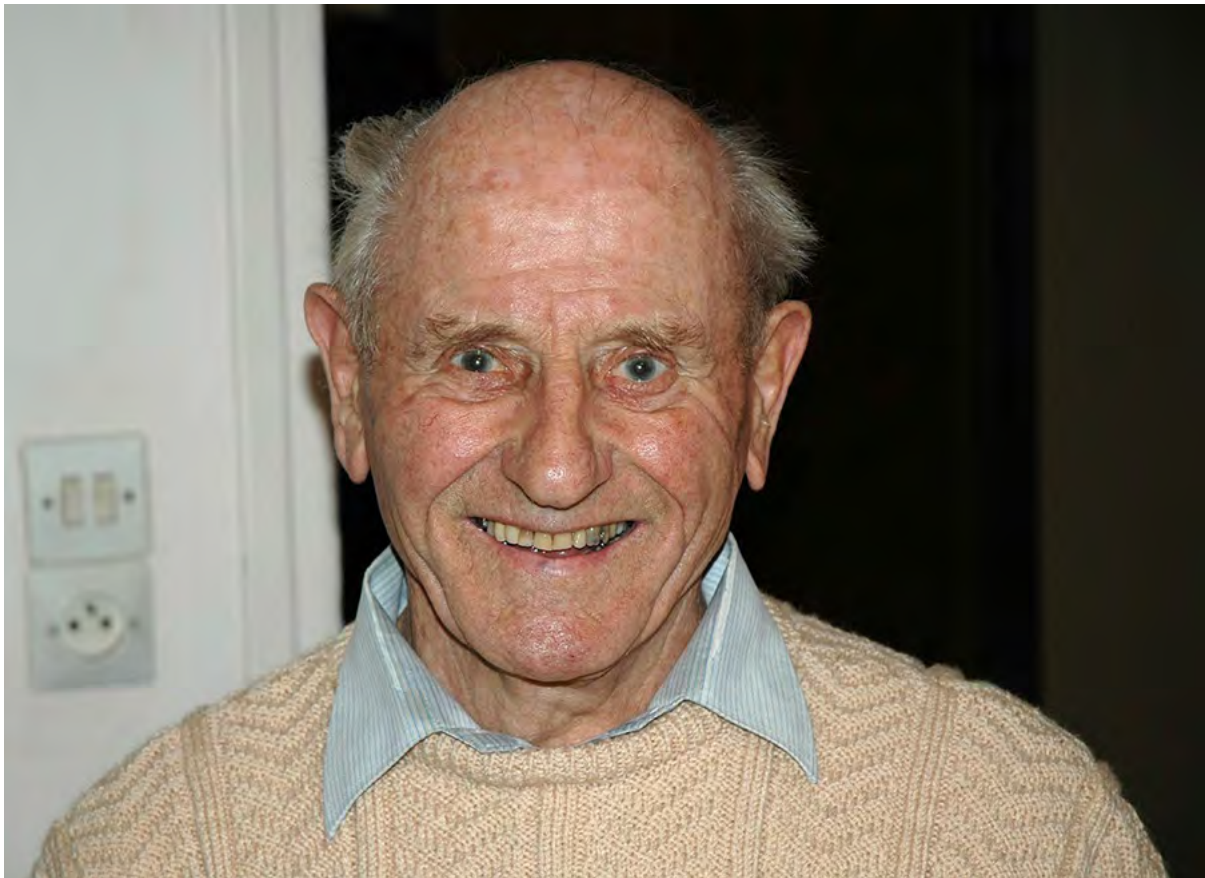
Tôi lấy làm vui sướng được chia sẻ với các bạn những giây phút cuối cùng quý báu đó với anh Richard, nhưng cũng thấy buồn vì biết sẽ không còn gì nữa...

Vài hình ảnh Richard Milles (do Barata & Sudharmi Sophie chuyên)











Những ngọn đèn khác nhau

Minh Thần dịch

Một truyện ngắn của Sebastian Paemen, Subud Voice November 2019



Hôm nay tôi gặp anh bạn Latif tại Manzil Way bên ngoài ngôi chùa Hồi. Latif là một luật sư người Pakistan làm việc gần đó. Chúng tôi vừa bắt đầu trò chuyện thì một tiếng nói ồn ào ngữ giọng Ấn Độ qua máy khuếch đại âm thanh của một phụ nữ phát ra từ phía sau.

-Chúa Giê-Su! Chúa Giê-Su! Vinh danh Chúa! Các bạn có muốn chấp nhận Giê-Su là Đấng Cứu Thế hay không? Đồng bào Cowley, vinh danh Chúa!

Tôi nhìn chung quanh thì trông thấy một phụ nữ da đen cao lớn, diện mạo nghiêm khắc, tuổi khoảng 40, với một mi-crô trong tay và một máy khuếch đại âm thanh bên cạnh. Phía bên trái

bà là bốn thanh niên da đen mặc cô-m-lê cầm những tờ truyền đơn.

-Công việc anh ra sao, tôi hỏi Latif?

-Các tội đồ! Các tội đồ của Cowley, các tội đồ của Oxford! Chúa đã hiện ra! Người phụ nữ truyền đạo tiếp tục nói.

Tôi hầu như không thể nghe thấy lời đáp của Latif, nên chúng tôi quyết định đi tới một nơi xa cách máy khuếch trương âm thanh. Khi chúng tôi đi ngang qua nhóm thanh niên Thiên Chúa giáo, một người trong họ đến gần Latif, rộng miệng mỉm cười nói với anh:

-Huynh có tin ở Giê-Su không?

-Đương nhiên là tôi tin, Latif nói. Người thanh niên đó tỏ vẻ vui mừng, và nhìn qua phía tôi.

-Còn huynh, huynh có chấp nhận Giê-Su là Đấng Cứu Thế?

-Tôi kính mến Giê-Su, tôi đáp một cách xã giao, để tránh khỏi phải tranh luận về những dị biệt của thần học.

Y hỏi tiếp với một nụ cười rộng miệng hơn: „Huynh đã được ngâm mình vào nước để rửa tội? Như điều Thánh Kinh dạy, vì đó là cách duy nhất để đến với Giê-Su?“

Đó là lúc Latif quyết định cho biết sự thật, và dịu dàng nói cho y hay chúng tôi theo một tôn giáo khác.

„Ồ,“ đó là tất cả những gì y nói, tỏ vẻ buồn phiền và thất vọng. Y đột ngột quay người lại để trở về nơi bạn bè y. Chắc y đã nghĩ điều này là lãng phí thì giờ, nếu tìm cách cải đạo theo Thiên Chúa giáo hai người Hồi giáo, ngay bên ngoài ngôi chùa Hồi.

Trong lúc đó thì người phụ nữ truyền đạo đang quỳ trên đầu gối, mặt ngược lên trời, chiếc mi-crô giữa đôi bàn tay chấp lại, hết sức lớn tiếng kêu gọi: „Xin Chúa tha thứ cho dân Cowley, xin Chúa tha thứ cho dân Oxford!“

Tuy có cai vẻ hơi cuồng loạn nhưng sự hiện thân của một người đang quỳ giữa những dân thị thành bận bịu, để kêu gọi Tạo Hóa mà không xấu hổ hay lúng túng, như thế nào đó khiến liên tưởng tới những vị ngôn sứ xưa kia: họ đã được hướng dẫn để đem thiên hạ trở về với Thiên Chúa nhưng lại bị chê cười và trách mắng.

-Biết đâu chừng, cách truyền đạo của bà ta có thể đem người nào đó trở về với Chúa, tôi nghĩ.

Tất cả chúng ta đều khác nhau. Cách phụng thờ của bà có thể không là cách của tôi, nhưng có lẽ nó có hiệu quả với người nào đó khác, hay có lợi cho họ. Có thể đó là một kẻ đầu đường xó chợ, hay một kẻ nghiện ma túy, khiến đời họ trở nên khá hơn. Trước kia, tôi đã từng thấy điều đó xảy ra. Có nhiều con đường dẫn tới Thượng Đế. Như nhà thơ Rumi đã nói: „Đó là thứ ánh sáng cho tất cả các ngọn đèn.“

-Xin Chúa ban ân cho tâm hồn bà ta, Latif nói, khi chúng tôi đi qua bên kia đường để uống cà phê tại tiệm ăn Thổ Nhĩ Kỳ.



góc tin tức - Thành kính phân ưu

Trong năm 2019 có 7 hội viên Subud ở Việt Nam, Mỹ, Áo đã trở về cõi sáng:

Cụ Bà Hà Thị Quyên
1927 - 2019

Đã tạ thế ngày 21/04/2019 tại Arizona, Hoa Kỳ

Ông Margono Nguyễn Đăng Dũng
1953 - 2019

Pháp danh Giải Thoát

Tạ thế lúc 10 giờ 45 ngày 15.05.2019
tại bệnh viện ở Houston, Hoa Kỳ

Ông Murdiyot Trương Khắc Mẫn
1944 - 2019

Tạ thế ngày 30.06.2019 lúc 1 giờ sáng
tại Sonoma, Hoa Kỳ

Ông Linhard Heinz Synek
1937 - 2019

Tạ thế ngày 17.08.2019 lúc 11 giờ
tại Berndorf, Áo

Ông Raphael Thomas Kálnoky
1937 - 2019

Tạ thế ngày 13.08.2019 tại Gainfarn, Áo

Ông Richard Milles
1920 - 2019

Tạ thế ngày 17.11.2019 lúc 13 giờ tại Benaix, Pháp

Cụ Bà Hà Thị Ngọc Nga
1937 - 2019

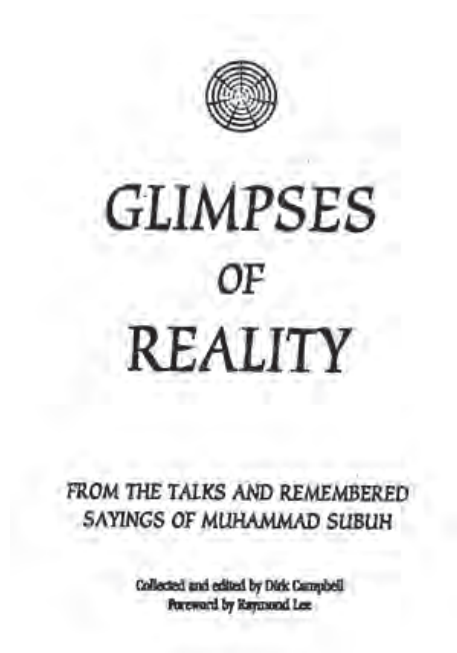
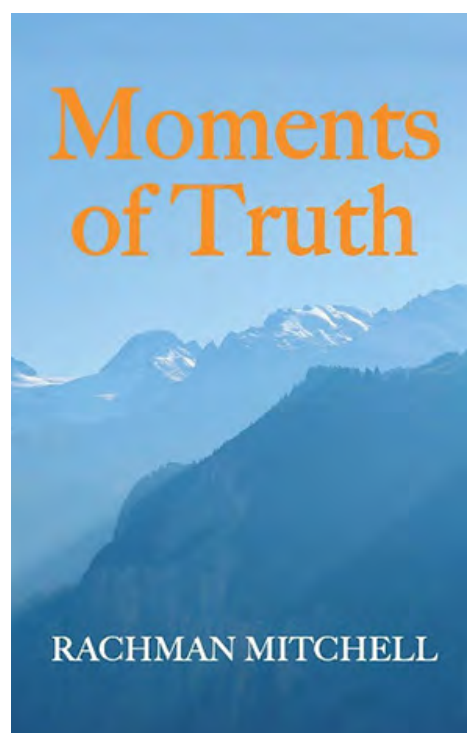
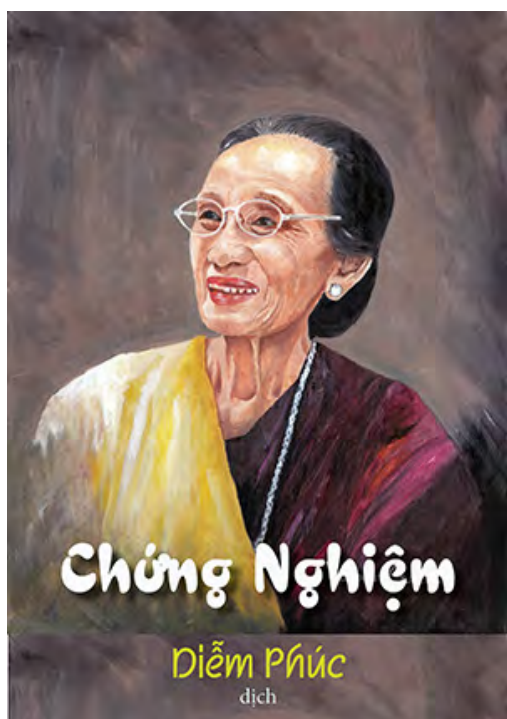
Pháp danh Diệu Tĩnh

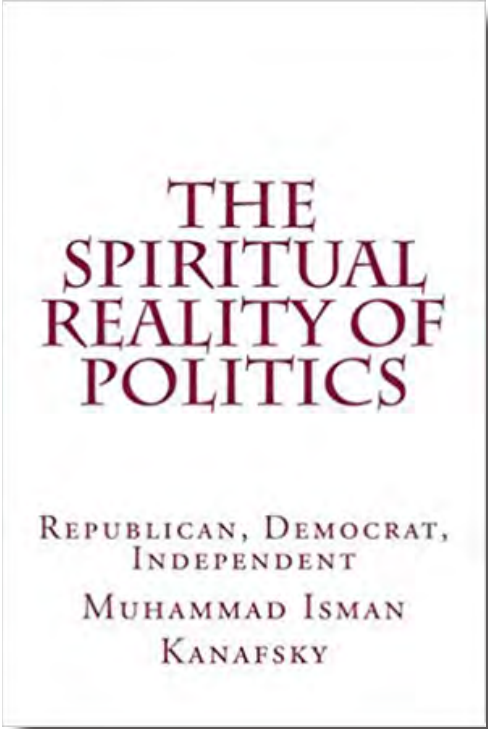
Đã tạ thế ngày 22.12.2019 lúc 7 giờ
tại Bình Dương, Việt Nam

góc sách & hồi ký

chong đèn đọc sách

Những cuốn sách đăng trong năm 2019 trên web góc nhỏ:





góc văn nghệ



Hoàng Nam Hartono



Trọng năm 2019 Hoàng Nam đàn 4 bản Guitar:

Kỷ Niệm - Phạm Duy

Quê Nghèo - Phạm Duy

Mộng Du - Phạm Duy

Tình Hoài Hương - Phạm Duy

Lê Nguyễn

Lê Nguyễn vẽ được trong năm 2019 tất cả là 18 bức tranh vừa Aquarell vừa sơn dầu:

- 1) Đón xuân
- 2) Hoa Trắng
- 3) Nghiêng nón lá
- 4) Đường làng mùa mưa
- 5) Cúc vàng
- 6) Margono NDD
- 7) Mùa hoa súng
- 8) Hạnh phúc
- 9) Mùa chôm chôm
- 10) Bếp hồng
- 11) Trầm mặc
- 12) Flamingo
- 13) Trên cát
- 14) Cao bồi
- 15) Sợi bông
- 16) Chiếc lá thu phai
- 17) Lá bạc đầu
- 18) Richard Milles





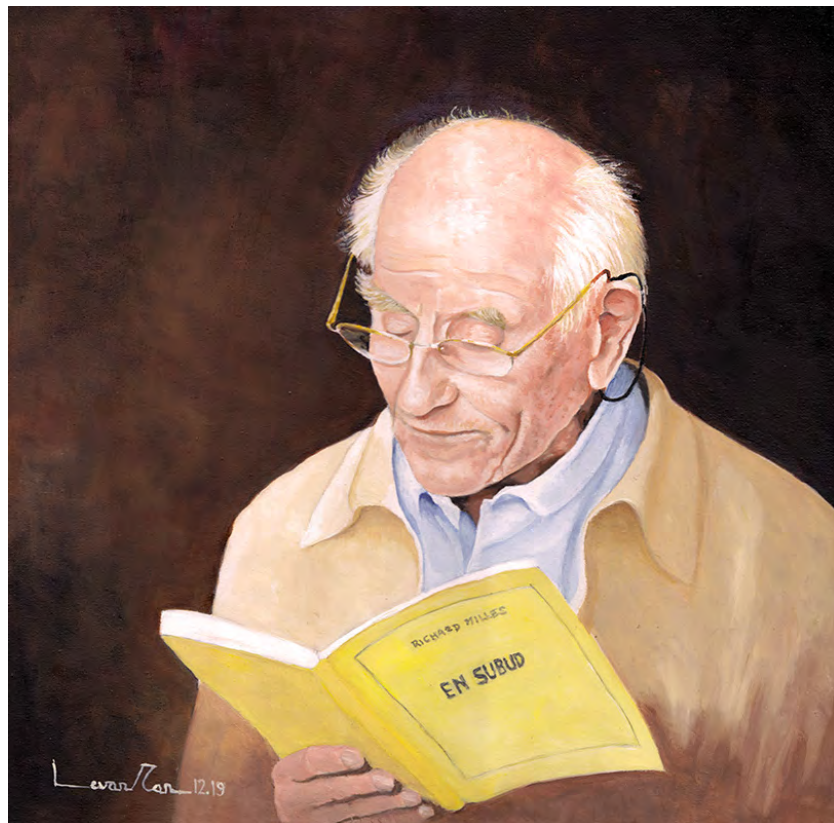












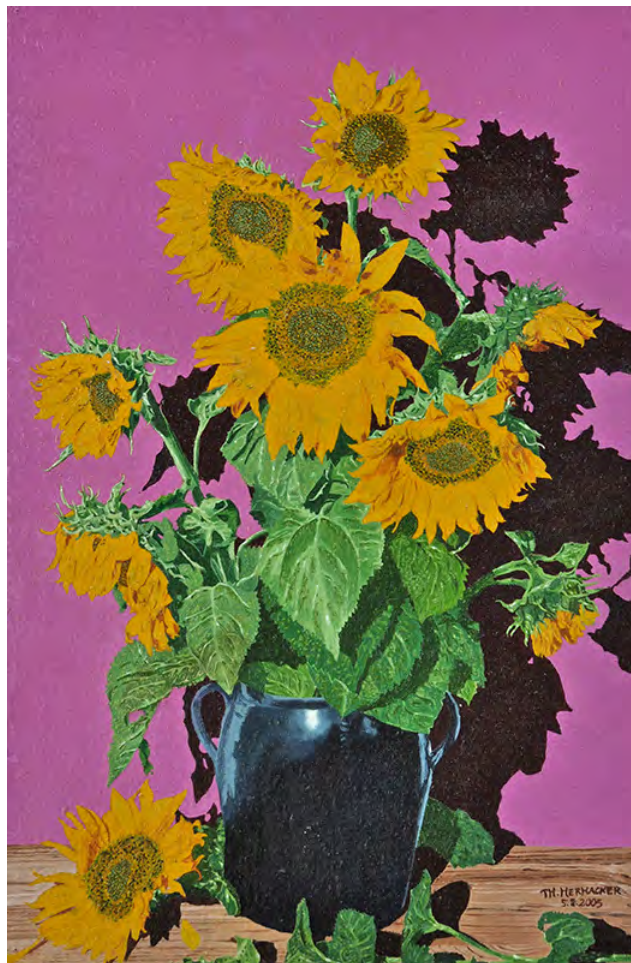
Hamidah Herhacker

Hamidah Herhacker vẽ được 24 bức tranh sơn dầu

























Ghi số 12 - 2020 - 175

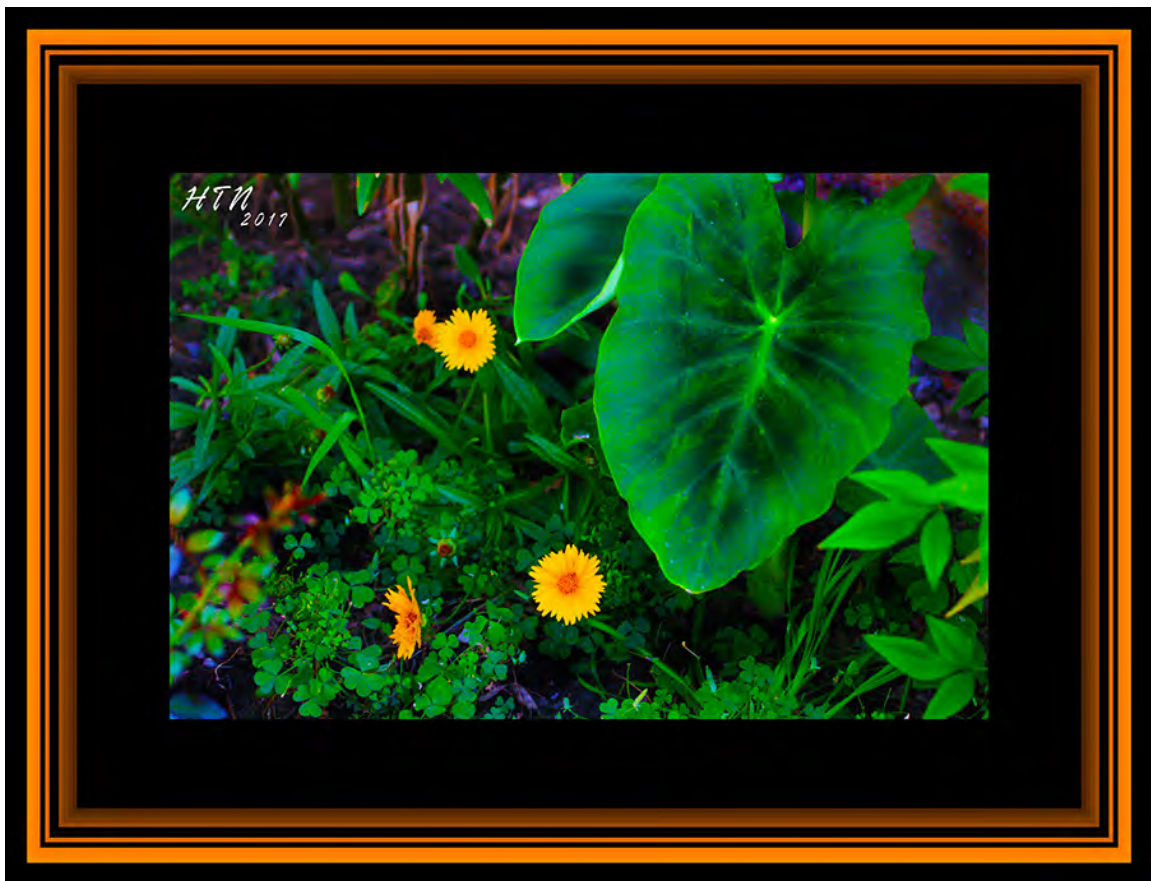


HTN - Hiếu Tường Nguyễn

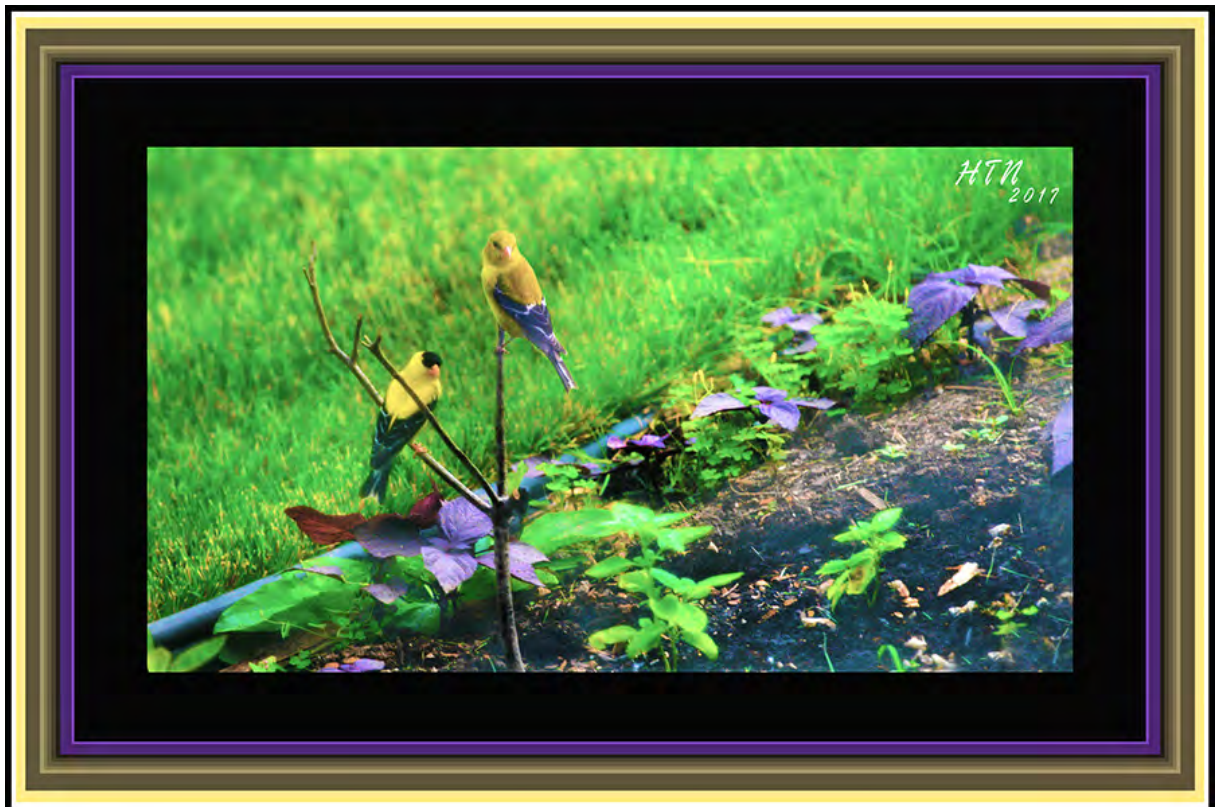
Trong năm 2019 có 47 tấm ảnh tuyệt đẹp được trình làng. Một số ảnh thượng trưng.











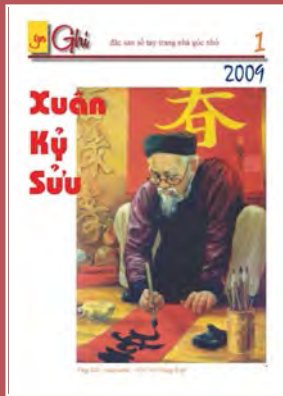




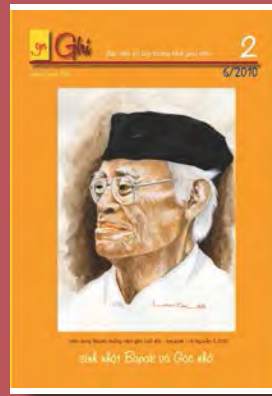




Góc Nhỏ năm thứ 13 và 12 số Ghi



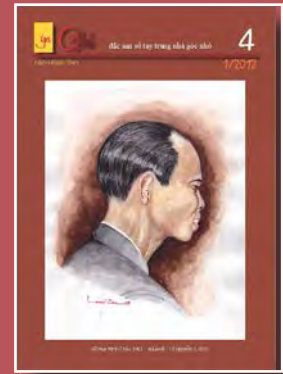
số 1 năm 2009



số 2 năm 2010



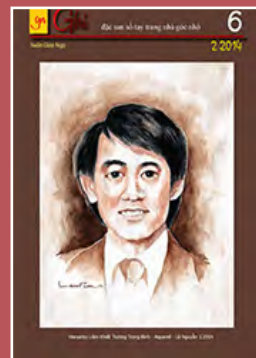
số 3 năm 2011



số 4 năm 2012



số 5 năm 2013



số 6 năm 2014



số 7 năm 2015



số 8 năm 2016



số 9 năm 2017



số 10 năm 2018



số 11 năm 2019



số 12 năm 2020